

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính
trong lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cảnh tranh số 27/2004/QH11 ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 14/12/2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH12 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 30/11/2010;

Căn cứ các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật và các Thông tư hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3982/TTr-SCT ngày 15/8/2016 của Giám đốc Sở Công Thương và ý kiến của Sở Tư pháp tại công văn số 1241/STP-KSTTHC ngày 05/7/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm:

- 127 thủ tục hành chính thực hiện tại Sở Công Thương;
- 14 thủ tục hành chính thực hiện tại cấp huyện;
- 04 thủ tục hành chính thực hiện tại cấp xã;
- 05 thủ tục hành chính thực hiện theo quy trình liên thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 22/4/2011; Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 13/3/2012; Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 18/6/2012; Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 21/5/2013; Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 06/5/2015; Quyết định số 7263/QĐ-UBND ngày 29/12/2015; Quyết định số 7264/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Bộ thủ tục hành chính và các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Thành uỷ, HĐND TP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
- VP UBND TP; PVP Phạm Chí Công;
- các phòng: NC, KT, TKBT, TH;
- Cổng thông tin điện tử Thành phố;
- Website, công báo;
- Lưu: VT, NC_(B)

đề
báo
cáo



CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Chung

3488(120)



BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4915/QĐ-UBND

ngày 07 / 9 / 2016 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP SỞ

TT	Tên Thủ tục hành chính	Trang
I. Lĩnh vực Kinh doanh khí		10
01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai.	10
02	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai.	13
03	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai.	16
04	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai.	19
05	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	22
06	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	25
07	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	28
08	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	31
09	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải.	34
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải.	37
11	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải.	40
12	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải.	43
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	46
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	49
15	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh	52

	doanh LPG	
16	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	55
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	58
18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	61
19	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	64
20	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	67
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	70
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	74
23	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	77
24	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	80
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải.	83
26	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải.	86
27	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải.	89
28	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải.	92
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)	95
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)	98
31	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)	100
32	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)	103
33	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải.	106
34	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải.	109

35	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải.	112
36	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải.	115
37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG)	118
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG)	121
39	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG)	123
40	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG)	126
II. Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp		128
41	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	128
42	Cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	132
43	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	136
III. Lĩnh vực phân bón vô cơ		140
44	Cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm phân bón vô cơ	140
IV. Lĩnh vực Hóa chất		143
45	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	143
46	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	149
47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	152
48	Cấp Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	155
49	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	161
50	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	164
51	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	167
52	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	173

53	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	178
54	Xác nhận Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp	183
55	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất	186
56	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất	190
57	Xác nhận khai báo hóa chất sản xuất	192
58	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	202
V. Lĩnh vực Điện lực		205
59	Cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương	205
60	Cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương	210
61	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương	215
62	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	220
63	Thẩm định Thiết kế cơ sở công trình điện lực	224
64	Thẩm định Thiết kế xây dựng công trình điện lực	229
65	Xác nhận công trình điện phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội	235
66	Huấn luyện và cấp mới Thẻ an toàn điện	238
67	Cấp lại Thẻ an toàn điện	240
68	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	241
69	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương	243
70	Cấp Thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	248
71	Cấp Thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ	250
VI. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng		252
72	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	252
73	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	259

74	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	262
75	Cấp Giấy phép sản xuất rượu Công nghiệp có quy mô dưới 3 triệu lít/năm	265
76	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu Công nghiệp có quy mô dưới 3 triệu lít/năm	268
77	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu Công nghiệp có quy mô dưới 3 triệu lít/năm	271
78	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	276
79	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	283
80	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	286
VII. Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ		289
81	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	289
VIII. Lĩnh vực xuất nhập khẩu		295
82	Xác nhận Bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công	295
83	Cấp bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép	301
IX. Lĩnh vực công nghiệp nặng		308
84	Tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn nhóm B,C	308
X. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		314
85	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	314
86	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	318
87	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	322
88	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	325
89	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	330
90	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	333
91	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	338
92	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	342
93	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	347

94	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	351
95	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	355
96	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	359
97	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	363
98	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	367
99	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	370
XI. Lĩnh vực Giám định thương mại		373
100	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	373
101	Đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ giám định thương mại	376
XII. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại		379
102	Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	379
103	Xác nhận thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	383
104	Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	385
105	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	390
106	Thông báo thực hiện khuyến mại	392
XIII. Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh		394
107	Đăng ký hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	394
108	Xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	398
109	Xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo tổ chức Hội nghị, hội thảo, đào tạo	408
XIV. Lĩnh vực Thương mại Quốc tế		414
110	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	414
111	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	418
112	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	421
113	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	424

114	Thông báo hoạt động sau cấp phép của văn phòng đại diện không do Sở Công Thương cấp phép	429
115	Thông báo chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài	435
XV. Lĩnh vực An toàn thực phẩm		438
116	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	438
117	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	448
118	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	458
119	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	465
120	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương	474
121	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	477
122	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	480
123	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	490
124	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp ở trung tâm thương mại, siêu thị có hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến phục vụ kinh doanh thực phẩm tại chỗ	498
125	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp ở trung tâm thương mại, siêu thị có hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến phục vụ kinh doanh thực phẩm tại chỗ	507
126	Thủ tục ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	515
XVI. Lĩnh vực Khoa học công nghệ		518
127	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	518

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên Thủ tục hành chính	Trang
I. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng		520
128	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	520
129	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	523
130	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	526
II. Lĩnh vực An toàn thực phẩm		529
131	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ	529
132	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (trường hợp bị mất, thất lạc hoặc bị hỏng) đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ	537
133	Thủ tục ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội	545
134	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp Huyện trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	548
III. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		556
135	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	556
136	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	559
137	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	562
138	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	566
139	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	569
140	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	573
V. Lĩnh vực công nghiệp địa phương		576
141	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	576

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên Thủ tục hành chính	Trang
I. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng		581
142	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.	581

143	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.	584
144	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.	587
II. Lĩnh vực An toàn thực phẩm		590
145	Thủ tục ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.	590

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO QUY TRÌNH LIÊN THÔNG

TT	Tên Thủ tục hành chính	Trang
I. Lĩnh vực Dầu khí		593
146	Thẩm định, phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³	593
147	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	598
148	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	602
II. Lĩnh vực Điện lực		606
149	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV)	606
III. Lĩnh vực công nghiệp địa phương		608
150	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	608

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP SỞ

01. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG.
- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện:
 - Tài liệu chứng minh trạm nạp LPG vào chai phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
 - Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và các thiết bị phụ trợ.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động của trạm nạp.
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các quy trình:

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các quy trình: Nạp LPG vào chai, xe bồn, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và an toàn lao động.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai.

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư số 18/2013/TT-BCT ngày 31/7/2013 của Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng bằng thép.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP LPG VÀO CHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG số....do.....cấp ngày....tháng....năm...

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Nhãn hiệu hàng hóa:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

02. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai.

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân; Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận.
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép;

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản gốc (nếu có) hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.
- Thông tư số 18/2013/TT-BCT ngày 31/7/2013 của Bộ Công Thương về việc

Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng bằng thép.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm
Mã số thuế:
Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....
Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo
quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

03. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai.

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân; Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép;

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị điều chỉnh chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về

kinh doanh khí.

- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư số 18/2013/TT-BCT ngày 31/7/2013 của Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng bằng thép.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

04. Cấp gia hạn chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai.

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân; Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ Điều kiện. Giấy chứng nhận đủ Điều kiện chỉ được gia hạn 01 lần có thời hạn hiệu lực là 05 (năm) năm.
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép;

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong

lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư số 18/2013/TT-BCT ngày 31/7/2013 của Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng bằng thép.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

05. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.
- Tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện:
- Tài liệu chứng minh trạm cấp LPG phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG. Trường hợp thương nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG phải bổ sung bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng.

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG (theo mẫu).

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.
- Thông tư 49/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng.
- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.
- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP LPG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm cấp:

Địa chỉ trạm cấp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

06. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;

- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân; Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận.

- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).

- Bản gốc (nếu có) hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng .

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư 49/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

07. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân; Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng .

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị điều chỉnh chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về

kinh doanh khí.

- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư 49/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm
Mã số thuế:
Giấy chứng nhận đủ điều kiện
Đề nghị Sở Công Thương xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện
theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày .. tháng .. năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

08. Cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân; Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ Điều kiện. Giấy chứng nhận đủ Điều kiện chỉ được gia hạn 01 lần có thời hạn hiệu lực là 05 (năm) năm.
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức/Công dân.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng .

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong

lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư 49/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

09. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải.

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.
- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện:
- Tài liệu chứng minh trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn nạp LPG vào phương tiện vận tải.
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG. Trường hợp thương nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải phải bổ sung bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải (theo mẫu).

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư 49/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
NẠP LPG VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

10. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải.

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân; Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận.
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép;

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản gốc (nếu có) hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức/Công dân.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư 49/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

11. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải.

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân; Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức/Công dân.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải.

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị điều chỉnh chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định

chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư 49/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

12. Cấp gia hạn chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải.

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân; Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ Điều kiện. Giấy chứng nhận đủ Điều kiện chỉ được gia hạn 01 lần có thời hạn hiệu lực là 05 (năm) năm.
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào phương tiện vận tải

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư 49/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

13. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- + Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần thiết và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:
 - Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG (theo biểu mẫu kèm theo).
 - Bản sao có chứng thực (đối với hồ sơ nộp qua đường bưu điện) hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp):
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - + Tài liệu chứng minh có kho chứa với tổng sức chứa tối thiểu 2000 chai LPG và LPG chai thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê đáp ứng điều kiện qui định tại khoản 1.Điều 11 Nghị định 19/NĐ-CP.
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai/Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG/Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải thuộc sở hữu doanh nghiệp.
 - + Danh sách hệ thống phân phối đáp ứng điều kiện theo qui định tại điều 11.Nghị định 19/2016/NĐ-CP và các hợp đồng đại lý kinh doanh LPG thời hạn tối thiểu 01 năm kèm theo.
 - + Hợp đồng đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối, thời hạn hợp đồng tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực.

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đáp ứng đầy đủ điều kiện theo qui định.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổng đại lý kinh doanh LPG phải có đủ các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo qui định của pháp luật.

+ Có kho với tổng sức chứa tối thiểu 2000 chai LPG và LPG chai (trừ chai LPG mini) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê tối thiểu 01 năm.

+ Có hệ thống phân phối LPG gồm: cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo qui định tại Điều 42. Nghị định 19/NĐ-CP;

+ Có tối thiểu 10 đại lý đáp ứng đủ điều kiện theo qui định của Nghị định 19/NĐ-CP.

+ Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương qui định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH LPG**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối:

1.....

2.....

3.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

14. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG (đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị sai sót hoặc hư hỏng).

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:
 - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG (theo biểu mẫu kèm theo).
 - Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG đã được cấp (đối với trường hợp GCN ĐDK bị sai sót, hư hỏng).
 - Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG (đối với trường hợp GCN ĐDK bị mất, bị hư hỏng toàn bộ).
- Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đáp ứng đủ điều kiện theo qui định.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định (đối với những trường hợp phải thẩm định lại).
- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổng đại lý kinh doanh LPG phải có đủ các điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp được thành lập theo qui định của pháp luật.
- + Có kho với tổng sức chứa tối thiểu 2000 chai LPG và LPG chai (trừ chai LPG mini) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê tối thiểu 01 năm.
- + Có hệ thống phân phối LPG gồm: cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo qui định tại Điều 42. Nghị định 19/NĐ-CP.
- + Có tối thiểu 10 đại lý đáp ứng đủ điều kiện theo qui định của Nghị định 19/NĐ-CP.
- + Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối.

I- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.
- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương qui định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 77/2012TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH LPG**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do.... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG số.....ngày tháng năm . Thời hạn đến ngày tháng năm.

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG số ngày....tháng.....năm theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....,ngày....tháng...năm....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

15. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG (đối với trường hợp thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm, thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động, hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký).

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG (theo biểu mẫu kèm theo).
 - Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG đã được cấp.
 - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh các nội dung đề nghị thay đổi.
- Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)*

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đáp ứng đủ các điều kiện theo qui định

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định (đối với những trường hợp phải thẩm định lại).

- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổng đại lý kinh doanh LPG phải có đủ các điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp được thành lập theo qui định của pháp luật.
- + Có kho với tổng sức chứa tối thiểu 2000 chai LPG và LPG chai (trừ chai LPG mini) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê tối thiểu 01 năm.
- + Có hệ thống phân phối LPG gồm: cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo qui định tại Điều 42. Nghị định 19/NĐ-CP.
- + Có tối thiểu 10 đại lý đáp ứng đủ điều kiện theo qui định của Nghị định 19/NĐ-CP.
- + Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.
- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH
LPG

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG số.....ngày tháng năm ..Thời hạn đến ngày tháng năm.

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG số ngày....tháng.....năm theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

16. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG (trường hợp Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực).

a. Trình tự thực hiện:

- Trước 30 (ba mươi) ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hạn, Thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG (theo biểu mẫu kèm theo).
- Bản cam kết của thương nhân bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo qui định tại điều 11. Nghị định 19/NĐ-CP để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đáp ứng đủ các điều kiện theo qui định.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định (đối với những trường hợp phải thẩm định lại)
- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổng đại lý kinh doanh LPG phải có đủ các điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp được thành lập theo qui định của pháp luật.
- + Có kho với tổng sức chứa tối thiểu 2000 chai LPG và LPG chai (trừ chai LPG mini) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê tối thiểu 01 năm.
- + Có hệ thống phân phối LPG gồm: cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo qui định tại Điều 42. Nghị định 19/NĐ-CP.
- + Có tối thiểu 10 đại lý đáp ứng đủ điều kiện theo qui định của Nghị định 19/NĐ-CP.
- + Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.
- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 77/2012TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH LPG

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do.... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG số.....ngày tháng năm . Thời hạn đến ngày tháng năm.

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG số ngày....tháng.....năm theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....,ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

17. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- + Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần thiết và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG (theo biểu mẫu kèm theo)
- Bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp):
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải.
- + Hợp đồng đại lý với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối hoặc tổng đại lý kinh doanh LPG, thời hạn tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực.

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)*

d- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đáp ứng đủ điều kiện theo qui định.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm

đại lý kinh doanh LPG.

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định:
- + Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định;
- + Đối với hộ kinh doanh : 400.000đ/điểm/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần..

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đại lý kinh doanh LPG phải có đủ các điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo qui định của pháp luật.
- + Có cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP;
- + Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối hoặc tổng đại lý kinh doanh LPG đáp ứng đủ điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.
- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 77/2012TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ KINH DOANH LPG**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu mỗi:

1.....

2.....

3.....

Hoặc Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với tổng đại lý kinh doanh
LPG:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý
kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm
2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật
khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

...., ngày.... tháng... năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

18. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG (theo biểu mẫu kèm theo)
- Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG đã được cấp (*đối với trường hợp GCN ĐDK bị sai sót, hư hỏng*).
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG (*đối với trường hợp GCN ĐDK bị mất, bị hư hỏng toàn bộ*).

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)*

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đáp ứng đủ điều kiện theo qui định.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định (*đối với trường hợp phải thẩm định lại*):
- + Đối với doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định;
- + Đối với hộ kinh doanh/cá nhân : 400.000đ/điểm/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đại lý kinh doanh LPG phải có đủ các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo qui định của pháp luật.

+ Có cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP;

+ Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối hoặc tổng đại lý kinh doanh LPG đáp ứng đủ điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương qui định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 77/2012TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ KINH DOANH LPG

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh số: ... do..... cấp
ngày...tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG số.....ngày tháng
năm . Thời hạn đến ngày tháng năm.

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý
kinh doanh LPG số ngày....tháng.....năm theo quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP
ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có
liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

19. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG (trường hợp thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm, thay đổi qui mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký):

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG (theo biểu mẫu kèm theo)

- Bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG đã được cấp.

- Các giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh các nội dung thay đổi.

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)*

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đáp đủ điều kiện theo qui định.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định (*đối với trường hợp phải thẩm định lại*):
 - + Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định;
 - + Đối với hộ kinh doanh/cá nhân : 400.000đ/điểm/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đại lý kinh doanh LPG phải có đủ các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo qui định của pháp luật.

+ Có cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP;

+ Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối hoặc tổng đại lý kinh doanh LPG đáp ứng đủ điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ KINH DOANH LPG**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh số: ... do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG số.....ngày tháng năm . Thời hạn đến ngày tháng năm.

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG số ngày....tháng.....năm theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

20. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG
(trường hợp Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực):

a- Trình tự thực hiện:

- Trước 30 (ba mươi) ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, Thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG (theo biểu mẫu kèm theo).
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo qui định tại điều 12. Nghị định 19/2016/NĐ-CP để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

** Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đảm bảo đủ điều kiện theo qui định

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định (đối với trường hợp phải thẩm định lại):
 - + Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định;
 - + Đối với hộ kinh doanh/cá nhân : 400.000đ/điểm/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần..

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đại lý kinh doanh LPG phải có đủ các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo qui định của pháp luật.

+ Có cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP;

+ Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối hoặc tổng đại lý kinh doanh LPG đáp ứng đủ điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương qui định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ KINH DOANH LPG**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh số: ... do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG số.....ngày tháng năm . Thời hạn đến ngày tháng năm.

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG số ngày....tháng.....năm theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

21. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- + Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, điều kiện cần thiết và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (theo biểu mẫu kèm theo)
- Bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp):
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG/Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG/ Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG (đối với trường hợp thương nhân đã được cấp GCN đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG).
 - + Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo qui định do cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền cấp: Biên bản kiểm tra điều kiện về Phòng cháy chữa cháy có kết luận cơ sở đảm bảo các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định của pháp luật, hoặc văn bản thẩm duyệt, nghiệm thu về Phòng cháy chữa cháy của cơ quan cảnh sát PC&CC có thẩm quyền cấp và thông báo cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện an toàn PCCC của chủ cơ sở.
 - + Chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ Phòng cháy chữa cháy, an toàn cấp cho từng cán bộ, nhân viên làm việc tại cửa hàng.
 - + Tài liệu chứng minh địa điểm phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm

quyền phê duyệt (đối với các cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai).

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

d- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân có đủ điều kiện theo qui định

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cửa hàng bán LPG chai phải có đủ các điều kiện sau:

+ Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý, tổng đại lý hoặc thương nhân kinh doanh LPG đầu mối đáp ứng các điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP.

+ Phải đảm bảo đáp ứng các qui định của pháp luật về Phòng cháy và chữa cháy trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

+ Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh tại cửa hàng phải được đào tạo về phòng cháy và chữa cháy, an toàn theo qui định hiện hành.

+ Đối với cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương qui định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016

của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH KHÍ DẦU
MỎ HÓA LỎNG CHO CỬA HÀNG BÁN LPG CHAI**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ cửa hàng:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: ... do... cấp ngày... tháng...
năm.....

Mã số thuế:

Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối:

1.....

2.....

3.....

Hoặc Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với tổng đại lý kinh doanh
LPG:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí
dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP
ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP
ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có
liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

22. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (trường hợp Giấy chứng nhận đã được cấp bị mất, sai sót hoặc hư hỏng)

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (theo biểu mẫu kèm theo)
- Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai đã được cấp (*đối với trường hợp GCN ĐDK bị sai sót, hư hỏng*).
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (*đối với trường hợp GCN ĐDK bị mất, bị hư hỏng toàn bộ*).

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

** Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đáp ứng đủ điều kiện theo qui định

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định (*đối với trường hợp phải thẩm định lại*): 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định;
- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần..

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cửa hàng bán LPG chai phải có đủ các điều kiện sau:

+ Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý, tổng đại lý hoặc thương nhân kinh doanh LPG đầu mối đáp ứng các điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP.

+ Phải đảm bảo đáp ứng các qui định của pháp luật về Phòng cháy và chữa cháy trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

+ Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh tại cửa hàng phải được đào tạo về phòng cháy và chữa cháy, an toàn theo qui định hiện hành.

+ Đối với cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương qui định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 77/2012TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG CHO CỬA HÀNG BÁN LPG CHAI**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân.....

Địa chỉ cửa hàng :

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do..... cấp ngày... tháng...
năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG
chai số.....ngày tháng năm . Thời hạn đến ngày tháng năm.

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện khí dầu mỏ
hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai số ngày....tháng.....năm theo quy
định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP
ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có
liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

23. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (trường hợp thay đổi về đăng ký kinh doanh, địa điểm, thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký)

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (theo biểu mẫu kèm theo)

- Bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai đã được cấp.

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh các nội dung thay đổi.

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

** Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đáp ứng đủ điều kiện theo qui định

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định (đối với trường hợp phải thẩm định lại): 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định;

- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần..

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cửa hàng bán LPG chai phải có đủ các điều kiện sau:

+ Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý, tổng đại lý hoặc thương nhân kinh doanh LPG đầu mối đáp ứng các điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP.

+ Phải đảm bảo đáp ứng các qui định của pháp luật về Phòng cháy và chữa cháy trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

+ Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh tại cửa hàng phải được đào tạo về phòng cháy và chữa cháy, an toàn theo qui định hiện hành.

+ Đối với cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 77/2012TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH
DOANH KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG CHO CỬA HÀNG BÁN LPG CHAI**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ cửa hàng:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do..... cấp ngày... tháng..
năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG
chai số.....ngày tháng năm . Thời hạn đến ngày tháng năm.

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện khí
dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai số ngày....tháng.....năm
theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP
ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có
liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

24. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (trường hợp Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực)

a- Trình tự thực hiện:

- Trước 30 (ba mươi) ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hạn, Thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (theo biểu mẫu kèm theo)
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo qui định đối với cửa hàng bán LPG chai tại điều 13. Nghị định 19/NĐ-CP để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đáp ứng đủ điều kiện theo qui định.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

h- Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định (đối với trường hợp phải thẩm định lại): 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định;
- Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần..

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cửa hàng bán LPG chai phải có đủ các điều kiện sau:

+ Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý, tổng đại lý hoặc thương nhân kinh doanh LPG đầu mối đáp ứng các điều kiện theo qui định tại Nghị định 19/NĐ-CP.

+ Phải đảm bảo đáp ứng các qui định của pháp luật về Phòng cháy và chữa cháy trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

+ Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh tại cửa hàng phải được đào tạo về phòng cháy và chữa cháy, an toàn theo qui định hiện hành.

+ Đối với cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính Phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương qui định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 77/2012TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH
DOANH KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG CHO CỬA HÀNG BÁN LPG CHAI**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân.....

Địa chỉ cửa hàng:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do.... cấp ngày... tháng...
năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG
chai số.....ngày tháng năm . Thời hạn đến ngày tháng năm.

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện khí
dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai số ngày....tháng....năm
theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính
phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP
ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác
có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

25. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.
- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện:
 - Tài liệu chứng minh trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
 - Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn nạp LNG vào phương tiện vận tải.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LNG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LNG.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và các thiết bị phụ trợ.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các quy trình: Nạp LNG vào phương tiện vận tải, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và an toàn lao động.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải, (theo mẫu).

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
NẠP LNG VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

26. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản gốc (nếu có) hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ

quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo
quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

27. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị điều chỉnh chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về

kinh doanh khí.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện
theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

28. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ Điều kiện. Giấy chứng nhận đủ Điều kiện chỉ được gia hạn 01 lần có thời hạn hiệu lực là 05 (năm) năm.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ

quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện
theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

29. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG (theo mẫu).
 2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.
 3. Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện:
 - Tài liệu chứng minh trạm cấp LNG phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
 - Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LNG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LNG.
- * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG (theo mẫu).

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP LNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

30. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản gốc (nếu có) hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG).

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.
- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND TP Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương TPHN

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo
quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

31. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận điều kiện cấp LNG

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị điều chỉnh chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện
theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

32. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ Điều kiện. Giấy chứng nhận đủ Điều kiện chỉ được gia hạn 01 lần có thời hạn hiệu lực là 05 (năm) năm.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện
theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
lệnh khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

33. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.
- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện:
 - Tài liệu chứng minh trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
 - Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu CNG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối CNG.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn nạp CNG vào phương tiện vận tải.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và các thiết bị phụ trợ.
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các quy trình: Nạp CNG vào phương tiện vận tải, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và an toàn lao động.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải, (theo mẫu).

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
NẠP CNG VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

34. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;

Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản gốc (nếu có) hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên nén CNG vào phương tiện vận tải.

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ

quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo
quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

35. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận điều kiện nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị điều chỉnh chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

36. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ Điều kiện. Giấy chứng nhận đủ Điều kiện chỉ được gia hạn 01 lần có thời hạn hiệu lực là 05 (năm) năm.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ

quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện
theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

37. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG)

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.
- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện:
- Tài liệu chứng minh trạm cấp CNG phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu CNG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối CNG.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG)

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG (theo mẫu).

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;

- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG theo
quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
lệnh khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

38. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG)

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản gốc (nếu có) hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG)

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.
- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND TP Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương TPHN.

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm
Mã số thuế:
Giấy chứng nhận đủ điều kiện
Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo
quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

39. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG)

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG)

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị điều chỉnh chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Thành phố Hà Nội.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Sở Công Thương xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện
theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
lệnh khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

40. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG)

a- Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân;
- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ Điều kiện. Giấy chứng nhận đủ Điều kiện chỉ được gia hạn 01 lần có thời hạn hiệu lực là 05 (năm) năm.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo mẫu).
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí thiên nhiên nén (CNG).

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thương mại 2005;
- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.
- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND TP Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương TPHN.

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Bản hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công
Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016
của Chính phủ về kinh doanh khí)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên thương nhân:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/ hộ kinh doanh số do cấp
ngày ... tháng ... năm
Mã số thuế:
Giấy chứng nhận đủ điều kiện
Đề nghị Sở Công Thương xem xét gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện
theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp
luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

..... ngày tháng năm 201...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

II. Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp

41. Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a- Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Công Thương Hà Nội;

- Sở Công Thương kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp để hoàn chỉnh hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết, thẩm tra thực tế. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Công Thương cấp Giấy phép cho doanh nghiệp. Nếu hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện, Sở Công Thương trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp, nêu rõ lý do không cấp phép;

- Doanh nghiệp nhận Giấy phép Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương hoặc bằng đường bưu điện.

b- Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Qua đường bưu điện.

Trước 30 ngày khi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) hết hạn, doanh nghiệp làm hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng VLNCN,

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN (theo mẫu).

- Báo cáo hoạt động sử dụng VLNCN trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép đã cấp lần trước;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự cấp mới theo đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp thay đổi về đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp.

- Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập đơn vị, đăng ký kinh doanh. Nếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có Giấy phép đầu tư (nếu có thay đổi);

- Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khoáng sản đối với các đơn vị hoạt động khoáng sản; giấy phép thăm dò; Quyết định trúng thầu thi công công trình hoặc hợp đồng nhận thầu, giấy ủy quyền thực hiện hợp đồng thi công công trình. Trong các giấy tờ trên phải ghi rõ nhu cầu sử dụng VLNCN (nếu có thay đổi);

- Thiết kế nổ mìn đối với các hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản quy mô công nghiệp, phương án nổ mìn đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản, các hoạt động phục vụ mục đích sản xuất, đào tạo huấn luyện, nghiên cứu khoa học khác. Thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải được lãnh đạo đơn vị duyệt (nếu có sự thay đổi);

- Phương án nổ mìn (nếu có thay đổi);

- Hồ sơ kho bảo quản, thiết bị nổ mìn, phương tiện vận chuyển VLNCN thỏa mãn

các quy định tại QCVN 02: 2008 (nếu có sự thay đổi);

- Quyết định bổ nhiệm Người chỉ huy nổ mìn của Thủ trưởng đơn vị(nếu có sự thay đổi).

Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các tổ chức có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

f- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công thương Hà Nội

g- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

h- **Lệ phí:** 1.500.000đ/Giấy.

i- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu đơn cấp phép hoạt động VLNCN.

k- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và quy định liên quan;

- Có kho chứa, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ công tác sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thỏa mãn theo yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định tại Mục 6 Nghị định 39/2009/NĐ-CP; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với các tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Lãnh đạo quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người phục vụ liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

l- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ quy định quản lý về vật liệu nổ Công nghiệp;

- Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ Công nghiệp;

- Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP của Chính phủ về vật liệu nổ Công nghiệp;

- Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàytháng ...năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi: Sở Công thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc giấy phép thành lập số:.....

Do.....cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:.....

Đăng ký kinh doanh số:do.....cấp ngày...tháng...năm.....

Mục đích sử dụng VLNCN:.....

Phạm vi, địa điểm sử dụng:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Ngày tháng năm sinh:.....Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):.....

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):.....

Đề nghị Sở Công thương Hà Nội xem xét và cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009; Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều trong Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 25/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 23/2009/TT-BCT./.

.....ngày....tháng.....năm...

Người làm đơn

(Ký tên đóng dấu)

42. Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a- Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Công Thương Hà Nội;

- Sở Công Thương kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp để hoàn chỉnh hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết, thẩm tra thực tế. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Công Thương cấp Giấy phép cho doanh nghiệp. Nếu hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện, Sở Công Thương trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp, nêu rõ lý do không cấp phép;

- Doanh nghiệp nhận Giấy phép trực tiếp tại Sở Công Thương hoặc bằng đường bưu điện.

b- Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy – Quận Cầu Giấy – Hà Nội.

- Qua đường bưu điện.

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép sử dụng Vật liệu nổ Công nghiệp (theo mẫu);

- Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định pháp luật;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện an ninh trật tự;

- Bản sao hợp lệ Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đối với các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản; Quyết định trúng thầu thi công công trình hoặc hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp. Trong các giấy tờ trên phải ghi rõ nhu cầu sử dụng VLNCN;

- Thiết kế thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng VLNCN đối với các công trình quy mô công nghiệp, phương án thi công, khai thác đối với các hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải thỏa mãn các yêu cầu an toàn theo Quy phạm kỹ thuật an toàn trong khai thác và chế biến đá lộ thiên TCVN 5178:2004 hoặc Quy phạm kỹ thuật an toàn trong công tác xây dựng TCVN 5308:91 và các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng liên quan;

- Phương án nổ mìn theo nội dung hướng dẫn tại Phụ lục 5 Thông tư 23/2009/TT-BCT;

Phương án nổ mìn phải được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cho phép;

- Hồ sơ kho bảo quản, thiết bị nổ mìn, phương tiện vận chuyển VLNCN thỏa

mãn các quy định tại QCVN 02:2008/BCT;

- Quyết định bổ nhiệm người Chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và Danh sách thợ mìn, người liên quan trực tiếp đến sử dụng VLNCN; Giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng VLNCN (nếu có).

Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

d- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương Hà Nội.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h- Lệ phí: 3.000.000đ/Giấy.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn cấp phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và quy định liên quan;

- Có kho chứa, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ công tác sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thỏa mãn theo yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định tại Mục 6 Nghị định 39/2009/NĐ-CP; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với các tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Lãnh đạo quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người phục vụ liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ quy định quản lý về vật liệu nổ Công nghiệp.

- Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ Công nghiệp

- Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP của Chính phủ về vật liệu nổ Công nghiệp;

- Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàytháng ...năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi: Sở Công thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc giấy phép thành lập số:.....

Do.....cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:.....

Đăng ký kinh doanh số:do.....cấp ngày...tháng...năm.....

Mục đích sử dụng VLNCN:.....

Phạm vi, địa điểm sử dụng:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Ngày tháng năm sinh:.....Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):.....

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):.....

Đề nghị Sở Công thương Hà Nội xem xét và cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009; Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều trong Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 25/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 23/2009/TT-BCT./.

.....ngày....tháng.....năm...

Người làm đơn

(Ký tên đóng dấu)

43. Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a- Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Công Thương trên địa bàn;

- Sở Công Thương kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp để hoàn chỉnh hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết, thẩm tra thực tế. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở trình UBND tỉnh hoặc được UBND tỉnh ủy quyền cấp Giấy phép cho doanh nghiệp. Nếu hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện, Sở Công Thương trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp, nêu rõ lý do không cấp phép;

- Doanh nghiệp nhận Giấy phép trực tiếp tại Sở Công Thương hoặc bằng đường bưu điện.

b- Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Qua đường bưu điện.

Trước 30 ngày khi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) hết hạn, doanh nghiệp làm hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng VLNCN,

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng VLNCN (theo mẫu).

- Báo cáo hoạt động sử dụng VLNCN trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép đã cấp lần trước;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự cấp mới theo đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp thay đổi về đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập đơn vị, đăng ký kinh doanh. Nếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có Giấy phép đầu tư (nếu có thay đổi);

- Bản sao giấy phép hoạt động khoáng sản đối với các đơn vị hoạt động khoáng sản; giấy phép thăm dò; Quyết định trúng thầu thi công công trình hoặc hợp đồng nhận thầu, giấy ủy quyền thực hiện hợp đồng thi công công trình. Trong các giấy tờ trên phải ghi rõ nhu cầu sử dụng VLNCN(nếu có thay đổi);

- Thiết kế nổ mìn đối với các hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản quy mô công nghiệp, phương án nổ mìn đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản, các hoạt động phục vụ mục đích sản xuất, đào tạo huấn luyện, nghiên cứu khoa học khác. Thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải được lãnh đạo đơn vị duyệt (nếu có thay đổi);

- Phương án nổ mìn (nếu có thay đổi);

- Hồ sơ kho bảo quản, thiết bị nổ mìn, phương tiện vận chuyển VLNCN thỏa mãn các quy định tại QCVN 02: 2008 (nếu có thay đổi);

- Quyết định bổ nhiệm Người chỉ huy nổ mìn của Thủ trưởng đơn vị.

Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

d- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương Hà Nội.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h- Lệ phí: 1.500.000đ/Giấy.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn cấp phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động những ngành nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và quy định liên quan;

- Có kho chứa, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ công tác sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thỏa mãn theo yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định tại Mục 6 Nghị định 39/2009/NĐ-CP; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với các tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Lãnh đạo quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người phục vụ liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ quy định quản lý về vật liệu nổ Công nghiệp;

- Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ Công nghiệp;

- Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP của Chính phủ về vật liệu nổ Công nghiệp;

- Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàytháng ...năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi: Sở Công thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc giấy phép thành lập số:.....

Do.....cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:.....

Đăng ký kinh doanh số:do.....cấp ngày...tháng...năm.....

Mục đích sử dụng VLNCN:.....

Phạm vi, địa điểm sử dụng:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Ngày tháng năm sinh:.....Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):.....

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):.....Đề nghị Sở Công thương Hà Nội xem xét và cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009; Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều trong Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 25/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 23/2009/TT-BCT

.....ngày....tháng.....năm...

Người làm đơn

(Ký tên đóng dấu)

III. Lĩnh vực phân bón vô cơ

44. Cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm phân bón vô cơ

a- Trình tự thực hiện:

Tổ chức/Công dân: gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/Công dân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu Tổ chức/Công dân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm phân bón vô cơ theo mẫu quy định tại phụ lục II, Thông tư số 48/2011/TT-BCT. Trường hợp từ chối cấp Giấy tiếp nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Giấy đề nghị tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm phân bón vô cơ (theo mẫu).

2. Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 48/2011/TT-BCT.

3. Bản sao Chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của phân bón vô cơ với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.

4. Bản mô tả chung về sản phẩm phân bón vô cơ gồm đặc điểm, tính năng, công dụng.

5. Các tiêu chuẩn liên quan trực tiếp đến phân bón (Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở hoặc áp dụng Tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc các quy định kỹ thuật khác.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức/Công dân.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm phân bón vô cơ.

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm phân bón vô cơ.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón;

- Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Thông tư số 29/2014/TT-BCT ngày 30/9/2014 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều về phân bón vô cơ; hướng dẫn về cấp phép sản xuất phân bón vô cơ đồng thời sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác tại Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón;

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Thành phố Hà Nội.

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY SẢN PHẨM
PHÂN BÓN VÔ CƠ**

.....(1).....

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm phân bón vô cơ

Kính gửi: Sở Công Thương(2).....

Tên tổ chức, cơ sở hoạt động hóa chất:

Nơi đặt trụ sở chính:

ĐT:.....Fax.....Email.....

Thực hiện Thông tư số 29/2014/TT-BCT ngày 30/9/2014 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều về phân bón vô cơ; hướng dẫn về cấp phép sản xuất phân bón vô cơ đồng thời sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác tại Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón.

....(1)... đề nghị Sở Công Thương(2)..... tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm phân bón vô cơ của(1)....

....., ngày.....tháng.....năm.....

.....(3).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

(1) Tên cơ sở hoạt động hóa chất (Ví dụ: Công ty...);

(2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ sở hoạt động trên địa bàn (Ví dụ: Thành phố Hà Nội);

(3) Lãnh đạo hoặc người đứng đầu của cơ sở hoạt động hóa chất (Ví dụ: Giám đốc Công ty).

IV. Lĩnh vực Hóa chất

45. Cấp Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ thì trong vòng 05 (năm) ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Đối với các cơ sở đang sản xuất, kinh doanh hóa chất do yêu cầu chuyển đổi tên doanh nghiệp mà không có sự thay đổi về điều kiện sản xuất, kinh doanh thì phải gửi cho Sở Công Thương bản sao hợp lệ quyết định được phép đổi tên doanh nghiệp và văn bản xin đổi lại Giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội Số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất theo quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư xây dựng;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo đề án hoặc Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo đề án do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Bản sao văn bản thông báo với cơ quan cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về Phòng cháy và chữa cháy;

- Tài liệu về điều kiện kỹ thuật.

+ Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho tàng của cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm;

+ Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn;

+ Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất.

- Tài liệu về điều kiện đối với người sản xuất: Bản kê khai nhân sự, gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.

h. Phí - Lệ phí:

- Lệ phí cấp mới GCN đủ điều kiện sản xuất hóa chất: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy chứng nhận (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

- Phí thẩm định cấp GCN đủ điều kiện sản xuất hóa chất: 1.200.000/ Điểm kinh doanh/Lần thẩm định (Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

- Bản kê khai nhân sự theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP:

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Cán bộ chuyên trách quản lý an toàn hóa chất được đào tạo hoặc huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

- Người lao động trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở sản xuất phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

- Cơ sở vật chất – kỹ thuật trong cơ sở sản xuất hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

- Có trang thiết bị phù hợp hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực được cơ quan có thẩm quyền thừa nhận để kiểm tra hàm lượng và các thành phần hóa chất;

- Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy

định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực;

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày tháng Năm 201

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở chính tại:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008; Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

1.

...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201

BẢN KÊ KHAI

**THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trưng kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Số lượng	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4		5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201

BẢN KÊ KHAI

**CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT, NHÂN VIÊN CỦA CƠ
SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Sức khỏe	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

46. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ thì trong vòng 05 (năm) ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Đối với các cơ sở đang sản xuất, kinh doanh hóa chất do yêu cầu chuyển đổi tên doanh nghiệp mà không có sự thay đổi điều kiện sản xuất, kinh doanh thì phải gửi cho Sở Công Thương bản sao hợp lệ Quyết định được phép đổi tên doanh nghiệp và văn bản xin đổi lại Giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội Số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất.

h. Phí - Lệ phí:

- Lệ phí cấp sửa đổi, bổ sung GCN đủ điều kiện sản xuất hóa chất: 100.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy chứng nhận (*Một trăm nghìn đồng chẵn*).

- Phí thẩm định cấp GCN đủ điều kiện sản xuất hóa chất: 1.200.000/ Điểm kinh doanh/Lần thẩm định (*Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp có thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đã được cấp, tổ chức, cá

nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận.

- Nội dung sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo các điều kiện như đối với thủ tục cấp mới quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính Phủ.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực;

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày tháng Năm 201

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở chính tại:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008; Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

1.

...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

47. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ thì trong vòng 05 (năm) ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Đối với các cơ sở đang sản xuất, kinh doanh hóa chất do yêu cầu chuyển đổi tên doanh nghiệp mà không có sự thay đổi về điều kiện sản xuất, kinh doanh thì phải gửi cho Sở Công Thương bản sao hợp lệ quyết định được phép đổi tên doanh nghiệp và văn bản xin đổi lại Giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận (nếu có).

- Trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành, trước thời điểm hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 (ba mươi) ngày làm việc, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Giấy chứng nhận hoặc Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đã được cấp lần trước;

+ Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong giai đoạn Giấy chứng nhận đã được cấp, nêu rõ tên hóa chất, mục đích sử dụng, khối lượng hóa chất được sản xuất, nhập khẩu và sử dụng; lượng nhập, xuất, tồn kho và vị trí cất giữ hóa chất; việc thực hiện các biện pháp an toàn; các thông tin khác (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.

h. Phí - Lệ phí:

- Lệ phí cấp lại GCN đủ điều kiện sản xuất hóa chất: 100.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy chứng nhận (*Một trăm nghìn đồng chẵn*).

- Phí thẩm định cấp GCN đủ điều kiện sản xuất hóa chất: 1.200.000/ Điểm kinh doanh/Lần thẩm định (*Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực;

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày, tháng Năm 201

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:

Trụ sở chính tại:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008; Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

1.

...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

48. Cấp Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ thì trong vòng 05 (năm) ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Đối với các cơ sở đang sản xuất, kinh doanh hóa chất do yêu cầu chuyển đổi tên doanh nghiệp mà không có sự thay đổi về điều kiện sản xuất, kinh doanh thì phải gửi cho Sở Công Thương bản sao hợp lệ quyết định được phép đổi tên doanh nghiệp và văn bản xin đổi lại Giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tài liệu pháp lý:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Bản sao văn bản thông báo với cơ quan cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về Phòng cháy và chữa cháy;

+ Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Tài liệu về điều kiện kỹ thuật:

+ Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho tàng của từng cơ sở kinh doanh hóa chất nguy hiểm;

+ Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn;

+ Bản kê khai địa điểm kinh doanh, nếu cơ sở kinh doanh hóa chất có nhiều điểm kinh doanh cùng một loại hóa chất thì mỗi điểm kinh doanh phải lập hồ sơ riêng theo quy định tại Điều này và được cấp chung một Giấy chứng nhận;

+ Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh.

- Tài liệu về điều kiện đối với người kinh doanh: Bản kê khai nhân sự, gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân hoạt động sản

xuất, kinh doanh hóa chất.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.

h. Phí - Lệ phí:

- Lệ phí cấp mới GCN đủ điều kiện kinh doanh hóa chất: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy chứng nhận (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*).

- Phí thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh hóa chất: 1.200.000/ Điểm kinh doanh/Lần thẩm định (*Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

- Bản kê khai nhân sự theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP:

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Người trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

- Cơ sở vật chất – kỹ thuật trong cơ sở kinh doanh hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

- Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng

dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày tháng Năm 201

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:

Trụ sở chính tại:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008; Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

1.

...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201

BẢN KÊ KHAI

**THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trưng kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Số lượng	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4		5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201

BẢN KÊ KHAI

**CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT, NHÂN VIÊN CỦA CƠ
SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Sức khỏe	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

49. Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ thì trong vòng 05 (năm) ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Đối với các cơ sở đang sản xuất, kinh doanh hóa chất do yêu cầu chuyển đổi tên doanh nghiệp mà không có sự thay đổi điều kiện sản xuất, kinh doanh thì phải gửi cho Sở Công Thương bản sao hợp lệ Quyết định được phép đổi tên doanh nghiệp và văn bản xin đổi lại Giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.

h. Phí - Lệ phí:

- Lệ phí cấp sửa đổi, bổ sung GCN đủ điều kiện kinh doanh hóa chất: 100.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy chứng nhận (*Một trăm nghìn đồng chẵn*).

- Phí thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh hóa chất: 1.200.000/ Điểm kinh doanh/Lần thẩm định (*Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp có thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đã được cấp, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng

nhận.

- Nội dung sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo các điều kiện như đối với thủ tục cấp mới quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính Phủ.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày tháng Năm 201

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:

Trụ sở chính tại:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008; Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

1.

...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

50. Cấp lại Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ thì trong vòng 05 (năm) ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Đối với các cơ sở đang sản xuất, kinh doanh hóa chất do yêu cầu chuyển đổi tên doanh nghiệp mà không có sự thay đổi về điều kiện sản xuất, kinh doanh thì phải gửi cho Sở Công Thương bản sao hợp lệ quyết định được phép đổi tên doanh nghiệp và văn bản xin đổi lại Giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận (nếu có).

- Trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành, trước thời điểm hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 (ba mươi) ngày làm việc, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Giấy chứng nhận hoặc Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đã được cấp lần trước.

+ Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong giai đoạn Giấy chứng nhận đã được cấp, nêu rõ tên hóa chất, mục đích sử dụng, khối lượng hóa chất được sản xuất, nhập khẩu và sử dụng; lượng nhập, xuất, tồn kho và vị trí cất giữ hóa chất; việc thực hiện các biện pháp an toàn; các thông tin khác (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.

h. Phí - Lệ phí:

- Lệ phí cấp lại GCN đủ điều kiện kinh doanh hóa chất: 100.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy chứng nhận (*Một trăm nghìn đồng chẵn*).

- Phí thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh hóa chất: 1.200.000/ Điểm kinh doanh/Lần thẩm định (*Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày tháng Năm 201

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:

Trụ sở chính tại:,

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008; Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

1.

...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

51. Cấp Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ thì trong vòng 05 (năm) ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Đối với các cơ sở đang sản xuất, kinh doanh hóa chất do yêu cầu chuyển đổi tên doanh nghiệp mà không có sự thay đổi về điều kiện sản xuất, kinh doanh thì phải gửi cho Sở Công Thương bản sao hợp lệ quyết định được phép đổi tên doanh nghiệp và văn bản xin đổi lại Giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Bản kê khai nhân sự;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất theo quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư xây dựng;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo đề án hoặc Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo đề án do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao văn bản thông báo với cơ quan cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về Phòng cháy và chữa cháy;

- Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho tàng của cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm;

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn;

- Bản kê khai địa điểm kinh doanh, nếu cơ sở kinh doanh hóa chất có nhiều điểm kinh doanh cùng một loại hóa chất thì mỗi điểm kinh doanh phải lập hồ sơ riêng.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân hoạt động sản

xuất, kinh doanh hóa chất.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.

h. Phí - Lệ phí:

- Lệ phí cấp mới GCN đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy chứng nhận (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*).

- Phí thẩm định cấp GCN đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất: 1.200.000/ Điểm kinh doanh/Lần thẩm định (*Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

- Bản kê khai nhân sự theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP:

- Điều kiện về sản xuất:

+ Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

+ Cán bộ chuyên trách quản lý an toàn hóa chất được đào tạo hoặc huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

+ Người lao động trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở sản xuất phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

+ Cơ sở vật chất – kỹ thuật trong cơ sở sản xuất hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

+ Có trang thiết bị phù hợp hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực được cơ quan có thẩm quyền thừa nhận để kiểm tra hàm lượng và các thành phần hóa chất;

+ Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Điều kiện về kinh doanh:

+ Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;

+ Người trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

+ Cơ sở vật chất – kỹ thuật trong cơ sở kinh doanh hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

+ Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

I. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày tháng Năm 201

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:

Trụ sở chính tại:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008; Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

1.

...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201

BẢN KÊ KHAI

**THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trưng kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Số lượng	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4		5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201

BẢN KÊ KHAI

**CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT, NHÂN VIÊN CỦA CƠ
SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Sức khỏe	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

52. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ thì trong vòng 05 (năm) ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Đối với các cơ sở đang sản xuất, kinh doanh hóa chất do yêu cầu chuyển đổi tên doanh nghiệp mà không có sự thay đổi điều kiện sản xuất, kinh doanh thì phải gửi cho Sở Công Thương bản sao hợp lệ Quyết định được phép đổi tên doanh nghiệp và văn bản xin đổi lại Giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.

h. Phí - Lệ phí:

- Lệ phí cấp sửa đổi, bổ sung GCN đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất: 100.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy chứng nhận (*Một trăm nghìn đồng chẵn*).

- Phí thẩm định cấp GCN đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất: 1.200.000/ Điểm kinh doanh/Lần thẩm định (*Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

- Bản kê khai nhân sự theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp có thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đã được cấp, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận.

- Nội dung sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo các điều kiện như đối với thủ tục cấp mới quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính Phủ.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày tháng Năm 201

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở chính tại:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008; Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

1.

...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201

BẢN KÊ KHAI

**THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trưng kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Số lượng	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4		5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201

BẢN KÊ KHAI

**CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT, NHÂN VIÊN CỦA CƠ
SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Sức khỏe	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

53. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ thì trong vòng 05 (năm) ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Đối với các cơ sở đang sản xuất, kinh doanh hóa chất do yêu cầu chuyển đổi tên doanh nghiệp mà không có sự thay đổi về điều kiện sản xuất, kinh doanh thì phải gửi cho Sở Công Thương bản sao hợp lệ quyết định được phép đổi tên doanh nghiệp và văn bản xin đổi lại Giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận (nếu có).

- Trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thì hành, trước thời điểm hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 (ba mươi) ngày làm việc, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Giấy chứng nhận hoặc Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đã được cấp lần trước;

+ Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong giai đoạn Giấy chứng nhận đã được cấp, nêu rõ tên hóa chất, mục đích sử dụng, khối lượng hóa chất được sản xuất, nhập khẩu và sử dụng; lượng nhập, xuất, tồn kho và vị trí cất giữ hóa chất; việc thực hiện các biện pháp an toàn; các thông tin khác (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều

kiện trong ngành công nghiệp.

h. Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp lại GCN đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất: 100.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy chứng nhận (*Một trăm nghìn đồng chẵn*).

- Phí thẩm định cấp GCN đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất: 1.200.000/ Điểm kinh doanh/Lần thẩm định (*Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

- Bản kê khai nhân sự theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày tháng Năm 201

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở chính tại:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008; Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

1.

...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201

BẢN KÊ KHAI

**THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trưng kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Số lượng	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4		5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201

BẢN KÊ KHAI

**CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT, NHÂN VIÊN CỦA CƠ
SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Sức khỏe	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

54. Xác nhận Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

- Thời hạn xác nhận Biện pháp không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư số 20/2013/TT-BCT.

- Trong thời gian 04 (bốn) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương Hà Nội phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân các nội dung hoặc tài liệu còn thiếu và thời hạn để hoàn chỉnh nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

- Thời hạn xác nhận Biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân phải hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị xác nhận Biện pháp chưa đạt yêu cầu, Sở Công Thương Hà Nội thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân, trong đó nêu rõ những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung và thời hạn hoàn thành.

- Sở Công Thương Hà Nội tổ chức kiểm tra thực tế tại dự án, cơ sở hóa chất; xem xét, đánh giá và xác nhận Biện pháp. Số lượng thành viên đoàn kiểm tra từ 03 (ba) đến (05) năm người. Mẫu xác nhận Biện pháp quy định tại Phụ lục 10 kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BCT.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần hồ sơ:

- Công văn đề nghị của tổ chức, cá nhân;

- Biện pháp gồm 05 (năm) bản, trường hợp cần nhiều hơn, tổ chức, cá nhân phải cung cấp thêm theo yêu cầu cơ quan thẩm định;

- Các tài liệu khác kèm theo (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, cất giữ và sử dụng hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công nghiệp

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.

h. Phí - Lệ phí:

- Phí phê duyệt Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: 8.000.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định (*Tám triệu đồng chẵn*).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Công văn đề nghị của tổ chức, cá nhân: Theo mẫu tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BCT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất;

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 20/2013/TT-BCT ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.

- Thông tư 06/2015/TT-BCT ngày 23 tháng 2 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất, điện lực và hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

PHỤ LỤC 8

MẪU CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BCT ngày 05 tháng 8 năm 2013

của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm...

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:

Dự án/Cơ sở hoạt động hóa chất:

Địa điểm thực hiện:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xác nhận Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

Sau khi được xác nhận, doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất, Thông tư số 20/2013/TT-BCT ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Xin gửi kèm theo đơn:

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: (số lượng bản)
- Các tài liệu kèm theo (nếu có)/.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

55. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ sở hoạt động hóa chất lập hồ sơ đề nghị Sở Công Thương huấn luyện (đối với cán bộ quản lý), kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận;
- Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ;
- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thông báo kế hoạch huấn luyện (nếu có), kiểm tra cho cơ sở;
- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra, Sở Công Thương thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 36/2014/TT-BCT cho người kiểm tra đạt yêu cầu.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Trường hợp hồ sơ đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận:
 - Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất (mẫu số 01);
 - Danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận (mẫu số 03);
 - Hai (02) ảnh (cỡ 2x3 cm) của người trong danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận;
 - Danh sách các loại hóa chất liên quan đến hoạt động của cơ sở.
- * Trường hợp hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận (đối với trường hợp cơ sở tự huấn luyện):
 - Giấy đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất (mẫu số 02);
 - Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận (mẫu số 03);
 - Hai (02) ảnh (cỡ 2x3 cm) của người trong danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận;
 - Danh sách các loại hóa chất liên quan đến hoạt động của cơ sở.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất công nghiệp nguy hiểm.

f. Phí - Lệ phí: Không.

g. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu Giấy đề nghị

h. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Được huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất;

- Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ Công Thương Quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Thành phố Hà Nội.

**Mẫu số 01. Mẫu Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận
huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.**

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật
an toàn hóa chất**

Kính gửi: Sở Công Thương Thành phố Hà Nội

Tên cơ sở hoạt động hóa chất:.....

Nơi đặt trụ sở chính:.....

ĐT:.....Fax.....Email.....

Thực hiện Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

(.....Tên doanh nghiệp) đề nghị Sở Công Thương TP Hà Nội huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho các đối tượng liên quan tới hoạt động hóa chất của (.....tên doanh nghiệp)/.

Hồ sơ gửi kèm theo:

Hà Nội, ngày....tháng....năm.....

1.

2.

3...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 02. Mẫu Giấy đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện
kỹ thuật an toàn hóa chất**

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất

Kính gửi: Sở Công Thương Thành phố Hà Nội

Tên cơ sở hoạt động hóa chất:.....

Nơi đặt trụ sở chính:.....

ĐT:.....Fax.....Email.....

Thực hiện Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

(.....Tên doanh nghiệp) đề nghị Sở Công Thương TP Hà Nội kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho các đối tượng liên quan tới hoạt động hóa chất của (.....tên doanh nghiệp)/.

Hồ sơ gửi kèm theo:

Hà Nội, ngày....tháng....năm.....

1.

2.

3...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

56. Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất

a. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận gửi đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận để xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận;
- Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ;
- Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Công Thương thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp lại phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (mẫu số 01);
- Hai (02) ảnh (cỡ 2x3 cm) của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- Ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và Giấy chứng còn hiệu lực.

f. Phí - Lệ phí: Không.

g. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu Giấy đề nghị.

h. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Điều kiện chung:

- Đã được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất;
- Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ Công Thương Quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Thành phố Hà Nội.

Mẫu số 01.

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất

Kính gửi: Sở Công Thương Thành phố Hà Nội

Tên cá nhân:.....

Ngày sinh:.....

Chức vụ:.....

Nơi làm việc:.....

Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất củado Sở Công Thương Hà Nội cấp ngàythángnăm đã ...(lý do)... Thực hiện quy định tại Điều 9 Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất, đề nghị Sở Công Thương Hà Nội cấp lại Giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn hóa chất./.

Hồ sơ gửi kèm theo:

Hà Nội, ngày....tháng....năm.....

1.

2...

Người đề nghị

(Ký tên và đóng dấu)

57. Xác nhận khai báo hóa chất sản xuất

a. Trình tự thực hiện:

- Sở Công Thương Hà Nội tiếp nhận hồ sơ khai báo đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo có trách nhiệm khai báo hóa chất sản xuất trong một năm bằng văn bản đến Sở Công Thương Hà Nội trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

- Thời hạn xác nhận khai báo hóa chất của Sở Công Thương Hà Nội là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần hồ sơ:

- Bản khai báo hóa chất;

- Phiếu an toàn hóa chất tiếng Việt theo mẫu do Bộ Công Thương quy định đối với hóa chất là hóa chất nguy hiểm;

Trường hợp hóa chất đã được khai báo trước đó tại Sở Công Thương Hà Nội thì tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất nguy hiểm không phải nộp lại phiếu an toàn khi thành phần hóa chất không thay đổi.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh hóa chất.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận khai báo hóa chất sản xuất.

h. Phí - Lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy xác nhận khai báo hóa chất sản xuất: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy xác nhận (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Bản khai báo hóa chất quy định tại Phụ lục 01 của Thông tư số 40/2011/TT-BCT.

- Phiếu an toàn hóa chất quy định tại Phụ lục 17 Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất;

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 40/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về khai báo hóa chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất./.

PHỤ LỤC 1

MẪU BẢN KHAI BÁO HÓA CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2011
của Bộ Công thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI BÁO HÓA CHẤT

Căn cứ Luật Hóa chất;

Căn cứ Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số /2011/TT-BCT ngày tháng năm 2011 của Bộ Công thương quy định khai báo hóa chất.

Phần I

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu hóa chất:		
2. Mã số thuế:		
3. Địa chỉ của trụ sở chính:		
4. Điện thoại:	Fax:	Email:
5. Họ và tên người đại diện pháp luật:		Chức vụ:
6. Loại hình hoạt động: Sản xuất <input type="checkbox"/> Nhập khẩu <input type="checkbox"/> Sử dụng <input type="checkbox"/>		
7. Nơi đặt cơ sở sản xuất, sử dụng, bảo quản:	8. Cửa khẩu nhập hóa chất:	
9. Các thông tin khác: - Họ tên người phụ trách khai báo: - Số điện thoại di động: - Email:		

Phần II

THÔNG TIN VỀ HÓA CHẤT

1. Thông tin hóa chất

STT	Mã HS	Mã CAS	Tên thương mại	Tên IUPAC	Công thức hóa học	Khối lượng	Mục đích sản xuất	Xuất xứ
1								
2								
3								
4								
5								

2. Thông tin khác:

2.1. Đối với loại hình nhập khẩu

Số Hóa đơn (Invoice):

Ngày ký hóa đơn (Invoice):

Công ty xuất khẩu:

Quốc gia:

Cửa khẩu nhập hóa chất:

2.2. Đối với loại hình sản xuất

Địa chỉ nơi sản xuất:

Tôi cam đoan tất cả các thông tin khai báo trên đây đúng và đầy đủ theo quy định của Nghị định số 26/2011/NĐ-CP và Thông tư số 39/2011/TT-BCT./.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ KHAI BÁO
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú:

Khối lượng được khai theo tổng số lượng nhập khẩu của hợp đồng, những lần nhập khẩu tiếp theo khai theo chi tiết của hóa đơn (invoice).

PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Tên phân loại, tên sản phẩm		Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)	
Số CAS: Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất:		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại:			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng: ghi ngắn gọn mục đích sử dụng, ví dụ: làm dung môi hòa tan nhựa PVC			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Thành phần 1			Không bắt buộc ghi chính xác, xem ghi chú
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			
Thành phần 5 (nếu có)			
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)			
2. Cảnh báo nguy hiểm			
- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;			

- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh;

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt;

- Đường thở;

- Đường da;

- Đường tiêu hóa;

- Đường tiết sữa.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...)

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...)

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt;
- Bảo vệ thân thể;
- Bảo vệ tay;
- Bảo vệ chân.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$)
Màu sắc	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$)
Mùi đặc trưng	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$)
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)
Độ hòa tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)
Độ PH	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng (kg/m^3)	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...)

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy;
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...);
- Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1	LC, LD, PEL, Nồng độ tối đa	mg/m^3	Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...

	cho phép...					
Thành phần 2 (nếu có)						
Thành phần 3 (nếu có)						
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...) 2. Các ảnh hưởng độc khác						
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI						
1. Độc tính với sinh vật						
Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả			
Thành phần 1						
Thành phần 2 (nếu có)						
Thành phần 3 (nếu có)						
Thành phần 4 (nếu có)						
2. Tác động trong môi trường - Mức độ phân hủy sinh học - Chỉ số BOD và COD - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học - Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học						
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ						
1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp) 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải 3. Biện pháp tiêu hủy 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý						
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số						

104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

Hướng dẫn bổ sung:

- Những thông tin có kèm theo từ “nếu có” được biên soạn tùy theo điều kiện cụ thể, không hàm ý bắt buộc.
- Phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào các mục trong phiếu.
- Trường hợp không có thông tin, ghi cụm từ “chưa có thông tin”.
- Trường hợp thông tin không phù hợp, ví dụ: một chất rắn không bay hơi nên không có thông số áp suất hóa hơi, ghi cụm từ “không phù hợp”

5. Trường hợp các thông tin có sẵn chỉ ra mức độ không nguy hiểm tương ứng với mục từ cần ghi, ghi cụ thể, rõ ràng thông tin chỉ ra tính chất không nguy hiểm theo phân loại của tổ chức nhất định; ví dụ: thông tin về ảnh hưởng mãn tính, ghi “không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH...”.

6. Đơn vị đo lường sử dụng trong phiếu áp dụng theo quy định của pháp luật.

7. Cách ghi làm lượng thành phần

Không bắt buộc ghi chính xác hàm lượng thành phần, chỉ cần ghi khoảng nồng độ của thành phần theo quy tắc sau:

- a) Từ 0.1 đến 1 phần trăm;
- b) Từ 0.5 đến 1,5 phần trăm;
- c) Từ 1 đến 5 phần trăm;
- d) Từ 3 đến 7 phần trăm;
- đ) Từ 5 đến 10 phần trăm;
- e) Từ 7 đến 13 phần trăm;
- g) Từ 10 đến 30 phần trăm;
- h) Từ 15 đến 40 phần trăm;
- i) Từ 30 đến 60 phần trăm;
- k) Từ 40 đến 70 phần trăm;
- l) Từ 60 đến 100 phần trăm;

58. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm

a- Trình tự thực hiện:

- Tổ chức gửi hồ sơ theo quy định về Sở Công Thương trên địa bàn quản lý;
- Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ;
- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong vòng 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ Sở Công Thương tiến hành tổ chức huấn luyện, kiểm tra, sát hạch và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm (Giấy chứng nhận);
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ;
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo mẫu);
- + Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính) hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) Giấy phép lái xe phù hợp với loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng để vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm;
- + 02 ảnh cỡ 3 × 4 cm của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d- Thời hạn giải quyết: 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân hoạt động vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Được huấn luyện kỹ thuật an toàn trong vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm;

- Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành;

- Được phép điều khiển phương tiện phù hợp với loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng để vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm.

I- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm**

Kính gửi:

Tôi là (ghi rõ họ tên bằng chữ hoa).....Nam / Nữ.....

Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Số CMND (hoặc Hộ chiếu).....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Thực hiện Thông tư số/2012/TT-BCT ngày.....tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

Đề nghịcấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm cho tôi.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

V - Lĩnh vực Điện

59. Cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương

a) Trình tự và cách thức thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Sở Công Thương

- Sở Công Thương tiếp nhận, kiểm tra và trả lời bằng văn bản về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ. Trong văn bản nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ. Trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị cấp phép phải sửa đổi, bổ sung và trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp trong 60 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không bổ sung hồ sơ, trả lời bằng văn bản thì cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội .

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia tư vấn chính theo Mẫu 7a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT; Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề và hợp đồng lao động đã ký của người có tên trong danh sách với tổ chức tư vấn.

- Danh mục các dự án có quy mô tương tự mà tổ chức tư vấn hoặc các chuyên gia tư vấn chính đã thực hiện.

- Danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác tư vấn của tổ chức đảm bảo đáp ứng cho hoạt động tư vấn.

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân tham gia lĩnh vực

hoạt động điện lực theo đúng quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 124/2008/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực (ban hành theo mẫu 0-1 kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT).

- Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia tư vấn lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện lực, kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp. (Theo mẫu 7a ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện chung:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, gồm:

+ Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã;

+ Hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

+ Các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp phép.

- Có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ.

- Nộp lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định.

Điều kiện riêng:

- Là tổ chức tư vấn chuyên ngành, có năng lực chuyên môn về thiết kế công trình, thiết bị đường dây và trạm biến áp, bảo vệ rơ le, điều khiển tự động, đánh giá tác động môi trường, phân tích kinh tế - tài chính dự án cho các công trình đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp phù hợp.

- Có đội ngũ chuyên gia tư vấn bao gồm chuyên gia tư vấn chính và các chuyên gia tư vấn khác có kinh nghiệm trong các lĩnh vực cơ lý đường dây, thiết bị điện, điều khiển tự động, bảo vệ rơ le, tài chính dự án, địa chất, xây dựng, tổ chức thi công công trình đường dây và trạm biến áp.

- Chuyên gia tư vấn chính phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện, hệ thống điện, điện kỹ thuật, thiết bị điện, tự động hóa, môi trường, kinh tế, tài chính hoặc chuyên ngành tương tự, có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn và đã tham gia thực hiện ít nhất một dự án đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương và có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phù hợp.

- Chuyên gia tư vấn chính làm nhiệm vụ chuyên gia tư vấn chủ trì ngoài các điều kiện nêu trên còn phải có kinh nghiệm chủ nhiệm đề án, chủ trì thực hiện dự án đường

dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương hoặc đã tham gia thiết kế ít nhất ba dự án đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương.

- Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng cần thiết cho việc tư vấn đầu tư xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp.

- Có số lượng chuyên gia tư vấn chính theo hạng công trình đường dây và trạm biến áp như sau:

- + Hạng 1: Có 20 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;

- + Hạng 2: Có 15 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;

- + Hạng 3: Có 10 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;

- + Hạng 4: Có 05 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở giao dịch chính tại: Điện thoại: Fax:

Thành lập theo giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp,
đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày
..... (nếu có).

Ngành nghề kinh doanh hiện tại:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho những lĩnh vực và phạm vi hoạt động sau
đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp, đồng thời
tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

² Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG
CÁN BỘ QUẢN LÝ, CHUYÊN GIA TƯ VẤN CHÍNH LĨNH VỰC TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN LỰC
(Cho lĩnh vực hoạt động tư vấn tư vấn đầu tư xây dựng điện và tư vấn giám sát thi công các công trình điện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác (năm)	Tên dự án, công trình đã tham gia	Ghi chú
I.	Cán bộ quản lý							
1								
2								
4								
5								
II	Chuyên gia tư vấn chính							
1								
2								
3								
4								

60. Cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương

a) Trình tự và cách thức thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Sở Công Thương

- Sở Công Thương tiếp nhận, kiểm tra và trả lời bằng văn bản về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ. Trong văn bản nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ. Trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị cấp phép phải sửa đổi, bổ sung và trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp trong 60 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không bổ sung hồ sơ, trả lời bằng văn bản thì cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội .

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia tư vấn chính theo Mẫu 7a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT; Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề và hợp đồng lao động đã ký của người có tên trong danh sách với tổ chức tư vấn.

- Danh mục các dự án có quy mô tương tự mà tổ chức tư vấn hoặc các chuyên gia tư vấn chính đã thực hiện.

- Danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác tư vấn của tổ chức đảm bảo đáp ứng cho hoạt động tư vấn.

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân tham gia lĩnh vực hoạt động điện lực theo đúng quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Phí, Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 124/2008/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực (ban hành theo mẫu 0-1 kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT).

- Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia tư vấn lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện lực, kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp. (Theo mẫu 7a ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện chung:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, gồm:

+ Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã;

+ Hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

+ Các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp phép.

- Có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ.

- Nộp lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định.

Điều kiện riêng:

- Là tổ chức tư vấn chuyên ngành, có năng lực chuyên môn về công nghệ và công trình đường dây và trạm biến áp.

- Có đội ngũ chuyên gia tư vấn bao gồm chuyên gia tư vấn chính và các chuyên gia tư vấn khác có kinh nghiệm trong các lĩnh vực cơ lý đường dây, thiết bị điện, điều khiển tự động, bảo vệ rơ le, tổ chức xây dựng.

- Chuyên gia tư vấn chính phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện, tự động hóa, kinh tế, tài chính hoặc chuyên ngành tương tự, có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn, đã tham gia giám sát thi công ít nhất một công trình đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương và có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp.

- Chuyên gia tư vấn chính làm nhiệm vụ chuyên gia tư vấn chủ trì ngoài các điều kiện nêu trên còn phải có kinh nghiệm chủ trì thực hiện giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương hoặc tham gia thực hiện giám sát thi công ít nhất ba công trình đường dây và trạm biến áp với cấp điện áp tương đương.

- Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng cần thiết cho việc tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp.

- Có số lượng chuyên gia tư vấn chính theo hạng công trình đường dây và trạm biến áp như sau:

- + Hạng 1: Có 20 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;
- + Hạng 2: Có 15 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;
- + Hạng 3: Có 10 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì;
- + Hạng 4: Có 05 chuyên gia trở lên, trong đó có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chủ trì.

D) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở giao dịch chính tại: Điện thoại: Fax:

Thành lập theo giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp,
đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày
..... (nếu có).

Ngành nghề kinh doanh hiện tại:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho những lĩnh vực và phạm vi hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

² Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG**CÁN BỘ QUẢN LÝ, CHUYÊN GIA TƯ VẤN CHÍNH LĨNH VỰC TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN LỰC***(Cho lĩnh vực hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng điện và tư vấn giám sát thi công các công trình điện)*

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác (năm)	Tên dự án, công trình đã tham gia	Ghi chú
I.	Cán bộ quản lý							
1								
2								
4								
5								
II	Chuyên gia tư vấn chính							
1								
2								
3								
4								
5								
6								

61. Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35Kv, đăng ký kinh doanh tại địa phương

a) Trình tự và cách thức thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Sở Công Thương Hà Nội

- Sở Công Thương tiếp nhận, kiểm tra và trả lời bằng văn bản về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ. Trong văn bản nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ. Trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị cấp phép phải sửa đổi, bổ sung và trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp trong 60 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không bổ sung hồ sơ, trả lời bằng văn bản thì cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.

- Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành theo Mẫu 7b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT; Bản sao bằng tốt nghiệp, giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp cho người có tên trong danh sách theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành.

- Danh mục các hạng mục công trình lưới điện chính do tổ chức đang quản lý vận hành hoặc chuẩn bị tiếp nhận theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Bản sao có chứng thực tài liệu về đảm bảo điều kiện phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

- Bản sao Thỏa thuận đấu nối hoặc Hợp đồng đấu nối.

- Bản đồ ranh giới lưới điện và phạm vi hoạt động.

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân tham gia lĩnh vực hoạt động điện lực theo đúng quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 124/2008/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực (ban hành theo mẫu 01 kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT).

- Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia chính, kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp. (Theo mẫu 7b ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện chung:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, gồm:

+ Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã;

+ Hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

+ Các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp phép.

- Có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ.

- Nộp lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định.

Điều kiện riêng:

- Có trang thiết bị công nghệ, phương tiện phục vụ, nhà xưởng, công trình kiến trúc được xây dựng, lắp đặt, kiểm tra, nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định, đáp ứng các yêu cầu của công tác vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện phân phối, các trạm biến áp và các thiết bị đồng bộ kèm theo; hệ thống phòng cháy và chữa cháy đảm bảo yêu cầu theo quy định.

- Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, vận hành phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện và có thời gian làm việc trong lĩnh vực phân phối điện ít nhất 05 năm. Người trực tiếp vận hành phải được đào tạo chuyên ngành điện hoặc có giấy chứng nhận đào tạo về điện do cơ sở dạy nghề cấp, được kiểm tra quy trình vận hành và quy định an toàn theo quy định pháp luật, trừ trường hợp có quy định khác.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động phân phối điện tại nông thôn phải đáp ứng điều kiện: Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, vận hành phải được đào tạo chuyên ngành điện và có kinh nghiệm làm việc với lưới điện ít nhất 03 năm. Người trực tiếp vận hành, sửa chữa điện phải được đào tạo chuyên ngành điện hoặc có giấy chứng nhận đào tạo về điện do cơ

sở dạy nghề cấp, được huấn luyện và sát hạch về an toàn điện và được cấp thẻ an toàn điện theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở giao dịch chính tại: Điện thoại: Fax:

Thành lập theo giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:
ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp,
đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày
..... (nếu có).

Ngành nghề kinh doanh hiện tại:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho những lĩnh vực và phạm vi hoạt
động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp, đồng
thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ

(Cho lĩnh vực hoạt động phân phối điện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác (năm)	Ghi chú
I.	Cán bộ quản lý						
1							
2							
4							
II	Người trực tiếp vận hành						
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

62. Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Sở Công Thương Hà Nội

- Sở Công Thương tiếp nhận, kiểm tra và trả lời bằng văn bản về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ. Trong văn bản nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ. Trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị cấp phép phải sửa đổi, bổ sung và trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp trong 60 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không bổ sung hồ sơ, trả lời bằng văn bản thì cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.

- Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý theo Mẫu 7b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT; Bản sao bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp của người có tên trong danh sách.

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân tham gia lĩnh vực hoạt động điện lực theo đúng quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g) Phí, Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 124/2008/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực (ban hành theo mẫu 01 kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT).

- Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia chính, kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp. (Theo mẫu 7b ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện chung:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, gồm:

+ Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã;

+ Hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

+ Các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp phép.

- Có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ.

- Nộp lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định.

Điều kiện riêng:

- Người trực tiếp quản lý kinh doanh bán lẻ điện phải có bằng trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành điện, kinh tế, tài chính hoặc chuyên ngành tương tự và có thời gian làm việc trong lĩnh vực kinh doanh mua bán điện ít nhất 05 năm.

- Người trực tiếp vận hành phải được đào tạo chuyên ngành điện hoặc có giấy chứng nhận đào tạo về điện do cơ sở dạy nghề cấp, được đào tạo an toàn điện theo quy định.

- Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu của thị trường điện lực.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ⁷.....

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):.....

Có trụ sở giao dịch chính tại:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Thành lập theo giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:..... ngày ... tháng
..... năm

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp,
đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày
..... (nếu có).

Ngành nghề kinh doanh hiện tại:.....

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho những lĩnh vực và phạm vi hoạt động sau
đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ⁸... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp, đồng thời tuân
thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

⁷ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

⁸ Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

Mẫu 7b

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ

(Cho lĩnh vực hoạt động bán lẻ điện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác (năm)	Ghi chú
I.	Cán bộ quản lý						
1							
2							
4							
II	Người trực tiếp vận hành						
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

63. Thẩm định Thiết kế cơ sở công trình điện lực

a) Trình tự và cách thức thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở công trình điện gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Sở Công Thương

- Sở Công Thương tiếp nhận, kiểm tra và trả lời bằng văn bản về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ. Trong văn bản nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ. Trong vòng 20 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị phải sửa đổi, bổ sung hoặc/và giải trình bằng văn bản.

- Trường hợp quá thời hạn cơ quan thẩm định có yêu cầu mà tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định không bổ sung hồ sơ hoặc/và giải trình bằng văn bản để tiếp tục thẩm định thì trả lại hồ sơ để thực hiện theo quy trình hồ sơ mới.

- Trong thời hạn 18 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 13 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế (nếu cần thiết) hoặc/và có văn bản yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ hoặc/và có văn bản giới thiệu cá nhân, tổ chức tư vấn có năng lực đủ điều kiện phù hợp để Chủ đầu tư lựa chọn ký hợp đồng tư vấn thẩm tra theo quy định của pháp luật và ban hành kết quả thẩm định.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở công trình điện (theo mẫu Nghị định 59/2015/NĐ-CP) hoặc văn bản đề nghị tham gia ý kiến thẩm định của cơ quan chủ trì.

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác)

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (theo quy định);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị (nếu có).

- Biên bản điều tra hiện trạng công trình hạ tầng kỹ thuật đang sử dụng phải di chuyển của cơ quan có thẩm quyền (Đối với công trình đèn bù GPMB).

- Thỏa thuận đấu nối với Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội, Công ty điện lực địa phương hoặc các đơn vị phân phối điện khác.

- Thỏa thuận địa điểm xây dựng trạm biến áp và hướng tuyến đường dây điện của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

- Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán).

- Hồ sơ năng lực của tư vấn khảo sát, tư vấn thiết kế.

- Tài liệu thiết kế cơ sở, gồm:

- Thuyết minh thiết kế cơ sở

+ Các bản vẽ thiết kế cơ sở.

+ Dự toán công trình.

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 13 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân liên quan khi tham gia quản lý, đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình điện.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở công trình điện (theo mẫu Nghị định 59/2015/NĐ-CP).

- Văn bản thông báo Kết quả thẩm định theo mẫu Nghị định 59/2015/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Công trình điện thuộc thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở công trình của Sở Công Thương theo Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

- Tổ chức/cá nhân đầu tư xây dựng công trình không thuộc đối tượng bắt buộc nhưng có nhu cầu đề nghị Sở Công Thương thẩm định thiết kế cơ sở công trình.

- Công trình điện đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội không trái với quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Xây dựng số 50/QH13/2014 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.
- Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định về quản lý, thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 22/01/2014 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy chế quản lý phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành các nội dung thuộc quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội do Luật Đất đai 2013 và các Nghị định của chính phủ giao cho về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

(Tên Chủ đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Công trình:.....

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 22/01/2014 của UBND Thành phố ban hành quy định về quản lý phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ (pháp lý khác có liên quan).

(Tên Chủ đầu tư) trình Sở Công Thương thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc thiết kế cơ sở dự án..... với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án
2. Nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình:
4. Người quyết định đầu tư:
5. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (điện thoại, địa chỉ, ...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

10. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán).

- Thuyết minh thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của tư vấn khảo sát, tư vấn thiết kế:

- Giấy phép hoạt động điện lực.

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, cán bộ lập dự toán.

(Tên chủ đầu tư) trình Sở Công Thương thẩm định dự án đầu tư xây dựng (tên công trình) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên,

- Lưu:...

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

64. Thẩm định Thiết kế xây dựng công trình điện lực

a) Trình tự và cách thức thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng công trình điện gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Sở Công Thương
- Sở Công Thương tiếp nhận, kiểm tra và trả lời bằng văn bản về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ. Trong văn bản nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ. Trong vòng 30 ngày đối với công trình cấp II, III và 20 ngày đối với công trình còn lại kể từ khi nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị phải sửa đổi, bổ sung hoặc/và giải trình bằng văn bản.
- Trường hợp quá thời hạn cơ quan thẩm định có yêu cầu mà tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định không bổ sung hồ sơ hoặc/và giải trình bằng văn bản để tiếp tục thẩm định thì trả lại hồ sơ để thực hiện theo quy trình hồ sơ mới.
- Trong thời hạn 27 ngày làm việc đối với công trình cấp II, III và 17 ngày đối với công trình còn lại kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế (nếu cần thiết) hoặc/và có văn bản yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ hoặc/và có văn bản giới thiệu cá nhân, tổ chức tư vấn có năng lực đủ điều kiện phù hợp để Chủ đầu tư lựa chọn ký hợp đồng tư vấn thẩm tra theo quy định của pháp luật và ban hành kết quả thẩm định.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng công trình điện (theo mẫu Nghị định 59/2015/NĐ-CP) hoặc văn bản đề nghị tham gia ý kiến thẩm định của cơ quan chủ trì.
- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng công trình đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật).
- Thiết kế cơ sở phần điện được phê duyệt cùng dự án đầu tư (hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được duyệt đối với thiết kế một bước).
- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có)
- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (theo quy định);
- Báo cáo tổng hợp của Chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng
- Biên bản điều tra hiện trạng công trình hạ tầng kỹ thuật đang sử dụng phải di chuyển của cơ quan có thẩm quyền (Đối với công trình đền bù GPMB).
- Thỏa thuận đấu nối với Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội, Công ty điện lực địa phương hoặc các đơn vị phân phối điện khác.

- Thỏa thuận địa điểm xây dựng trạm biến áp và hướng tuyến đường dây điện của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

- Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán).

- Chỉ dẫn kỹ thuật (theo quy định)

- Hồ sơ năng lực của tư vấn khảo sát, tư vấn thiết kế.

- Tài liệu thiết kế (01 bộ), gồm:

+ Thuyết minh thiết kế (kèm file mềm thuyết minh thiết kế định dạng word, font chữ Times new roman).

+ Các bản vẽ thiết kế, bản vẽ thi công.

+ Dự toán công trình (kèm file mềm): Đối với công trình có thẩm định dự toán.

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 27 ngày làm việc đối với công trình cấp II, III và 17 ngày đối với công trình còn lại kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân liên quan khi tham gia quản lý, đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế xây dựng công trình.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thẩm định thiết kế xây dựng công trình điện.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng công trình điện (theo mẫu Nghị định 59/2015/NĐ-CP).

- Văn bản thông báo Kết quả thẩm định theo mẫu Nghị định 59/2015/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Công trình điện thuộc thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng công trình của Sở Công Thương theo Điều 24 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

- Tổ chức/cá nhân đầu tư xây dựng công trình không thuộc đối tượng bắt buộc nhưng có nhu cầu đề nghị Sở Công Thương thẩm định thiết kế xây dựng công trình.

- Công trình điện đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội không trái với quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Xây dựng số 50/QH13/2014 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế xây dựng công trình;

- Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định về quản lý, thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 22/01/2014 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy chế quản lý phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành các nội dung thuộc quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội do Luật Đất đai 2013 và các Nghị định của chính phủ giao cho về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

(Tên Chủ đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế và dự toán (nếu có) xây dựng công trình

Công trình:.....

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 22/01/2014 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định về quản lý phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số ngày..... của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định về thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ (pháp lý khác có liên quan).

(Tên Chủ đầu tư) trình Sở Công Thương thẩm định thiết kế và dự toán (nếu có) xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo Quyết định đầu tư được duyệt.
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (điện thoại, địa chỉ, ...):

5. Địa điểm xây dựng:

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

Trong đó:

Chi phí xây dựng:

Chi phí thiết bị:

Chi phí quản lý dự án:

Chi phí tư vấn ĐTXD:

Chi phí khác:

Chi phí dự phòng:

7. Nguồn vốn đầu tư:

8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán (nếu có) xây dựng công trình:

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (đối với BCKTKT: văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng công trình).

- Hồ sơ thiết kế cơ sở phần điện được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng (hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được duyệt đối với thiết kế một bước).

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có).

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

- Báo cáo tổng hợp của Chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng.

- Thỏa thuận đấu nối với Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội, Công ty điện lực địa phương hoặc các đơn vị phân phối điện khác.

- Thỏa thuận địa điểm xây dựng trạm biến áp và hướng tuyến đường dây điện của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

- Đối với công trình đền bù GPMB: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận công trình, tài sản nằm trong diện đền bù, GPMB.

- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng (nếu có);

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh, bản vẽ, dự toán (nếu có) kèm theo file mềm.

3. Các tài liệu khẳng định năng lực của đơn vị tư vấn khảo sát, tư vấn thiết kế:

- Giấy phép hoạt động điện lực.

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, cán bộ lập

dự toán.

(Tên chủ đầu tư) trình Sở Công Thương thẩm định thiết kế và dự toán (nếu có) xây dựng công trình (tên công trình) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu:...

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**65. Xác nhận công trình điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực
Thành phố Hà Nội**

a) Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân gửi hoặc nộp hồ sơ đề nghị Xác nhận công trình điện phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực TP Hà Nội theo quy định về Sở Công Thương.

- Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương ban hành văn bản Xác nhận công trình điện phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực TP Hà Nội.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Đơn đề nghị xác nhận công trình điện phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực

2. Bản sao hợp lệ một trong các loại giấy tờ sau:

- Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng dự án;
- Giấy phép xây dựng;
- Quyết định giao đất;
- Hợp đồng thuê đất;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản Công trình điện phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực TP Hà Nội.

h) Thời hạn của văn bản: Kể từ ngày ban hành văn bản.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn: Đơn đề nghị xác nhận công trình điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội.

l) Yêu cầu điều kiện:

Được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng, phải phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực và xác định rõ quy mô, địa điểm của dự án.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND thành phố Hà



Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế cán bộ công chức của Sở Công Thương Hà Nội;

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/12/2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định số 14/2014 ngày 26/02/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện;

- Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương, Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực;

- Thông tư số 33/2014/TT-BCT ngày 10/10/2014 của Bộ Công Thương, quy định một số nội dung rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng;

- Quyết định 38/2011/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành Quy định về Quản lý thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 14/8/2012 của UBND TP Hà Nội, V/v ban hành Quy định về quản lý, thu hồi vốn ngân sách Thành phố đầu tư tại các dự án cấp nước hoặc hạng mục cấp nước, hạng mục điện bàn giao cho các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng sau đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quyết định 03/2014/QĐ-UBND ngày 22/01/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế quản lý phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 4351/QĐ-BCT ngày 29/8/2011 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020;

- Các Quy hoạch phát triển điện lực các quận, huyện, thị xã giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020 đã được UBND Thành phố phê duyệt.

- Văn bản số 6018/UBND-CT ngày 12/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ủy quyền cho Sở Công Thương xem xét cho phép Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình điện.

(TÊN TỔ CHỨC)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Xác nhận công trình điện phù hợp
với Quy hoạch phát triển điện lực TP Hà Nội**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

(Tên Tổ chức/ cá nhân).....

Địa chỉ.....số điện thoại.....

Mã số Doanh nghiệp.....

Mã số thuế.....

(Tổ chức/ cá nhân) được Cơ quan có thẩm quyền Quyết định phê duyệt dự án đầu tư Quyết định số.....; Dự án đã được Giấy phép xây dựng số.....; Hợp đồng thuê đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số.....

Để đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho mục đích: sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt ... của (Tổ chức/cá nhân). Khối lượng xây dựng như sau:

-Quy mô công suất:

-Nguồn cấp điện dự kiến:

-Địa điểm xây dựng:

-Thời gian xây dựng:

Thực hiện Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc ban hành Quy định về quản lý thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội và Thông tư số 33/2014/TT-BCT ngày 10/10/2014 của Bộ Công Thương, quy định một số nội dung rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng, đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xác nhận sự phù hợp công trình điện với Quy hoạch phát triển điện lực để (Tổ chức/cá nhân) tổ chức triển khai theo quy định./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

66. Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện

a) Trình tự thực hiện

- Người sử dụng lao động gửi hoặc nộp hồ sơ đề nghị huấn luyện, cấp mới thẻ an toàn điện theo quy định về Sở Công Thương.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu người sử dụng lao động bổ sung hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét các điều kiện thực tế khác để tổ chức huấn luyện.

- Sở Công Thương quy định cụ thể thời gian tổ chức huấn luyện, kiểm tra sát hạch căn cứ vào tình hình thực tế, số lượng người lao động được đề nghị huấn luyện, cấp mới thẻ an toàn điện nhưng không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày người lao động được kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu, Sở Công Thương cấp mới thẻ an toàn điện cho người lao động.

- Trường hợp từ chối huấn luyện, sát hạch và cấp mới thẻ an toàn điện, Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;

- 02 ảnh (2x3)cm.

Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày người lao động được huấn luyện lần đầu, huấn luyện định kỳ, huấn luyện lại kiểm tra đạt yêu cầu

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ an toàn điện.

h) Thời hạn của thẻ an toàn điện: Kể từ khi cấp tới khi thu hồi.

i) Lệ phí: Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

l) Yêu cầu điều kiện: Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo mới được tuyển dụng hoặc chuyển từ công việc khác sang.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực;

- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

67. Cấp lại thẻ an toàn điện

a) Trình tự thực hiện:

- Người sử dụng lao động gửi hoặc nộp hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ an toàn điện đến Sở Công Thương.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu người sử dụng lao động bổ sung hồ sơ.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương thực hiện cấp lại thẻ an toàn điện cho người lao động.

- Trường hợp từ chối cấp lại thẻ an toàn điện, Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;

- 02 ảnh (2x3)cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động.

Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ an toàn điện.

h) Thời hạn của thẻ an toàn điện: Kể từ khi cấp mới tới khi thu hồi.

i) Lệ phí: Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

l) Yêu cầu điều kiện: Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo làm mất hoặc làm hỏng thẻ an toàn điện.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực ;

- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

68. Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện

a) Trình tự thực hiện:

- Người sử dụng lao động gửi hoặc nộp hồ sơ đề nghị huấn luyện, cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện theo quy định về Sở Công Thương.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu người sử dụng lao động bổ sung hồ sơ.

- Sở Công Thương quy định cụ thể thời gian tổ chức, thời gian kiểm tra sát hạch căn cứ vào tình hình thực tế, số lượng người lao động được đề nghị huấn luyện, cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện nhưng không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày người lao động được huấn luyện và kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu, Sở Công Thương cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện cho người lao động.

- Trường hợp từ chối huấn luyện, sát hạch và cấp sửa đổi bổ sung thẻ an toàn điện, Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;

- 02 ảnh (2x3)cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động.

Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ an toàn điện.

h) Thời hạn của thẻ an toàn điện: Từ khi được cấp đến khi thu hồi.

i) Lệ phí: Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

l) Yêu cầu điều kiện: Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo có thay đổi bậc an toàn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực;
- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

69. Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương

a) Trình tự và cách thức thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Sở Công Thương

- Sở Công Thương tiếp nhận, kiểm tra và trả lời bằng văn bản về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ. Trong văn bản nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ. Trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu, đơn vị đề nghị cấp phép phải sửa đổi, bổ sung và trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp trong 60 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không bổ sung hồ sơ, trả lời bằng văn bản thì cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.

- Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 7b tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT; Bản sao bằng tốt nghiệp và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp cho người có tên trong danh sách theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành.

- Bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư nhà máy điện của cấp có thẩm quyền.

- Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền.

- Bản sao Hợp đồng mua bán điện.

- Danh mục các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và cam kết của chủ đầu tư thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật trong việc sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Bản sao có chứng thực tài liệu về đảm bảo điều kiện phòng cháy, chữa cháy

theo quy định.

- Bản sao quyết định phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa của cơ quan có thẩm quyền (đối với nhà máy thủy điện).

- Bản sao biên bản nghiệm thu hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông; biên bản nghiệm thu hoàn thiện kết nối tín hiệu với hệ thống SCADA/EMS, SCADA/DMS của cấp điều độ có quyền điều khiển phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo quy định.

- Bản sao biên bản nghiệm thu đập thủy điện, tuyến năng lượng; Bản đăng ký an toàn đập gửi cơ quan có thẩm quyền; phương án bảo đảm an toàn đập và bảo đảm an toàn vùng hạ du đập theo quy định; Báo cáo kết quả kiểm định đập (đối với đập thủy điện đã đến kỳ kiểm định).

- Bản sao biên bản nghiệm thu cuối cùng hoặc văn bản xác nhận đảm bảo điều kiện vận hành thương mại cho từng tổ máy.

- Bản sao Quy trình phối hợp vận hành nhà máy điện với Đơn vị Điều độ hệ thống điện.

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tham gia lĩnh vực hoạt động điện lực theo đúng quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Phí, Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 124/2008/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực (ban hành theo mẫu 01 kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BCT).

- Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia chính, kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp. (Theo mẫu 7b ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện chung:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, gồm:

- + Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp;

- + Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã;

- + Hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- + Các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.
- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp phép.
- Có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ.
- Nộp lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định.

Điều kiện riêng:

- Có dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện khả thi phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực được duyệt. Có trang thiết bị công nghệ, phương tiện phục vụ, nhà xưởng, công trình kiến trúc theo thiết kế kỹ thuật được duyệt, xây dựng, lắp đặt, kiểm tra nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định.
- Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, vận hành phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện hoặc kỹ thuật phù hợp và có thời gian làm việc trong lĩnh vực phát điện ít nhất 05 năm. Người trực tiếp vận hành phải được đào tạo chuyên ngành phù hợp, được đào tạo về an toàn, được đào tạo và cấp chứng chỉ vận hành nhà máy điện, thị trường điện theo quy định.
- Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống điều khiển giám sát, thu thập dữ liệu phù hợp với yêu cầu của hệ thống điện và thị trường điện lực theo quy định của pháp luật.
- Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định đạt yêu cầu kỹ thuật.
- Có báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án phát điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Có hệ thống phòng cháy và chữa cháy của nhà máy điện được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu theo quy định của pháp luật.
- Có quy trình vận hành hồ chứa đối với nhà máy thủy điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Các tài liệu pháp lý về an toàn đập thủy điện đối với nhà máy thủy điện theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực.
- Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở giao dịch chính tại: Điện thoại: Fax:

Thành lập theo giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày
... tháng ... năm

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp,
đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày
..... (nếu có).

Ngành nghề kinh doanh hiện tại:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho những lĩnh vực và phạm vi hoạt động
sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ² ... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp, đồng thời
tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:
Sở Công Thương.

² Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

J

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ*(Cho lĩnh vực hoạt động phát điện)*

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác (năm)	Ghi chú
I.	Cán bộ quản lý						
1							
2							
4							
II	Người trực tiếp vận hành						
1							
2							
3							
4							
5							

70. Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a. Trình tự thực hiện:

- Sở Công Thương Hà Nội tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cấp huyện và Kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực thuộc địa Thành phố Hà Nội.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương Hà Nội có trách nhiệm cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.

- Trường hợp không cấp thẻ, sau 03 ngày làm việc, Sở Công Thương Hà Nội có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực lần đầu bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu văn bằng chuyên môn hoặc quyết định nâng bậc lương công nhân..

Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên.

- Giấy chứng nhận đạt yêu cầu sát hạch Kiểm tra viên điện lực.

- 02 ảnh cỡ 2 x 3 cm.

- Bản khai quá trình công tác có xác nhận của cơ quan, đơn vị.

d. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

đ. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Kiểm tra viên điện lực đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ Kiểm tra viên điện lực

h. Phí, Lệ phí: Không có

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện chung:

- Được đào tạo về chuyên ngành điện, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

- Nắm vững các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật điện, an toàn điện, các quy định về công tác kiểm tra hoạt động điện lực, sử dụng điện; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác

kiểm tra.

- Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

Điều kiện riêng:

Kiểm tra viên điện lực cấp huyện phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành điện.
- Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện hoặc làm công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.
- Được bố trí công tác tại phòng chuyên môn có chức năng theo dõi về các hoạt động trong lĩnh vực điện lực tại thời điểm đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.
- Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước.

Kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực thuộc địa bàn TP Hà Nội:

- Có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện; có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện hoặc là công nhân kỹ thuật điện từ bậc 5/7 trở lên đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện.
- Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực.
- Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về Kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

71. Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ

a) Trình tự thực hiện:

- Sở Công Thương Hà Nội tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cấp huyện và Kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương Hà Nội có trách nhiệm cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.

- Trường hợp không cấp thẻ, sau 03 ngày làm việc, Sở Công Thương Hà Nội có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Qua Bru điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương, 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ Kiểm tra viên điện lực bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại thẻ của đơn vị quản lý Kiểm tra viên điện lực.

- Đơn đề nghị cấp lại thẻ của Kiểm tra viên điện lực.

- 02 ảnh cỡ 2 x 3 cm.

- Thẻ Kiểm tra viên điện lực đối với trường hợp thẻ bị hỏng.

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Kiểm tra viên điện lực đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ Kiểm tra viên điện lực

h) Phí, Lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện chung:

- Được đào tạo về chuyên ngành điện, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

- Nắm vững các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật điện, an toàn điện, các quy định về công tác kiểm tra hoạt động điện lực, sử dụng điện; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác kiểm tra.

- Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

Điều kiện riêng:

Kiểm tra viên điện lực cấp huyện phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành điện.
- Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện hoặc làm công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.
- Được bố trí công tác tại phòng chuyên môn có chức năng theo dõi về các hoạt động trong lĩnh vực điện lực tại thời điểm đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.
- Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước.

Kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực thuộc địa bàn TP Hà Nội:

- Có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện; có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện hoặc là công nhân kỹ thuật điện từ bậc 5/7 trở lên đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện.
- Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực.
- Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về Kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

VI - Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng

72. Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá cho Sở Công Thương
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Mẫu 1).
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có chứng thực) hoặc bản chụp kèm bản gốc để đối chiếu.
- Bảng kê diện tích kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 1000 m², sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác (Mẫu 4).
- Bảng kê trang thiết bị: hệ thống thông gió; phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; ẩm kế; nhiệt kế; các phương tiện phòng chống sâu, mối mọt; các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện thuốc lá; phương tiện vận tải (Mẫu 5).
- Bản kê danh sách người lao động, bản sao hợp đồng lao động, văn bằng chứng chỉ được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên đối với cán bộ thu mua nguyên liệu
(Mẫu 6).
- Bản sao hợp đồng nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.

*** Số lượng:** 01 (Bộ).

- Trường hợp cấp lại do giấy phép hết hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực 30 ngày tổ chức/Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ như cấp mới.

d - Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ).

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Các doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá (hoặc ngành bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác trừ gỗ, tre, nứa) có trụ sở (theo đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư) đóng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Sở Công Thương Hà Nội.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.

h - Phí - Lệ phí: Không.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Mẫu 1).

- Bảng kê diện tích kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 1000 m², sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác (Mẫu 4).

- Bảng kê trang thiết bị: hệ thống thông gió; phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; ẩm kế; nhiệt kế; các phương tiện phòng chống sâu, mối mọt; các giá hoặc kệ, kệ đỡ kiện thuốc lá; phương tiện vận tải (Mẫu 5).

- Bản kê danh sách người lao động, bản sao hợp đồng lao động, văn bằng chứng chỉ được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên đối với cán bộ thu mua nguyên liệu (Mẫu 6).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị con người:

+ Có phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu bảo quản chất lượng của nguyên liệu thuốc lá trong thời gian vận chuyển;

+ Có kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 1.000m². Kho phải có hệ thống thông gió và các trang thiết bị phù hợp yêu cầu bảo quản nguyên liệu thuốc lá bao gồm: Các nhiệt kế, ẩm kế kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; phải có đủ các giá hoặc kệ, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;

+ Người lao động có nghiệp vụ, chuyên môn, được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên.

- Có hợp đồng nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ.

Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh

thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

MẪU 1

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:.....Fax:.....;
3. Văn phòng đại diện (nếu có):.....Điện thoại:.....Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
5. Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, cụ thể như sau:
 - Loại nguyên liệu thuốc lá: (Ví dụ: lá thuốc lá, sợi thuốc lá, thuốc lá tẩm, lá tách cọng...)
 - Được phép nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá của các doanh nghiệp ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu (Ghi rõ tên, địa chỉ các DN ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu)
 - Những hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....

Công ty.....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan, nếu sai Công ty..... xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

MẪU 4

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...***BẢNG KÊ****DIỆN TÍCH KHO, NHÀ XƯỞNG VÀ CÁC HẠNG MỤC KHÁC**

Số TT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Số lượng	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
.....					
Tổng diện tích kho, nhà xưởng..					
Tổng diện tích đất					

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu*(ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(ký tên và đóng dấu)*

MẪU 5

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...***BẢNG KÊ****PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ**

Số TT	Tên phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I. Thiết bị phòng cháy, chữa cháy				
1				
....				
II. Âm kế, nhiệt kế				
1				
...				
III. Gá, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá				
1				
....				
IV. Hệ thống thông gió				
1				
...				
V. Phương tiện phòng chống sâu, mối mọt				
1				
...				
VI. Phương tiện vận tải⁽¹⁾				
1				
...				

Người lập biểu*(ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(ký tên và đóng dấu)***Chú thích:**⁽¹⁾: Ghi rõ loại phương tiện và trọng tải của phương tiện.

MẪU 6

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

BẢNG KÊ DANH SÁCH LAO ĐỘNG

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ ⁽¹⁾	Chuyên ngành đào tạo	Bộ phận làm việc	Số sổ BHXH	Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							
...							

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Trường hợp trình độ từ trung cấp trở lên thì ghi rõ chuyên ngành được đào tạo

73. Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá cho Sở Công Thương

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá theo mẫu 2.

- Bản chụp kèm bản gốc Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung;

* Số lượng: 01 (Bộ).

d - Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ).

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Sở Công Thương Hà Nội.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.

h - Phí - Lệ phí: Không.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Mẫu 2).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị con người:

+ Có phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu bảo quản chất lượng của nguyên liệu thuốc lá trong thời gian vận chuyển;

+ Có kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 1.000m². Kho phải

có hệ thống thông gió và các trang thiết bị phù hợp yêu cầu bảo quản nguyên liệu thuốc lá bao gồm: Các nhiệt kế, ẩm kế kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; phải có đủ các giá hoặc kệ, kê đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;

+ Người lao động có nghiệp vụ, chuyên môn, được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên.

- Có hợp đồng nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ.

Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

1 - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

MẪU 2

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
4. Đã được Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có: ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy)
5. Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá với nội dung sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp*):
 - Thông tin cũ: (Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung ghi trong Giấy phép cũ.)
 - Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....
 - Lý do sửa đổi, bổ sung:.....
 - Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....

Công ty..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai Công ty..... xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

74. Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

Trường hợp cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá do giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá cho Sở Công Thương

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại (Mẫu 3).

- Bản chụp giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp (nếu có);

- * Số lượng: 01 (Bộ).

d - Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ).

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Hà Nội.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phó Giám đốc Sở.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính và Phòng Quản lý Công nghiệp.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h - Phí - Lệ phí: Không.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Mẫu 3).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị con người:

+ Có phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu bảo quản chất lượng của nguyên liệu thuốc lá trong thời gian vận chuyển;

+ Có kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 1.000m². Kho phải có hệ thống thông gió và các trang thiết bị phù hợp yêu cầu bảo quản nguyên liệu thuốc lá bao gồm: Các nhiệt kế, ẩm kế kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; phải có đủ các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;

+ Người lao động có nghiệp vụ, chuyên môn, được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên.

- Có hợp đồng nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ.

Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

I - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

MẪU 3

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

**(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách nát hoặc bị cháy)**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
4. Đã được Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).
5. Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá với lý do sau:.....

Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....

Công ty.....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai Công ty..... xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

75. Cấp giấy phép sản xuất rượu Công nghiệp có quy mô dưới 3 triệu lít/năm

a - Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp cho Sở Công Thương;
- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (theo mẫu);
- Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (có đăng ký ngành nghề kinh doanh SX rượu hoặc đồ uống có cồn theo quy định và phù hợp với quy trình sản xuất); Giấy chứng nhận mã số thuế;
- Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy; Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hiệu lực;
- Danh mục (tên) hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà doanh nghiệp dự kiến sản xuất;
- Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép)

d - Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ).

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất rượu.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương Hà Nội.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định:

- + Nộp ngay phí thẩm định khi nộp hồ sơ hợp lệ, mức: 2.200.000 đồng/cơ sở/lần
- + Phí thẩm định không được hoàn trả khi thẩm định cơ sở không đạt yêu cầu.

- Lệ phí cấp Giấy phép:

+ Nộp khi nhận Giấy phép, mức: 400.000 đồng/giấy/lần.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp theo mẫu (Phụ lục 1 - Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất rượu.

+ Sản xuất rượu công nghiệp phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát được phê duyệt.

+ Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu. Toàn bộ máy móc thiết bị để sản xuất rượu phải có nguồn gốc hợp pháp.

+ Đảm bảo các điều kiện theo quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

+ Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp nhãn hàng hóa sản phẩm rượu tại Việt Nam.

+ Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

+ Người tham gia trực tiếp sản xuất rượu phải đảm bảo sức khỏe, không mắc bệnh truyền nhiễm.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

+ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

+ Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014
của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU CÔNG NGHIỆP

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
Giấy chứng nhận đầu tư) số.....ngày... tháng..... năm.....do..... cấp
ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp Giấy phép sản xuất các loại rượu:.....
(1)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu..... (2)

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu; Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012; các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định khác liên quan.

Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Chủng loại rượu (ví dụ: rượu vang, rượu trắng, rượu whisky, rượu vodka...)

(2): Công suất từng loại rượu dự kiến sản xuất

76. Cấp lại giấy phép sản xuất rượu Công nghiệp có quy mô dưới 3 triệu lít/năm

a - Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp cho Sở Công Thương

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

c2. Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

+ Đơn đề nghị cấp lại (theo mẫu);

+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp (nếu có);

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép).

d - Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

- 20 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, hết thời hạn hiệu lực; Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương Hà Nội.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (Cấp lại lần thứ...)

h - Phí - Lệ phí: (Áp dụng đối với trường hợp cấp lại do hết hạn)

- Phí thẩm định:

+ Nộp ngay phí thẩm định khi nộp hồ sơ hợp lệ, mức: 2.200.000 đồng/cơ sở/lần

+ Phí thẩm định không được hoàn trả khi thẩm định cơ sở không đạt yêu cầu.

- Lệ phí cấp Giấy phép:

+ Nộp khi nhận Giấy phép, mức: 400.000 đồng/giấy/lần.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp theo mẫu (Phụ lục 2 - Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 20/12/2012 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất rượu.

- Sản xuất rượu công nghiệp phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát được phê duyệt.

- Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu. Toàn bộ máy móc thiết bị để sản xuất rượu phải có nguồn gốc hợp pháp.

- Đảm bảo các điều kiện theo quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

- Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp nhãn hàng hóa sản phẩm rượu tại Việt Nam.

- Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

- Người tham gia trực tiếp sản xuất rượu phải đảm bảo sức khỏe, không mắc bệnh truyền nhiễm.

Đối với trường hợp Giấy phép hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

MẪU

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU CÔNG NGHIỆP

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đầu tư) số ngày..... tháng..... năm.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp số..... do Sở Công Thương Hà Nội cấp ngày.....tháng.....năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp số.....ngày..... tháng.....năm.....do Sở Công Thương Hà Nội cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu, với lý do cụ thể như sau⁽¹⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Doanh nghiệp đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất các loại rượu:.....⁽²⁾

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....⁽³⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012, các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định khác liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Lý do xin cấp lại

⁽²⁾: Chủng loại rượu (ví dụ: rượu vang, rượu trắng, rượu whisky, rượu vodka...)

⁽³⁾: Công suất từng loại rượu dự kiến sản xuất

77. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu Công nghiệp có quy mô dưới 3 triệu lít/năm

a - Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp cho Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo mẫu;

- Bản sao Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép).

d - Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ).

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương Hà Nội

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định:

+ Nộp ngay phí thẩm định khi nộp hồ sơ hợp lệ, mức: 2.200.000 đồng/cơ sở/lần

+ Phí thẩm định không được hoàn trả khi thẩm định cơ sở không đạt yêu cầu.

- Lệ phí cấp Giấy phép: Nộp khi nhận Giấy phép, mức: 400.000 đồng/giấy/lần

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp theo mẫu (Phụ lục 3 - Thông tư số 60/2012/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất rượu.

- Sản xuất rượu công nghiệp phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát được phê duyệt.

- Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu. Toàn bộ máy móc thiết bị để sản xuất rượu phải có nguồn gốc hợp pháp.

- Đảm bảo các điều kiện theo quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

- Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp nhãn hàng hóa sản phẩm rượu tại Việt Nam.

- Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

- Người tham gia trực tiếp sản xuất rượu phải đảm bảo sức khỏe, không mắc bệnh truyền nhiễm.

I - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

MẪU

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU CÔNG NGHIỆP

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... ngày..... tháng..... năm.....do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....

Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp số..... do Sở Công Thương Hà Nội cấp ngày.....tháng.....năm...

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung (hoặc cấp lại) Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp số.....ngày..... tháng.....năm.....do Sở Công Thương Hà Nội cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu, với lý do cụ thể như sau⁽¹⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Doanh nghiệp đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung)^(*) Giấy phép sản xuất các loại rượu:.....⁽²⁾

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....⁽³⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012, các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định khác liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Lý do xin cấp sửa đổi, bổ sung

⁽²⁾: Chủng loại rượu (ví dụ: rượu vang, rượu trắng, rượu whisky, rượu vodka...)

⁽³⁾: Công suất từng loại rượu dự kiến sản xuất

^(*): Nếu là cấp sửa đổi thì đề nghị cấp sửa đổi. Nếu trường hợp cấp bổ sung thì đề nghị cấp bổ sung

78. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

Trình tự này áp dụng cho trường hợp cấp Giấy chứng nhận lần đầu và cấp lại do Giấy chứng nhận đã được cấp hết hiệu lực. Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp tiếp tục đầu tư trồng cây thuốc lá. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại do Giấy chứng nhận hết hiệu lực như đối với trường hợp cấp lần đầu.

- Doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá cho Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

(Mẫu 1).

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có chứng thực) hoặc bản chụp kèm bản gốc để đối chiếu.

- Bảng kê diện tích kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 500 m² (Mẫu 4).

- Sơ đồ kho tàng, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác.

- Bảng kê trang thiết bị: phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; âm kế, nhiệt kế; Giá, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá; hệ thống thông gió; các phương tiện phòng chống sâu, mối mọt; phương tiện vận tải (Mẫu 5).

- Bản kê danh sách người lao động, bản sao hợp đồng lao động, văn bằng chứng chỉ được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên đối với cán bộ quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu (Mẫu 6).

Đảm bảo 01 (một) cán bộ kỹ thuật quản lý tối đa 50 ha ruộng trồng cây thuốc lá.

- Bản sao hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá tối thiểu 100 ha mỗi năm

- Bảng kê dự kiến diện tích, năng suất, sản lượng của doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá (Mẫu 7).

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

* Trước thời hạn Giấy chứng nhận hết hiệu lực 30 ngày, tổ chức/Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ (như cấp mới) đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

d - Thời gian giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá có trụ sở chính đóng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công thương Hà Nội.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc/Phó Giám đốc Sở.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ phận TNHS và Trả KQ và Phòng Quản lý Công nghiệp.
- Cơ quan phối hợp: Không.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận; văn bản từ chối cấp Giấy chứng nhận.

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: (Áp dụng đối với trường hợp cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá)

+ Nộp ngay phí thẩm định khi nộp hồ sơ hợp lệ, mức: 2.200.000 đồng/cơ sở/lần

+ Phí thẩm định không được hoàn trả khi thẩm định cơ sở không đạt yêu cầu.

+ Trường hợp phải thẩm định lại, cơ sở nộp phí như như thẩm định lần đầu.

- Lệ phí: (Áp dụng đối với trường hợp cấp mới, cấp lại do hết hạn)

Nộp khi nhận Giấy chứng nhận, mức: 400.000 đồng/giấy/lần

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (Mẫu 1).

- Bảng kê diện tích kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 500 m² (Mẫu 4).

- Bảng kê trang thiết bị: phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; ẩm kế, nhiệt kế; giá, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá; hệ thống thông gió; các phương tiện phòng chống sâu, mối mọt; phương tiện vận tải (Mẫu 5).

- Bản kê danh sách người lao động, bản sao hợp đồng lao động, văn bằng chứng chỉ được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên đối với cán bộ quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu (Mẫu 6).

- Bảng kê dự kiến diện tích, năng suất, sản lượng của doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá (Mẫu 7).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

- Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.
- Điều kiện về quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người:
 - + Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm;
 - + Diện tích của cơ sở kinh doanh nguyên liệu bao gồm khu phân loại, đóng kiện và kho nguyên liệu phù hợp với quy mô kinh doanh;
 - + Có kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 500m². Kho phải có hệ thống thông gió và các trang thiết bị phù hợp yêu cầu bảo quản nguyên liệu thuốc lá bao gồm: Các nhiệt kế, ẩm kế kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; phải có đủ các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;
 - + Người lao động có nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp để quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu, trình độ phải được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên. Đảm bảo 01 (một) cán bộ kỹ thuật quản lý tối đa 50 ha ruộng trồng cây thuốc lá.

- Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá.

Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ.

Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

MẪU 1

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY
THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do.....cấp ngày...tháng... năm.....
4. Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá, cụ thể như sau:
 - Loại cây thuốc lá: (thuốc lá vàng sáy, thuốc lá Burley, thuốc lá nâu...)
 - Địa điểm trồng cây thuốc lá:
 - Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:

Công tyxin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai Công tyxin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU 4

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

BẢNG KÊ
DIỆN TÍCH KHO, NHÀ XƯỞNG VÀ CÁC HẠNG MỤC KHÁC

Số TT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Số lượng	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
.....					
Tổng diện tích kho, nhà xưởng..					
Tổng diện tích đất					

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký tên và đóng dấu)

MẪU 5

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

BẢNG KÊ**PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ**

Số TT	Tên phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I. Thiết bị phòng cháy, chữa cháy				
1				
2				
3				
....				
II. Âm kế, nhiệt kế				
1				
2				
...				
III. Gá, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá				
1				
2				
....				
IV. Hệ thống thông gió				
1				
2				
...				
V. Phương tiện phòng chống sâu, mối mọt				
1				
2				
...				
VI. Phương tiện vận tải⁽¹⁾				

1				
2				
...				

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ loại phương tiện và trọng tải của phương tiện.

MẪU 6

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

BẢNG KÊ DANH SÁCH LAO ĐỘNG

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ⁽¹⁾	Chuyên ngành đào tạo	Bộ phận làm việc	Số sổ BHXH	Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							
...							

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Trường hợp trình độ từ trung cấp trở lên thì ghi rõ chuyên ngành được đào tạo

MẪU 7

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

BẢNG KÊ

**DỰ KIẾN DIỆN TÍCH, NĂNG XUẤT, SẢN LƯỢNG CỦA DOANH NGHIỆP
ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ**

Số TT	Loại cây thuốc lá	Địa điểm trồng cây thuốc lá ⁽¹⁾	Diện tích (ha)	Năng xuất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Thuốc lá vàng sấy				
2	Thuốc lá Burley				
3	Thuốc lá Nâu				
...	Thuốc lá....				
	Tổng cộng				

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên xã, huyện, tỉnh nơi dự kiến trồng cây thuốc lá.

79. Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá cho Sở Công Thương

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (Mẫu 2).

- Bản chụp kèm bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã được cấp.

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung:

Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d - Thời gian giải quyết:

15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Các doanh nghiệp trồng cây thuốc lá đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy chứng nhận đã được cấp.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công thương Hà Nội.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc/Phó Giám đốc Sở.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ phận TNHS và Trả KQ và Phòng Quản lý Công nghiệp.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối cấp Giấy chứng nhận.

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 2.200.000đ/cơ sở/lần (Áp dụng đối với trường hợp cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá)

- Lệ phí: Nộp khi nhận Giấy chứng nhận, mức: 400.000 đồng/giấy/lần.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá. (Mẫu 2)

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

- Điều kiện về quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người:

+ Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm;

+ Diện tích của cơ sở kinh doanh nguyên liệu bao gồm khu phân loại, đóng kiện và kho nguyên liệu phù hợp với quy mô kinh doanh;

+ Có kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 500m². Kho phải có hệ thống thông gió và các trang thiết bị phù hợp yêu cầu bảo quản nguyên liệu thuốc lá bao gồm: Các nhiệt kế, ẩm kế kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; phải có đủ các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;

+ Người lao động có nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp để quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu, trình độ phải được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên. Đảm bảo 01 (một) cán bộ kỹ thuật quản lý tối đa 50 ha ruộng trồng cây thuốc lá.

- Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá.

Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ.

Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

l - Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá

MẪU 2

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
4. Đã được Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có: thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy.)
5. Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá với nội dung sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp):
 - Thông tin cũ:.....(Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung ghi trong Giấy phép cũ)
 - Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....
 - Lý do sửa đổi, bổ sung:.....
 - Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....

Công ty..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai Công ty..... xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

80. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

Trình tự này áp dụng cho trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá do giấy chứng nhận bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá cho Sở Công Thương

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy (Mẫu 3).

- Bản chụp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã được cấp (nếu có);

Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d - Thời gian giải quyết:

15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Các doanh nghiệp trồng cây thuốc lá đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá có trụ sở chính tại Hà Nội.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công thương Hà Nội.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc/Phó Giám đốc Sở.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ phận TNHS và Trả KQ và Phòng Quản lý Công nghiệp.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: Không.

- Lệ phí: Nộp khi nhận Giấy chứng nhận, 400.000đ/Giấy/Lần cấp.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy. (Mẫu 3)

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp:

- Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

- Điều kiện về quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người:

+ Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm;

+ Diện tích của cơ sở kinh doanh nguyên liệu bao gồm khu phân loại, đóng kiện và kho nguyên liệu phù hợp với quy mô kinh doanh;

+ Có kho nguyên liệu thuốc lá với tổng diện tích không dưới 500m². Kho phải có hệ thống thông gió và các trang thiết bị phù hợp yêu cầu bảo quản nguyên liệu thuốc lá bao gồm: Các nhiệt kế, ẩm kế kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng, chống sâu, mối, mọt; phải có đủ các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;

+ Người lao động có nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp để quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu, trình độ phải được đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp từ trung cấp trở lên. Đảm bảo 01 (một) cán bộ kỹ thuật quản lý tối đa 50 ha ruộng trồng cây thuốc lá.

- Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá.

Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ.

Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

l - Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

MẪU 3

(Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ

**(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách nát hoặc bị cháy)**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....
 3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
 4. Đã được Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).
 5. Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá với lý do sau:.....
- Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....

Công ty.....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai Công ty..... xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

VII - Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ

81. Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

a - Trình tự thực hiện:

Sở Công Thương Hà Nội tiếp nhận Hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương Hà Nội kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, Sở Công Thương Hà Nội thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, Sở Công Thương Hà Nội tiến hành thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết sẽ kiểm tra thực tế tại cơ sở. Sở Công Thương Hà Nội có văn bản thông báo kết quả xác nhận ưu đãi chậm nhất sau ba mươi (30) ngày làm việc.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển bao gồm:

a) Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi (Mẫu 1);

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư (có chứng thực) hoặc bản chụp kèm bản gốc để đối chiếu.

c) Thuyết minh dự án:

- Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập: Báo cáo (dự án) đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng;

- Trường hợp dự án đang sản xuất:

+ Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất; Báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính);

+ Dự án đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

d) Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án đầu tư mới) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đối với dự

án đang hoạt động).

đ) Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa cấp.

- Số lượng bộ hồ sơ:

a) 06 bộ bao gồm: 01 bộ chính và 05 bộ sao;

b) Hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xin ưu đãi;

c) Trường hợp các dự án có thay đổi về điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư thì gửi hồ sơ bổ sung (nội dung phần thay đổi) tới cơ quan có thẩm quyền để xem xét.

d - Thời gian giải quyết:

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, Sở Công Thương Hà Nội tiến hành thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết sẽ kiểm tra thực tế tại cơ sở. Sở Công Thương Hà Nội có văn bản thông báo kết quả xác nhận ưu đãi chậm nhất sau ba mươi (30) ngày làm việc.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa xin cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công thương Hà Nội.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc/Phó Giám đốc Sở.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ phận TNHS và Trả KQ và Phòng Quản lý Công nghiệp.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận ưu đãi (Mẫu 02)

h - Phí - Lệ phí: Không

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu giấy đề nghị xác nhận ưu đãi (Mẫu 01)

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

- Sự phù hợp của dự án sản xuất đối với các quy định tại Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Thủ tục pháp lý của dự án.

- Tính khả thi, hợp lý của các giải pháp kỹ thuật - công nghệ áp dụng trong sản xuất của dự án.

- Năng lực tài chính, hiệu quả đầu tư của dự án.

- Khả năng đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường của dự án.

- Đối tượng nộp hồ sơ là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

I - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ

- Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm.....

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ƯU ĐÃI

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên tổ chức, cá nhân:

2. Địa chỉ liên lạc: Điện thoại:

Fax: E-mail:

3. Hồ sơ kèm theo:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Thuyết minh dự án:

- Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập: Báo cáo (dự án) đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng;

- Trường hợp dự án đang sản xuất:

+ Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất; Báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính);

+ Dự án đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

c) Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án đầu tư mới) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đối với dự án đang hoạt động).

d) Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có).

4. Sau khi nghiên cứu các quy định tại Nghị định số 111/2015/NDD-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ và các văn bản liên quan khác, (tổ chức, cá nhân) xin (cơ quan có thẩm quyền) xác nhận ưu đãi cho dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ như sau:

- Loại sản phẩm (đánh dấu X vào ngành xác nhận ưu đãi):

Dệt may

Da giày

Điện tử

Cơ khí chế tạo

Sản xuất lắp ráp ô tô

Công nghệ cao

- Giải trình sản phẩm theo Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển:

.....

.....

.....

5. Các chính sách xin hưởng ưu đãi:

(Căn cứ vào Điều 12, Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ, (tổ chức, cá nhân) liệt kê các chính sách xin hưởng ưu đãi).

6. Cam kết của tổ chức, cá nhân:

- Có sản phẩm theo đăng ký đã được xác nhận ưu đãi trong thời gian 18 tháng kể từ thời điểm được xác nhận ưu đãi.

- Báo cáo với cơ quan có thẩm quyền nếu có sự thay đổi về sản phẩm xin xác nhận đã được hưởng ưu đãi trong quá trình sản xuất.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /XN-SCT

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN ƯU ĐÃI

Kính gửi: (tổ chức, cá nhân)

Trả lời văn bản số ngày tháng năm của (tổ chức, cá nhân) về việc đề nghị xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, trên cơ sở thẩm định hồ sơ gửi kèm, Sở Công Thương Hà Nội xác nhận:

Sản phẩm của (tổ chức, cá nhân) thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, đủ điều kiện hưởng các chính sách ưu đãi quy định tại Điểm..... Khoản Điều 12 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Đề nghị (tổ chức, cá nhân) làm việc với các cơ quan chức năng liên quan để được hướng dẫn thủ tục hưởng các ưu đãi nêu trên./.

Nơi nhận:

- Tên doanh nghiệp;
- Bộ Công Thương (để báo cáo);
- Lưu QLCN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

VIII - Lĩnh vực xuất nhập khẩu

82. Xác nhận bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công

a - Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công.
- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh hồ sơ.
- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời gian 05 ngày làm việc Sở Công Thương xem xét (kiểm tra thực tế nếu cần) và cấp Giấy xác nhận.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c - Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công. (Mẫu 1)
 - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư (có chứng thực) hoặc bản chụp kèm bản gốc để đối chiếu.
 - Bản Thuyết minh cơ sở vật chất (diện tích nhà xưởng, kho bãi, dây chuyền công nghệ), năng lực sản xuất, chủng loại sản phẩm và nhu cầu thép làm nguyên liệu sản xuất có ký tên, đóng dấu của đại diện tổ chức, cá nhân.
 - + Bảng kê nhà xưởng - Dây chuyền thiết bị. (Mẫu 2)
 - + Bảng kê quy trình gia công. (Mẫu 3)
 - + Bảng kê tình hình nhập khẩu thép. (Mẫu 4)
- * Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d - Thời gian giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư.
- Doanh nghiệp có trụ sở và cơ sở sản xuất đóng trên địa bàn Hà Nội, doanh nghiệp nhập khẩu thép về phục vụ sản xuất.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương Hà Nội.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận.

h - Phí - Lệ phí: Không

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công. (Mẫu 1)

+ Bảng kê nhà xưởng – Dây chuyền thiết bị. (Mẫu 2)

+ Bảng kê quy trình gia công (Mẫu 3)

+ Bảng kê tình hình nhập khẩu thép. (Mẫu 4)

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có dây chuyền, thiết bị sản xuất, gia công phù hợp để sản xuất, gia công các nguyên liệu nhập khẩu.

- Sản phẩm thép nhập khẩu chỉ được sử dụng cho mục đích sản xuất, gia công không nhằm mục đích kinh doanh. Số lượng nhập khẩu phù hợp với công suất của dây chuyền sản xuất, gia công trong một thời gian nhất định theo khai báo của doanh nghiệp.

- Việc gia công, sản xuất không phải là những hoạt động gia công đơn giản như uốn, cắt, mài, cuộn đơn giản hoặc những hoạt động gia công đơn giản khác.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài;

- Thông tư số 12/2015/TT-BCT ngày 12/6/2015 của Bộ Công Thương Quy định việc áp dụng chế độ cấp Giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số sản phẩm thép;

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Cam kết nhập khẩu thép để
trực tiếp phục vụ sản xuất, gia
công.

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**CẤP GIẤY XÁC NHẬN BẢN CAM KẾT CỦA THƯƠNG NHÂN NHẬP KHẨU
THÉP ĐỂ TRỰC TIẾP PHỤC VỤ SẢN XUẤT – GIA CÔNG.**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp:
 2. Địa chỉ trụ sở chính tại.....; cơ sở sản xuất tại:.....,
Điện thoại:, FAX:.....
 3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư...., có ngành nghề kinh doanh.....
 4. Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp Giấy xác bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công.
Đề phục vụ sản xuất Công ty có nhu cầu nhập khẩu một số loại thép; mã hàng HS:.....
- Công ty đã đầu tư dây chuyền thiết bị có công suất thiết kế: tấn sản phẩm/tháng, tương đương mức tiêu thụ là tấn thép/tháng.
Thực tế hàng năm công ty chúng tôi nhập khoảng tấn thép/tháng, tương đương với% công suất dây chuyền thiết bị.
- Sản phẩm đầu ra của công ty là sản phẩm; chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn.....Sản phẩm đầu ra cung cấp cho
- Công tyxin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BCT ngày 12/6/2015 của Bộ Công Thương Quy định việc áp dụng chế độ cấp Giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số sản phẩm thép. Công ty chúng tôi xin cam kết chỉ sử dụng nguyên liệu thép nhập khẩu để phục vụ sản xuất tại nhà máy, không sử dụng vào mục đích kinh doanh. Nếu sai Công tyxin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC

(ký tên và đóng dấu)

CÔNG TY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Cam kết nhập
khẩu thép để phục vụ sản
xuất, gia công.

Hà Nội, ngàythángnăm

BẢNG KÊ NHÀ XƯỞNG – DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ

1. Diện tích nhà xưởng:

2. Dây chuyền thiết bị công nghệ:

TT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Đặc tính kỹ thuật (Công suất thiết bị hoặc công suất dây chuyền)
1				
2				

Công suất thiết kế dây chuyền thiết bị: tấn sản phẩm/tháng, tương đương mức tiêu thụ là tấn thép/tháng.

Thực tế công ty chúng tôi nhập khoảng tấn thép/tháng, tương đương với% công suất dây chuyền thiết bị.

Người lập biểu

(ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(ký tên và đóng dấu)

CÔNG TY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Cam kết nhập khẩu thép
để phục vụ sản xuất, gia công.

Hà Nội, ngàythángnăm

BẢNG KÊ QUY TRÌNH GIA CÔNG

I. Quy trình sản xuất sản phẩm:

(Nêu các bước nguyên công cho sản phẩm điển hình) hoặc vẽ sơ đồ dòng chảy.

TT	Sản phẩm	Quy trình gia công	Thiết bị
1	Chi tiết 1	Nguyên công 1:	
		Nguyên công 2:	
		Nguyên công n:	
2	Chi tiết 2	Nguyên công 1:	
		Nguyên công 2:	
		Nguyên công n:	
....	

Người lập biểu
(ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký tên và đóng dấu)

CÔNG TY

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàythángnăm

BẢNG KÊ TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU THÉP

TT	Thép nhập khẩu					Sản phẩm sau khi gia công		Ghi chú (Thị trường tiêu thụ sản phẩm)
	Mã HS	Chủng loại thép	Mác thép	Khối lượng tấn/tháng (hoặc tấn/năm)	Xuất xứ (nước SX)	Tên sản phẩm	Khối lượng tấn/tháng (hoặc tấn/năm)	
1								
2								
n								
	Tổng							

Người lập biểu
(ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký tên và đóng dấu)

83. Cấp bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép

a- Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo và cam kết không sử dụng thép để sản xuất thép phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông tại Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời gian 05 ngày làm việc Sở Công Thương xem xét (kiểm tra thực tế nếu cần) và Cấp Giấy xác nhận.

b - Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo và cam kết không sử dụng thép nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm thép phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông với số lượng nhập khẩu phù hợp với công suất của dây chuyền sản xuất, gia công trong một thời gian nhất định theo kê khai; (Mẫu 1)

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư (có chứng thực) hoặc bản chụp kèm bản gốc để đối chiếu.

- Bản Thuyết minh cơ sở vật chất (diện tích nhà xưởng, kho bãi, dây chuyền công nghệ), năng lực sản xuất, chủng loại sản phẩm và nhu cầu thép làm nguyên liệu sản xuất (tấn/năm)

+ Bảng kê nhà xưởng - Dây chuyền thiết bị. (Mẫu 2)

+ Bảng kê quy trình gia công. (Mẫu 3)

+ Bảng kê tình hình nhập khẩu thép.(Mẫu 4)

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d - Thời gian giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư.

- Doanh nghiệp có trụ sở và cơ sở sản xuất đóng trên địa bàn Hà Nội, doanh nghiệp nhập khẩu thép về phục vụ sản xuất.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương Hà Nội.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép.

h - Phí - Lệ phí: Không

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép. (Mẫu 1)
- Bảng kê nhà xưởng – Dây chuyền thiết bị. (Mẫu 2)
- Bảng kê quy trình gia công. (Mẫu 3)
- Bảng kê tình hình nhập khẩu thép. (Mẫu 4)

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp có dây chuyền, thiết bị sản xuất, gia công phù hợp với nguyên liệu thép nhập khẩu. Số lượng thép nhập khẩu phù hợp với công suất của dây chuyền sản xuất.

- Thép hợp kim nhập khẩu trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo và cam kết không sử dụng thép hợp kim nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm thép phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu

CÔNG TY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Xác nhận nhu cầu nhập
khẩu thép hợp kim mã HS:
7224... để sản xuất gia công cơ
khí.

Hà Nội, ngàythángnăm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BẢN XÁC NHẬN NHU CẦU NHẬP KHẨU THÉP

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính tại.....; cơ sở sản xuất tại:.....,
Điện thoại:, FAX:.....
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư..., có ngành nghề kinh doanh.....

4. Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp Giấy xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép hợp kim mã HS 7224... để phục vụ sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo và cam kết không sử dụng thép để sản xuất thép phù hợp với Quy chuẩn quốc gia về thép làm cốt bê tông.

Công ty có nhu cầu nhập khẩu thép hợp kim ở dạng: mã HS: 7224.10.00 và 7224.90.00 xuất xứ từ nước về làm nguyên liệu sản xuất để chế tạo ra sản phẩm..... Sản phẩm đầu ra cung cấp cho

	Mã HS	Chủng loại thép	Mác thép	Khối lượng (tấn/năm)	Xuất xứ
1	7224.10.00				
2	7224.90.00				

- Công ty đã đầu tư dây chuyền thiết bị công suất thiết kế: tấn sản phẩm/năm, tương đương mức tiêu thụ là tấn thép/năm.

Thực tế hàng năm công ty chúng tôi nhập khoảng tấn thép/năm, tương đương với% công suất dây chuyền thiết bị.

- Sản phẩm đầu ra của công ty là sản phẩm; chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn..... Sản phẩm đầu ra cung cấp cho

Công tyxin cam kết thực hiện đúng các quy định tại điều 19 Thông tư số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương - Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu. Công ty chúng tôi nhập khẩu thép hợp kim để phục vụ sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo và cam kết không sử dụng thép hợp kim để sản xuất thép phù hợp với Quy chuẩn quốc gia về thép làm cốt bê tông. Nếu sai Công tyxin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC

(ký tên và đóng dấu)

CÔNG TY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xác nhận nhu cầu
nhập khẩu thép hợp kim
mã HS: 7224... để sản
xuất gia công cơ khí.

Hà Nội, ngàythángnăm

BẢNG KÊ NHÀ XƯỞNG – DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ

1. Diện tích nhà xưởng:
2. Dây chuyền thiết bị công nghệ:

TT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Đặc tính kỹ thuật (Công suất thiết bị hoặc công suất dây chuyền)
1				
2				

Công suất thiết kế dây chuyền thiết bị: tấn sản phẩm/năm, tương đương mức tiêu thụ là tấn thép/năm.

Thực tế công ty chúng tôi nhập khoảng tấn thép/tháng, tương đương với% công suất dây chuyền thiết bị.

Người lập biểu
(ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký tên và đóng dấu)

CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

Hà Nội, ngàythángnăm

V/v: Xác nhận nhu cầu
nhập khẩu thép hợp kim mangan
HS: 7224... để sản xuất gia
công cơ khí .

BẢNG KÊ QUY TRÌNH GIA CÔNG

I. Quy trình sản xuất sản phẩm:

(Nêu các bước nguyên công cho sản phẩm điển hình) hoặc vẽ sơ đồ dòng chảy.

TT	Sản phẩm	Quy trình gia công	Thiết bị
1	Chi tiết 1	Nguyên công 1:	
		Nguyên công 2:	
		Nguyên công n:	
2	Chi tiết 2	Nguyên công 1:	
		Nguyên công 2:	
		Nguyên công n:	
....	

Người lập biểu

(ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(ký tên và đóng dấu)

CÔNG TY

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàythángnăm

BẢNG KÊ TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU THÉP

TT	Thép nhập khẩu					Sản phẩm sau khi gia công		Ghi chú (Thị trường tiêu thụ sản phẩm)
	Mã HS	Chủng loại thép	Mác thép	Khối lượng tấn/năm	Xuất xứ (nước SX)	Tên sản phẩm	Khối lượng tấn/năm	
1	7224.10.0							
2	7224.90.00							
	Tổng							

Người lập biểu
(ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký tên và đóng dấu)

IX - Lĩnh vực công nghiệp nặng

84. Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn nhóm B,C

a- Trình tự thực hiện:

+ Doanh nghiệp đề nghị xin tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ cần nộp hồ sơ tại Sở Công Thương (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền). Riêng Tờ trình cần gửi riêng một bản cho Văn thư Sở Công Thương;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ của cơ quan có thẩm quyền khi tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng giấy biên nhận hoặc bằng hình thức thông tin khác cho Doanh nghiệp, đề nghị hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ hoặc trả lại hồ sơ và đề nghị bổ sung chứng từ nếu hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ,

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày (theo quy định tại khoản 2 điều 1 của Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 và khoản 7 điều 10 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ), Sở Công Thương thông báo ý kiến bằng văn bản gửi cho Doanh nghiệp.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho doanh nghiệp để bổ sung hoặc làm lại hồ sơ. Trong trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b- Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện.

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình xin ý kiến về Thiết kế cơ sở (theo Mẫu số 1 và 2 kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012);

+ Hồ sơ pháp lý của Doanh nghiệp là chủ đầu tư và Doanh nghiệp hoặc cá nhân làm tư vấn (Giấy phép thành lập doanh nghiệp, Đăng ký kinh doanh, Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh, Chứng chỉ hành nghề);

+ Bản sao các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, Giấy phép có liên quan đến công tác thăm dò, khai thác khoáng sản và văn bản phê duyệt các tài liệu địa chất, địa hình, trữ lượng khoáng sản sử dụng để thiết kế;

+ Quyết định chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài của cấp có thẩm quyền trong trường hợp Thiết kế áp dụng theo tiêu chuẩn nước ngoài (thực hiện theo Thông tư số 40/2009/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam);

+ Hồ sơ Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ (trọn bộ, số lượng hồ sơ cụ thể theo yêu cầu của cơ quan nhà nước được hỏi ý kiến, nhưng ít nhất là 3 bộ)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản rắn và các tổ chức, cá nhân tư vấn thiết kế mỏ, thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ và dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn.

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương đối với mỏ khoáng sản rắn.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở.

h- Phí - Lệ phí: Theo quy định.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình xin ý kiến về Thiết kế cơ sở (mẫu số 1 và số 2).

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản rắn và các tổ chức, cá nhân tư vấn thiết kế mỏ, thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Thông tư 33/2012/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế mỏ, dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn

- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương-Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Thành phố Hà Nội.

Mẫu số 1

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập Tự do Hạnh phúc

Số: /TTr-.....

....., ngày..... tháng năm 201...

TỜ TRÌNH

XIN Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ

của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....lộ thiên.....

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số... phê duyệt Quy hoạch.... (hoặc văn bản cho phép đầu tư của...; văn bản thoả thuận về quy hoạch xây dựng của.....nếu dự án nhóm A chưa có trong Quy hoạch);

Căn cứ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của...hoặc văn bản thoả thuận về môi trường của...;

Các văn bản pháp lý khác có liên quan (về tài liệu địa chất, thoả thuận địa điểm, giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, v.v.....);

(Tên Chủ đầu tư) trình xin tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....lộ thiên.....với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án
2. Chủ đầu tư
3. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Dự án
4. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Thiết kế cơ sở
5. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường
6. Mục tiêu đầu tư
7. Công suất thiết kế
 - Tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến:tấn/năm.
 - Tính theo sản phẩm đã chế biến:tấn/năm.
8. Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản

- Hệ thống khai thác, các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác và đồng bộ thiết bị khai thác chủ yếu.

- Dây chuyền công nghệ chế biến khoáng sản và các thông số chủ yếu

9. Địa điểm xây dựng

10. Tổng diện tích sử dụng đất:.....Ha.

Trong đó:

- Diện tích khai trường:.....Ha.

- Diện tích bãi thải:.....Ha.

- Diện tích mặt bằng sản công nghiệp:.....Ha.

- Diện tích cho các công trình khác:.....Ha.

11. Các hạng mục xây dựng chính phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ

12. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ

13. Tổng vốn đầu tư của dự án

14. Thời gian thực hiện dự án

Các nội dung khác (nếu có)

Kính đề nghị cơ quantham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

CHỨC DANH CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Họ và Tên

Mẫu số 2

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập Tự do Hạnh phúc

Số: /TTr-.....

....., ngày..... tháng năm 201...

TỜ TRÌNH

XIN Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ

của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....hầm lò.....

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số... phê duyệt Quy hoạch.... (hoặc văn bản cho phép đầu tư của...; văn bản thoả thuận về quy hoạch xây dựng của.....nếu dự án nhóm A chưa có trong Quy hoạch);

Căn cứ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của...(hoặc văn bản thoả thuận về môi trường của...);

Các văn bản pháp lý khác có liên quan (về tài liệu địa chất, thoả thuận địa điểm, giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, v.v.....);

(Tên Chủ đầu tư) trình xin tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....hầm lò.....với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án
2. Chủ đầu tư
3. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Dự án
4. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Thiết kế cơ sở
5. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường
6. Mục tiêu đầu tư
7. Công suất thiết kế
 - Tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến:tấn/năm.
 - Tính theo sản phẩm đã chế biến:tấn/năm.
8. Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản

- Hệ thống khai thác, các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác và đồng bộ thiết bị khai thác chính.

- Dây chuyền công nghệ chế biến khoáng sản và các thông số chủ yếu

9. Địa điểm xây dựng

10. Tổng diện tích sử dụng đất:.....Ha.

Trong đó:

- Diện tích mặt bằng các cửa lò:.....Ha.

- Diện tích khai trường khu vực lộ via cần bảo vệ:.....Ha.

- Diện tích mặt bằng sân công nghiệp:.....Ha.

- Diện tích cho các công trình khác:.....Ha.

11. Các hạng mục xây dựng chính phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ

12. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ

13. Tổng vốn đầu tư của dự án

14. Thời gian thực hiện dự án

Các nội dung khác (nếu có)

Kính đề nghị cơ quantham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Các cơ quan liên quan;

- Lưu:

CHỨC DANH CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Họ và Tên

X - Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước

85. Cấp giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán buôn sản phẩm rượu gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b. Cách thức thực hiện

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu theo Mẫu tại Phụ lục 29 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT.
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.
- Bản cam kết do doanh nghiệp tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.
- Bản thuyết minh hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống bán buôn
- Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (nếu đã kinh doanh) của các doanh nghiệp đã hoặc sẽ thuộc hệ thống bán buôn sản phẩm rượu (tối thiểu phải có từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên).
- Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ địa bàn, loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).
- Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm
- Hồ sơ về phương tiện vận chuyển bao gồm: bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận chuyển (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm); tối thiểu phải có quyền sử dụng 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên; đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển.
- Hồ sơ về năng lực tài chính: có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống bán buôn của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của

ngân hàng có số dư tài khoản tối thiểu 300 triệu đồng).

- Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

d. Số lượng hồ sơ:

Thương nhân bán buôn sản phẩm rượu đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi Sở Công Thương, thương nhân lưu 01 bộ;

e. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu cho thương nhân theo hướng dẫn của Bộ Công Thương. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện.

g. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Thương nhân bán buôn sản phẩm rượu

h. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Sở Công Thương

i. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

j. Lệ phí

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.

- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

Thương nhân nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 29 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có);

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Có hệ thống bán buôn sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên);

- Trực thuộc hệ thống kinh doanh của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m² trở lên hoặc khối tích phải từ 150 m³ trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên); đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển;

- Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 300 triệu Việt Nam đồng trở lên);

- Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP.

m. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- *Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.*

MẪU

(Phụ lục 29 theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN BUÔN SẢN PHẨM RƯỢU

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....
Địa chỉ trụ sở chính:;
Điện thoại:..... Fax:.....;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:;

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:;

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu, cụ thể:

1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:

.....⁽³⁾

Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:

.....⁽³⁾

b) Được phép tổ chức hệ thống bán buôn sản phẩm rượu tại thành phố Hà Nội.

2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

.....⁽⁴⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Chú thích:

⁽²⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối rượu.

⁽⁴⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

86. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán buôn sản phẩm rượu gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần hồ sơ:

- a) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung;
- b) Bản sao Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu đã được cấp;
- c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* **Số lượng hồ sơ:** Thương nhân bán buôn sản phẩm rượu đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi Sở Công Thương, thương nhân lưu 01 bộ;

d - Thời gian giải quyết:

- a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp bổ sung, sửa đổi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- b) Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các doanh nghiệp đã được cấp giấy phép đang hoạt động kinh doanh sản phẩm rượu.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.
- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 33 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Là thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

l - Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định

chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- *Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.*

MẪU

(Phụ lục 33 theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp :

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do Sở Công Thương Hà Nội cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do Sở Công Thương Hà Nội cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây*):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán buôn sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾ của

.....⁽⁴⁾ sản phẩm rượu có tên sau:

.....⁽⁵⁾

Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố
.....⁽⁶⁾

Handwritten signature

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾.... của
.....⁽⁴⁾.... sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽⁵⁾

Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm rượu tại thành phố Hà Nội.

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

b) Đề nghị bổ sung:

.....⁽⁷⁾

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, *Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.*

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽³⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;

⁽⁴⁾: Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu

⁽⁵⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

⁽⁷⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

87. Cấp lại giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán buôn sản phẩm rượu gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.

Hồ sơ trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

(2) Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu;
- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu đã được cấp (nếu có).
- Thời hạn của giấy phép sẽ giữ nguyên như giấy phép cũ (đối với trường hợp cấp lại do hỏng, mất).

*** Số lượng hồ sơ:** Thương nhân bán buôn sản phẩm rượu đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi Sở Công Thương, thương nhân lưu 01 bộ;

d - Thời gian giải quyết:

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán buôn sản phẩm rượu

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.
- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 34 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Là thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

l - Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực

MẪU

(Phụ lục 34 theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do Sở Công Thương Hà Nội cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do Sở Công Thương Hà Nội cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu, với lý do⁽³⁾

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽³⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

88. Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân

- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá; theo Mẫu Phụ lục 21;

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

3. Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá, trong đó ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

4. Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

- Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;

- Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

- Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá

5. Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm trước đó, kèm theo bảng kê chi tiết danh sách và bản sao hợp lệ các hợp đồng mua bán với mỗi Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá hoặc doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá khác, các khoản thuế đã nộp;

- Hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống phân phối.

6. Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;

7. Hồ sơ về phương tiện vận tải, bao gồm: Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận tải (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm);

8. Hồ sơ về năng lực tài chính: Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng);

88. Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá; theo Mẫu Phụ lục 21;
2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
3. Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá, trong đó ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.
4. Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:
 - Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;
 - Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);
 - Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá
5. Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm trước đó, kèm theo bảng kê chi tiết danh sách và bản sao hợp lệ các hợp đồng mua bán với mỗi Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá hoặc doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá khác, các khoản thuế đã nộp;
 - Hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống phân phối.
6. Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;
7. Hồ sơ về phương tiện vận tải, bao gồm: Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận tải (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm);
8. Hồ sơ về năng lực tài chính: Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng);

9. Hồ sơ về kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng), bao gồm:

- Tài liệu chứng minh quyền sử dụng kho (là sở hữu, đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

- Bản tự cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật đối với kho hàng theo mẫu Phụ lục 25.

* Số lượng hồ sơ: Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi Sở Công Thương, thương nhân lưu 01 bộ;

d - Thời gian giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.

- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 21 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

b) Bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường (theo mẫu tại Phụ lục 25 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá;

b) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

c) Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);

d) Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá;

đ) Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m² trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian lưu kho;

e) Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên); đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian vận chuyển;

g) Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống bán buôn của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 01 tỷ Việt Nam đồng trở lên);

h) Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

i) Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1 - Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

MẪU

(Phụ lục 21 theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, cụ thể:

6. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

- Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn thành phố Hà Nội

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(3)

....(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Handwritten mark

MẪU

(Phụ lục 25 theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

**BẢN CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC
YÊU CẦU ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....
6. Kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:..........(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam kết bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường đối với kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng) nêu trên./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

89. Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.

Hồ sơ trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

(2) Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

a) Văn bản đề nghị cấp lại;

b) Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

* **Số lượng hồ sơ:** Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá gửi Sở Công Thương.

d - Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.
- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 54 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;

l - Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

MẪU

(Phụ lục 54 theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....
6. Đã được Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được Sở Công Thương Hà Nội cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
8. ...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do(1).....
.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ lý do xin cấp lại.



90. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần hồ sơ:

- a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;
- b) Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp;
- c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* **Số lượng hồ sơ:** Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá gửi Sở Công Thương.

d - Thời gian giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:Sở Công Thương

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.
- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 48 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;

l - Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

MẪU

(Phụ lục 48 theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....
6. Đã được Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có).....(1)....
...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)
Thông tin cũ:..... Thông tin mới:.....
9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:
.....(2)

Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn thành phố Hà Nội

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:..... Thông tin mới:.....(3)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

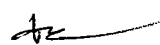
Chú thích:

(1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.



MẪU

(Phụ lục 25 theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...tháng ...năm...

**BẢN CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC
YÊU CẦU ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

1. Tên thương nhân :
 2. Địa chỉ trụ sở chính:;
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.. năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 6. Kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
-(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam kết bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường đối với kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng) nêu trên./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

91. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu
(Đối với trường hợp thương nhân đủ điều kiện và có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 8 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đối với trường hợp cấp mới bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;

- Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu chứng minh;

- Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu chứng minh;

- Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân có đủ các điều kiện theo quy định.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

g. Phí, Lệ phí: Theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

+ Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổng đại lý kinh doanh xăng dầu phải có đủ các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

- Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

- Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Bộ Công Thương⁽¹⁾/ Sở Công Thương tỉnh thành phố ...⁽²⁾

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do... cấp ngày.... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:

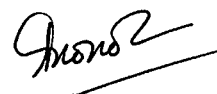
Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.



3. Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.

4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.

5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).

2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại).

*** Chú thích:**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

92. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Đối với trường hợp thương nhân đủ điều kiện và có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 01 tỉnh theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu có Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu bị mất, bị tiêu hủy dưới hình thức khác).

a. Trình tự và cách thức thực hiện:

- + Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;
- + Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 8 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đối với trường hợp cấp lại bao gồm:

- + Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;
- + Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (nếu có).
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân có đủ các điều kiện theo quy định.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

h. Phí, Lệ phí: Theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm

định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

+ Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổng đại lý kinh doanh xăng dầu phải có đủ các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

- Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

- Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Mẫu số 7

(Mẫu số 07 kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương tỉnh thành phố ...⁽²⁾

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.

2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng



minh.

3. Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.

4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.

5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).

2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại).

*** Chú thích:**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI
GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH
XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:.....số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do

.....cấp ngày.....

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)



93. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Đối với trường hợp thương nhân đủ điều kiện và có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

a. Trình tự và cách thức thực hiện:

- Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương;
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;
- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 8 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đối với trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi bao gồm

- Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;
- Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân có đủ các điều kiện theo quy định.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

h. Phí, Lệ phí: Theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực

thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

+ Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổng đại lý kinh doanh xăng dầu phải có đủ các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

- Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

- Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.



TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN
 ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Bộ Công Thương⁽¹⁾/ Sở Công Thương tỉnh thành phố ...⁽²⁾

Tên doanh nghiệp:
 Tên giao dịch đối ngoại:.....
 Địa chỉ trụ sở chính:.....
 Số điện thoại:..... số Fax:.....
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm.....
 Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng

Trần Văn

minh.

4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.

5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).

2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại).

*** Chú thích:**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

94. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Đối với trường hợp thương nhân đủ điều kiện theo quy định Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

a. Trình tự thực hiện:

- + Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền.
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- + Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- + Qua Bưu điện.
- + Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đối với trường hợp cấp mới gồm:

- + Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- + Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;
- + Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu chứng minh;
- + Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân có đầy đủ các điều kiện theo quy định.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

h. Phí, Lệ phí: Theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

+ Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đại lý bán lẻ xăng dầu phải có đủ các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

+ Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

+ Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

+ Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI
GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.



2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo tài liệu chứng minh.

3. Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.

4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.

5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).

2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại).

*** Chú thích:**

- Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

95. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Giấy xác nhận làm đại lý bán lẻ xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới nhiều hình thức khác)

(Đối với trường hợp thương nhân đủ điều kiện theo quy định Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 02/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

a. Trình tự thực hiện:

- + Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền.
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- + Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- + Qua bưu điện.
- + Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 đường Cầu Giấy – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

c. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đối với trường hợp cấp lại bao gồm:

- + Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;
- + Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (nếu có).

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân có đủ điều kiện theo quy định.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

h. Phí - Lệ phí: Theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực

thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

+ Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định (đối với những trường hợp phải thẩm định lại).

+ Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đại lý bán lẻ xăng dầu phải có đủ các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

+ Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

+ Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

+ Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Mẫu số 9

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI
GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.



2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.

3. Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.

4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.

5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).

2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại).

*** Chú thích:**

- Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

96. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Đối với trường hợp thương nhân đủ điều kiện quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu)

a. Trình tự thực hiện:

- + Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền.
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- + Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- + Qua Bưu điện.
- + Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

c. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đối với trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi gồm:

- + Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;
- + Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được cấp;
- + Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.
- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân có đầy đủ các điều kiện theo quy định.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

h. Phí - Lệ phí: Theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- + Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định (đối với những

trường hợp phải thẩm định lại).

+ Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đại lý bán lẻ xăng dầu phải có đủ các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

+ Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

+ Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI
GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fa.x:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:



1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.
3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại).

*** Chú thích:**

- Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

97. Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

a. Trình tự thực hiện:

- + Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- + Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- + Qua Bưu điện.
- + Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

c. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đối với trường hợp cấp mới bao gồm:

- + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân chủ sở hữu cửa hàng bán lẻ xăng dầu;
- + Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu;
- + Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cửa hàng xăng dầu có đủ các điều kiện theo quy định.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

h. Phí - Lệ phí: Theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy

chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

+ Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- + Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- + Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).
- + Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- + Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- + Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CỦA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố ...

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày tháng năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:

Địa chỉ

Điện thoại:..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
3. Tài liệu về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu của thương nhân cấp hàng.

Handwritten signature

BẢN KÊ

CÁC TRANG THIẾT BỊ CỦA CỬA HÀNG, TRẠM BÁN LẺ XĂNG DẦU

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ (đặc điểm, chủng loại, dung tích...)
1	Cột bơm		
2	Bể chứa xăng dầu		
3	Họng nạp kín		
4	Van thở		
5	Thiết bị ngăn lửa (van một chiều lắp tại họng nhập ngăn lửa từ bên ngoài vào trong bể)		
6	Thiết bị trượt tích điện khi nhập hàng		
7	Hệ thống thu hồi hơi xăng		
8	Bộ tiêu lệnh, nội quy PCCC và các biển cấm		
9	Phương tiện PCCC - Bình cứu hỏa > 25 Kg - Bình cứu hỏa > 4Kg - Bể (phuy cát) - Xẻng - Bể (phuy nước) - Chăn sợi(amiăng)		
10	Hệ thống điện: - Đường dây điện - Cầu giao tổng - Bóng đèn: + Tại cột bơm + Tại khu vực bể chứa... + Tại cửa hàng bán dầu mỡ nhờn		

Hà Nội, ngày tháng năm
 Giám đốc (hoặc chủ doanh nghiệp)
 (Ký tên , đóng dấu)

Handwritten signature

98. Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (Đối với những trường hợp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác)

a. Trình tự thực hiện:

- + Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- + Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- + Qua Bưu điện.
- + Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy – Quận Cầu Giấy – Hà Nội.

c. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đối với trường hợp cấp lại bao gồm:

- + Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;
- + Bản gốc hoặc bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cửa hàng xăng dầu có đủ các điều kiện theo quy định.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

h. Phí - Lệ phí: Theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- + Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định (đối với những



trường hợp phải thẩm định lại).

+ Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- + Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- + Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).
- + Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

+ Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CỦA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố ...

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày tháng năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:

Địa chỉ

Điện thoại:..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
3. Tài liệu về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu của thương nhân cấp hàng.



99. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (Trong trường hợp thay đổi các nội dung của Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp)

a. Trình tự thực hiện:

- + Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.
- + Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- + Qua Bưu điện.
- + Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

c. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đối với trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi bao gồm:

- + Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;
- + Bản gốc Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp;
- + Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cửa hàng xăng dầu có đủ các điều kiện theo quy định.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

h. Phí - Lệ phí: Theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- + Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định (đối với những trường hợp phải thẩm định lại).

+ Lệ phí cấp giấy phép 200.000đ/Giấy phép/lần

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- + Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- + Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).
- + Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- + Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- + Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CỦA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố ...

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày tháng năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:

Địa chỉ

Điện thoại: số Fax:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
3. Tài liệu về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu của thương nhân cấp hàng.

XI - Lĩnh vực Giám định thương mại

100. Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.

- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận.

b - Cách thức thực hiện:

Thương nhân lựa chọn một trong các hình thức thực hiện sau:

- Nộp Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương - số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính- Sở Công Thương - số 331 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Nộp hồ sơ trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3) tại địa chỉ <http://congthuonghn.gov.vn> (Trang thông tin điện tử sở Công Thương Hà Nội).

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện:

- 01 (một) bản chính Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ (theo mẫu).

- 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp sau:

+ Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

+ Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

- Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký (đóng mẫu dấu trên giấy A4).

* **Số lượng:** 01 (một) bộ.

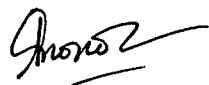
Lưu ý: Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các thông tin trong hồ sơ do mình cung cấp.

c.2. Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <http://congthuonghn.gov.vn>

Thương nhân lựa chọn thủ tục hành chính công trực tuyến cần thực hiện -> đăng ký mới tài khoản trên hệ thống hoặc sử dụng tài khoản đã có để đăng nhập -> thực hiện theo hướng dẫn và gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ tại mục c.1 nêu trên.

d - Thời gian giải quyết:

- Trong thời hạn 06 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và có văn bản thông báo tiếp nhận đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại cho thương nhân theo hướng dẫn của Sở Công



Thương. Trường hợp từ chối chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ, trong vòng 02 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại trên địa bàn thành phố Hà Nội.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính (TTHC): Sở Công Thương Hà Nội

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo tiếp nhận đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại.

h - Phí - Lệ phí:

Lệ phí tiếp nhận đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại là 20.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ngàn đồng chẵn).

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại.

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2014;

- Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

- Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký dấu nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

Mẫu Đơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên Thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên Thương nhân viết bằng tiếng nước ngoài: (nếu có)

Tên Thương nhân viết tắt: (nếu có)

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ giấy chứng nhận đầu tư số:

Cơ quan cấp: Ngày cấp:/...../.....

Vốn điều lệ:

Nội dung đăng ký:

☐

Cấp mới

☐

Thay đổi(*)

☐

Bổ sung

Lĩnh vực thực hiện dịch vụ giám định: (Ví dụ nông sản, lâm sản, thủy sản, khoáng sản, kim loại, hóa chất...)

.....

Thương nhân cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn này và hồ sơ kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của Thương nhân

(Ký tên, đóng dấu)

(*) Trong trường hợp đã đăng ký dấu nghiệp vụ nhưng thay đổi tên thương nhân; biểu tượng công ty hoặc nội dung khác, thương nhân gửi kèm theo thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định đã được cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ thông báo hoặc dấu nghiệp vụ giám định cũ đã đăng ký.



101. Đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ giám định thương mại

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ giám định thương mại gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.

- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận.

b - Cách thức thực hiện:

Thương nhân lựa chọn một trong các hình thức thực hiện sau:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Bộ phận TNHS HC - Sở Công Thương - số 331 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính - Sở Công Thương - số 331 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Nộp hồ sơ trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3) tại địa chỉ <http://congthuonghn.gov.vn> (Trang thông tin điện tử sở Công Thương Hà Nội).

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện:

- 01 (một) bản chính Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ (theo mẫu).

- 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp sau:

+ Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

+ Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

- Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký thay đổi, bổ sung (đóng mẫu dấu trên giấy A4).

* Số lượng: 01 (một) bộ.

Lưu ý: Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các thông tin trong hồ sơ do mình cung cấp.

c.2. Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <http://congthuonghn.gov.vn>

Thương nhân lựa chọn thủ tục hành chính công trực tuyến cần thực hiện -> đăng ký mới tài khoản trên hệ thống hoặc sử dụng tài khoản đã có để đăng nhập -> thực hiện theo hướng dẫn và gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ tại mục c.1 nêu trên.

d - Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 06 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và có văn bản thông báo tiếp nhận đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ giám định thương mại cho thương nhân theo hướng dẫn của Sở Công Thương. Trường hợp từ chối chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ, trong vòng 02 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại trên địa bàn thành phố Hà Nội.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo tiếp nhận đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ giám định thương mại.

h - Phí - Lệ phí:

- Lệ phí tiếp nhận đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ giám định thương mại là 20.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi ngàn đồng chẵn*).

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại.

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2014;

- Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

- Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký dấu nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

Lưu ý khi đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ:

* Trường hợp thương nhân chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc đã đăng ký dấu nghiệp vụ tại nơi chuyển đi để cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ nơi chuyển đến biết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chuyển đến và không phải làm thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ.

Mẫu Đơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên Thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên Thương nhân viết bằng tiếng nước ngoài: (nếu có)

Tên Thương nhân viết tắt: (nếu có)

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ giấy chứng nhận đầu tư số:

Cơ quan cấp: Ngày cấp:/...../.....

Vốn điều lệ:

Nội dung đăng ký:

☐

Cấp mới

☐

Thay đổi(*)

☐

Bổ sung

Lĩnh vực thực hiện dịch vụ giám định: (Ví dụ nông sản, lâm sản, thủy sản, khoáng sản, kim loại, hóa chất...)

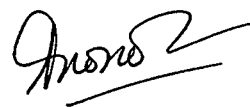
.....

Thương nhân cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn này và hồ sơ kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của Thương nhân

(Ký tên, đóng dấu)

(*) Trong trường hợp đã đăng ký dấu nghiệp vụ nhưng thay đổi tên thương nhân; biểu tượng công ty hoặc nội dung khác, thương nhân gửi kèm theo thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định đã được cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ thông báo hoặc dấu nghiệp vụ giám định cũ đã đăng ký.



XII. Lĩnh vực xúc tiến thương mại

102. Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại gửi hồ sơ đăng ký tổ chức Hội chợ/ Triển lãm thương mại tại Thành phố Hà Nội.

- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân, tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Sở Công Thương xem xét xác nhận cho phép Thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại tổ chức hội chợ/triển lãm thương mại tại Thành phố Hà Nội. Trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Nộp thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.

- Nộp trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 Sở Công Thương Hà Nội).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đăng ký tổ chức Hội chợ/ Triển lãm thương mại theo mẫu quy định;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc tương đương) có chức năng kinh doanh hội chợ, triển lãm thương mại;

+ Bảng chứng chứng minh chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ tham gia hội chợ, triển lãm thương mại hoặc uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại phù hợp với tên, chủ đề của hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp thương nhân, tổ chức nộp hồ sơ trước ngày 01 tháng 10 của năm trước năm tổ chức: trước ngày 01 tháng 11 của năm trước năm tổ chức, sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- Trường hợp thương nhân, tổ chức nộp hồ sơ sau ngày 01 tháng 10 của năm trước năm tổ chức: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn xác nhận.

g. Lệ phí: Không.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu HCTL-1: Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;

- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương Mại và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

Mẫu HCTL-1

Tên thương nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 200...

**ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC
HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

- Tên thương nhân:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:.....Email:
- Mã số thuế:
- Số tài khoản: tại Ngân hàng:
- Người liên hệ:.....Điện thoại:

Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại tỉnh/thành phố (tại nước ngoài) như sau:

1. Hội chợ/triển lãm thương mại thứ 1:

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt) :
- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):
- Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức (tên đầy đủ/viết tắt):
- Thời gian:.....
- Địa điểm:
- Chủ đề (nếu có):
- Tính chất: chuyên ngành/ tổng hợp:
- Ngành hàng dự kiến tham gia:
- Số lượng gian hàng hoặc số lượng gian hàng quy đổi (số doanh nghiệp) dự kiến tổ chức:
- Cơ quan, đơn vị phối hợp trong và ngoài nước:

2. Hội chợ/triển lãm thương mại thứ ...

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt) :
- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):
- Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức (tên đầy đủ/viết tắt):
- Thời gian:.....
- Địa điểm:
- Chủ đề (nếu có):

- Tính chất: chuyên ngành/ tổng hợp:
- Ngành hàng dự kiến tham gia:
- Số lượng gian hàng hoặc số lượng gian hàng quy đổi (số doanh nghiệp) dự kiến tổ chức:
- Cơ quan, đơn vị phối hợp trong và ngoài nước:

(*Tên thương nhân*) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các qui định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (*tên thương nhân*) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên & đóng dấu)

103. Xác nhận thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại gửi hồ sơ thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ/ Triển lãm thương mại tại Thành phố Hà Nội.

- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân, tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Sở Công Thương xem xét xác nhận cho phép Thương nhân, tổ chức thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ/ Triển lãm thương mại tại Thành phố Hà Nội. Trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương, 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Nộp thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.

- Nộp trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 Sở Công Thương Hà Nội).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ gồm: Đơn thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ/ Triển lãm thương mại theo mẫu quy định;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn xác nhận.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu HCTL-5: Thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;

- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương Mại và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

Mẫu HCTL-5

Tên thương nhân

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200...

THAY ĐỔI, BỔ SUNG

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Kính gửi:

- Tên thương nhân:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax: Email:
- Người liên hệ: Điện thoại:

Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại;

Căn cứ vào công văn số ngày ... tháng ... năm ... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Thương mại) xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại năm tại, (*tên thương nhân*) đề nghị thay đổi, bổ sung một số nội dung đã đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại như sau:

- ☐ Tên (chủ đề) hội chợ, triển lãm thương mại:
- ☐ Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức:
- ☐ Thời gian tổ chức:
- ☐ Địa điểm tổ chức:
- ☐ Số lượng gian hàng (doanh nghiệp) của Việt Nam dự kiến tham gia:
- ☐ Ngành hàng tham dự:

(*Tên thương nhân*) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc tổ chức hội chợ/ triển lãm thương mại trên theo các qui định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (*tên thương nhân*) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên & đóng dấu)

104. Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi hồ sơ đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại.
- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.
- Sở Công Thương xem xét xác nhận cho phép Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại. Trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Nộp thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.
- Nộp trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 Sở Công Thương Hà Nội).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ gồm:
 - + Đơn đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại theo mẫu quy định;
 - + Thẻ lệ chương trình khuyến mại theo mẫu quy định;
 - + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Thương nhân;
 - + Hình ảnh sản phẩm khuyến mại;
 - + Hình ảnh sản phẩm dùng để khuyến mại;
 - + Mẫu bảng chứng xác định trúng thưởng;
 - + Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa khuyến mại (theo quy định của pháp luật nếu có);
 - + Bản sao tờ khai hàng hóa nhập khẩu (đối với sản phẩm khuyến mại nhập khẩu);
 - + Danh sách các địa điểm sẽ tiến hành hoạt động khuyến mại và các điểm đổi thưởng;
 - + Giấy ủy quyền làm thủ tục khuyến mại (nếu có);
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn xác nhận.

g. Lệ phí: Không.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu KM-2: Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại.

- Mẫu KM-3: Thẻ lệ chương trình khuyến mại.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;

- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương Mại và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

Mẫu KM-2

Tên thương nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 200...

ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax: Email:

Mã số thuế:

Số tài khoản: tại Ngân hàng:

Người liên hệ:..... Điện thoại:..... Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/04/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại, (*tên thương nhân*) đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại như sau:

1. Tên chương trình khuyến mại:
2. Thời gian khuyến mại:
3. Hàng hoá, dịch vụ khuyến mại:
4. Hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại:
5. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:
6. Hình thức khuyến mại:
7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại):
8. Tổng giá trị giải thưởng:

Thẻ lệ chương trình khuyến mại đính kèm.

(*Tên thương nhân*) gửi kèm Báo cáo kết quả thực hiện khuyến mại của (*tên chương trình khuyến mại liên kế trước đó nếu có*)

(*Tên thương nhân*) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chương trình khuyến mại trên theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đại diện theo pháp luật của thương nhân

(*Ký tên & đóng dấu*)

Mẫu KM-3

THẺ LỆ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI
(Kèm theo công văn số ngày...../... /200...của)

1. Tên chương trình khuyến mại:
2. Hàng hoá, dịch vụ khuyến mại:
3. Thời gian khuyến mại:
4. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:
5. Hình thức khuyến mại:
6. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại):
7. Cơ cấu giải thưởng:

Cơ cấu giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Trị giá giải thưởng (VNĐ)	Số giải	Thành tiền (VNĐ)
Giải nhất				
Giải nhì				
Giải khuyến khích				
Tổng cộng:				

Chú ý:

- Đề nghị miêu tả chi tiết nội dung và ký mã hiệu từng giải thưởng;
- Quy định rõ giải thưởng có được quy đổi thành tiền mặt hay không;
- Tổng giá trị giải thưởng so với tổng giá trị hàng hoá khuyến mại;

8. Nội dung chi tiết thể lệ chương trình khuyến mại:

- Cách thức tiến hành chương trình khuyến mại và tham gia để trúng thưởng; quyền lợi của khách hàng khi tham gia chương trình khuyến mại.
- Tổng số bằng chứng xác định trúng thưởng (phiếu cào, phiếu rút thăm, nắp chai, khoen lon...) sẽ phát hành.
- Quy định về cách thức xác định trúng thưởng:
- Cách thức đưa bằng chứng xác định trúng thưởng vào sản phẩm khuyến mại:
- Quy định về tính hợp lệ của bằng chứng xác định trúng thưởng:
- Thời gian, địa điểm và cách thức xác định trúng thưởng:
- Thời hạn tiếp nhận thông báo trúng thưởng từ khách hàng trúng thưởng:
- Địa điểm, cách thức và thủ tục trao thưởng:

- Thời hạn kết thúc trao thưởng:
- Quy định về đầu mối giải đáp thắc mắc cho khách hàng về các vấn đề liên quan đến chương trình khuyến mại (người liên hệ, điện thoại...).

9. Trách nhiệm thông báo:

- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc thông báo công khai chi tiết nội dung của thể lệ chương trình khuyến mại (trên phương tiện thông tin đại chúng; tại địa điểm bán sản phẩm khuyến mại; trên hoặc đính kèm sản phẩm khuyến mại).
- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc thông báo kết quả trúng thưởng trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng và thông báo trực tiếp cho người trúng thưởng.

10. Các qui định khác

- Quy định cụ thể các đối tượng được tham gia hoặc không được tham gia chương trình khuyến mại (áp dụng hoặc không áp dụng cho nhân viên của doanh nghiệp, các đại lý, nhà phân phối, nhà quảng cáo, in ấn phục vụ chương trình khuyến mại, vị thành niên, trẻ em...)
- Trách nhiệm của người tham gia chương trình đối với chi phí phát sinh khi nhận thưởng, kể cả thuế thu nhập không thường xuyên.
- Ý định sử dụng thông tin và hình ảnh của người trúng thưởng vào các hoạt động quảng cáo.
- Qui định về trách nhiệm của thương nhân trong khâu in ấn và đưa bằng chứng xác định trúng thưởng vào sản phẩm khuyến mại.
- Qui định về trách nhiệm của thương nhân trong việc lưu trữ bằng chứng trúng thưởng của thương nhân phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát.
- Trách nhiệm của thương nhân trong trường hợp có khiếu nại, tranh chấp....

Đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên & đóng dấu)

105. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi hồ sơ đăng ký sửa đổi/ bổ sung nội dung chương trình khuyến mại.

- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Sở Công Thương xem xét xác nhận cho phép Thương nhân sửa đổi/ bổ sung nội dung chương trình khuyến mại. Trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Nộp thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.

- Nộp trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 Sở Công Thương Hà Nội).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đăng ký sửa đổi/ bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo mẫu quy định;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn xác nhận.

g. Lệ phí: Không.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu KM-8: Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;

- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương Mại và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

Mẫu KM-8

Tên thương nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cv số:

....., ngày tháng năm 200...

**ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI**

Kính gửi:

- Tên thương nhân:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại: Fax:..... Email:.....
- Người liên hệ: Điện thoại:

Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại;

Căn cứ vào công văn số..... ngày... tháng... năm... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Thương mại) xác nhận việc thực hiện chương trình khuyến mại (*tên chương trình khuyến mại, thời gian, địa bàn khuyến mại*);

(*Tên thương nhân*) đăng ký điều chỉnh một số nội dung của chương trình khuyến mại trên như sau:

- ☐ Thời gian khuyến mại:.....
- ☐ Địa bàn (phạm vi) thực hiện khuyến mại:
- ☐ Cơ cấu giải thưởng:.....
- ☐ Các nội dung điều chỉnh khác:.....

Lý do điều chỉnh:

Mọi nội dung khác của chương trình khuyến mại này giữ nguyên.

(*Tên thương nhân*) cam kết:

- Thông báo công khai việc điều chỉnh thể lệ chương trình khuyến mại này tại nơi bán hàng và trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng để khách hàng được biết.
- Thông báo việc điều chỉnh thể lệ chương trình khuyến mại đến các Sở Thương mại thuộc các tỉnh, thành phố nơi thực hiện khuyến mại (*trường hợp Bộ Thương mại xác nhận việc điều chỉnh thể lệ chương trình khuyến mại*).
- Đảm bảo đầy đủ quyền lợi của khách hàng đã tham gia chương trình khuyến mại.
- Thực hiện chương trình khuyến mại đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.
- (*Các cam kết khác*)

Đại diện theo pháp luật của thương nhân

(*Ký tên & đóng dấu*)

106. Thông báo thực hiện khuyến mại

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân gửi hồ sơ thông báo thực hiện chương trình khuyến mại chậm nhất 07 ngày làm việc trước khi thực hiện khuyến mại.

- Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ thông báo thực hiện chương trình khuyến mại của thương nhân.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Nộp thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.

- Nộp trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 Sở Công Thương Hà Nội).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ gồm: Thông báo thực hiện chương trình khuyến mại theo mẫu quy định;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở Công Thương Hà Nội

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không.

g. Lệ phí: Không.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu KM-1: Thông báo thực hiện chương trình khuyến mại.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;

- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương Mại và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

Mẫu KM-1

Tên thương nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 200...

THÔNG BÁO THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax: Email:

Mã số thuế:

Số Tài khoản: tại Ngân hàng:

Người liên hệ:..... Điện thoại:

Căn cứ Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại, (*tên thương nhân*) thông báo chương trình khuyến mại như sau:

1. Tên chương trình khuyến mại:
2. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:
3. Hình thức khuyến mại:
4. Thời gian khuyến mại:
5. Hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại:
6. Hàng hoá, dịch vụ khuyến mại:
7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại):
8. Cơ cấu giải thưởng:
9. Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại:
10. Nội dung chi tiết của chương trình khuyến mại:

(*Tên thương nhân*) thông báo đến Quý Sở và cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chương trình khuyến mại trên theo các qui định của pháp luật hiện hành.

(*Bản sao văn bản của Cục Xúc tiến thương mại xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại gửi kèm - nếu có*).

Đại diện theo pháp luật của thương nhân

(*Ký tên & đóng dấu*)

XIII. Lĩnh vực quản lý cạnh tranh

107. Đăng ký hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương

a. Trình tự thực hiện:

Sở Công Thương chịu trách nhiệm tiếp nhận đăng ký trong trường hợp hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung áp dụng trên phạm vi địa bàn Hà Nội.

Hồ sơ đăng ký có thể gửi trực tiếp, gửi bằng bưu điện hoặc gửi bằng phương tiện điện tử.

Trường hợp hồ sơ đăng ký được gửi trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải lập biên bản tiếp nhận, ngày tiếp nhận hồ sơ là ngày ghi trong biên bản tiếp nhận đó. Trong trường hợp hồ sơ đăng ký gửi bằng đường bưu điện, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo dấu của bưu điện. Trường hợp hồ sơ gửi bằng phương tiện điện tử, thời điểm tiếp nhận hồ sơ được tính từ thời điểm xác nhận bằng thông điệp điện tử của Sở Công Thương Hà Nội được gửi đi.

Trường hợp hồ sơ đăng ký không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, Sở Công Thương Hà Nội có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh bổ sung hồ sơ, tài liệu.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bổ sung hồ sơ, tài liệu trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở Công Thương Hà Nội.

Chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương Hà Nội có trách nhiệm ra thông báo về kết quả xử lý hồ sơ.

Sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung được công bố công khai và lưu trữ trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương Hà Nội.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.

- Nộp bằng phương tiện điện tử.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương tiện điện tử:

- 01 bản scan màu Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;

- 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word;

* Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương thức khác:

- 01 bản cứng Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung có đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ

văn bản;

- 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word.

d. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ;

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13 tháng 01 năm 2012 ban hành Danh mục hàng hóa thiết yếu về đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và Quyết định 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13 tháng 01 năm 2012 ban hành Danh mục hàng hóa thiết yếu về đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương Hà Nội có trách nhiệm ra thông báo về việc chấp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và gửi cho tổ chức, cá nhân kinh doanh. Trong trường hợp không chấp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thì Sở Công Thương Hà Nội phải gửi văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân kinh doanh trong đó nói rõ lý do không chấp nhận.

g. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (Ban hành kèm theo Thông tư 10/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 30 tháng 5 năm 2013 về việc ban hành mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung)

h. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 19 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số: 59/2010/QH12, Mục 1 chương III Nghị định 99/2011/NĐ-CP, Quyết định 02/2012/QĐ-TTg; Quyết định 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13 tháng 01 năm 2012 ban hành Danh mục hàng hóa thiết yếu về đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG THEO MẪU, ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH
CHUNG (1)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Bộ
trưởng Bộ Công Thương)*

Kính gửi (2):

Tổ chức, cá nhân kinh doanh (3):

I. Nội dung đề nghị đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung(1):

1. Đăng ký lần đầu/đăng ký lại:
2. Áp dụng cho loại hàng hóa/dịch vụ:
3. Đối tượng áp dụng (4):
4. Phạm vi áp dụng (5):
5. Thời gian áp dụng (6):

II. Tổ chức, cá nhân kinh doanh cam kết và hiểu rằng:

1. Đảm bảo hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tuân thủ các quy định pháp luật là nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh;

2. Bất cứ khi nào phát hiện thấy nội dung của hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cơ quan chấp nhận đăng ký có quyền và trách nhiệm yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh phải sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm đó.

3. Đã tìm hiểu kỹ quy định pháp luật và cam kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung nộp kèm theo Đơn đăng ký này không có các điều khoản vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các nguyên tắc chung về giao kết hợp đồng.

4. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung đơn đăng ký và tài liệu kèm theo.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh (7)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo (8):

Hướng dẫn ghi đơn đăng ký:

- (01) Đề nghị đăng ký hợp đồng theo mẫu hay điều kiện giao dịch chung.
- (02) - Cục Quản lý cạnh tranh: trong trường hợp hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung áp dụng trên phạm vi cả nước hoặc áp dụng trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;
- Sở Công Thương: trong trường hợp hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung áp dụng trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (03) Ghi rõ những thông tin sau đây:
Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy Chứng nhận đầu tư
Địa chỉ liên lạc
Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến hàng hóa/dịch vụ đăng ký hợp đồng theo mẫu/điều kiện giao dịch chung
Điện thoại, fax, email (nếu có)
Người liên hệ (Họ tên, điện thoại, email)
- (04) Ghi rõ đối tượng người tiêu dùng là tổ chức, cá nhân hay áp dụng cho tất cả người tiêu dùng.
- (05) Áp dụng trên cả nước hay một, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong trường hợp không áp dụng trên cả nước).
- (06) Thời gian bắt đầu áp dụng: ghi thời gian áp dụng cụ thể nếu không áp dụng ngay sau ngày hoàn thành việc đăng ký (nếu có) hoặc ghi áp dụng từ thời điểm hoàn thành việc đăng ký.
- (07) Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh. Người đại diện theo ủy quyền ký thì cần gửi kèm theo Giấy Ủy quyền.
- (08) - Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương tiện điện tử:
01 bản scan màu Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lại toàn bộ văn bản;
01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word;
- Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương thức khác:
01 bản cứng Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung có đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lại toàn bộ văn bản;
01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word.

108. Xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp

a. Trình tự thực hiện

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp đến Sở Công Thương nơi doanh nghiệp dự kiến hoạt động bán hàng đa cấp.

- Tiếp nhận hồ sơ: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ và xem xét tình đầy đủ, hợp lệ trong thời hạn 05 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương gửi cho doanh nghiệp văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo theo mẫu M-11 hoặc mẫu M-11A (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ thông báo) của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 24/2014/TT-BCT trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thông báo cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo. Sở Công Thương trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng đa cấp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.

Sở Công Thương có trách nhiệm gửi xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung đầy đủ, hợp lệ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi liên quan đến các nội dung của hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp có trách nhiệm gửi thông báo theo mẫu M-10A của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 24/2014/TT-BCT cùng các tài liệu có nội dung thay đổi trực tiếp tới Sở Công Thương nơi doanh nghiệp hoạt động bán hàng đa cấp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Qua đường bưu điện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp theo mẫu M-10;
- Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp các tài liệu nêu tại khoản 2 Điều 2 và khoản 3 Điều 3 Thông tư 24/2014/TT-BCT (*lưu ý: các tài liệu tại mục c.2, c.3, c.4, c.5 là tài liệu sao từ bản có xác nhận của Cục quản lý cạnh tranh được nêu tại khoản 3 điều 3 Thông tư 24/2014/TT-BCT*):

(c.1). Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc bản in Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;

(c.2). Mẫu hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp;

(c.3). Chương trình trả thưởng trong đó nêu rõ điều kiện và cách thức trả hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác cho người tham gia bán hàng đa cấp;

(c.4). Chương trình đào tạo cơ bản;

(c.5). Quy tắc hoạt động;

(c.6). Danh mục hàng hóa bao gồm các thông tin: chủng loại, xuất xứ, quy cách đóng gói, giá bán (cho người tham gia bán hàng đa cấp và cho khách hàng) và số điểm thưởng quy đổi của hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp (có xác nhận của doanh nghiệp)

(Riêng đối với tài liệu Danh mục hàng hóa quy định tại điểm a khoản 6 điều 2 Thông tư 24/2014/TT-BCT là Bản có xác nhận của doanh nghiệp)

- Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy xác nhận hoặc Chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật trong trường hợp kinh doanh hàng hóa thuộc lĩnh vực kinh doanh có điều kiện tại địa phương (nếu có).

Lưu ý: Trong trường hợp thành phần hồ sơ doanh nghiệp phải nộp là Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì doanh nghiệp có thể nộp Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm được in từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến trên web của Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp.

h. Phí, lệ phí: không có

i. Tên Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu M-10 (Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp);
- Mẫu M-10A (Thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp);
- Mẫu M-11 (Xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp);
- Mẫu M-11A (Xác nhận tiếp nhận thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp);

j. Yêu cầu, điều kiện: không có

k. Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

- Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

Mẫu M-10

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....

Do:.....

Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Lần thay đổi gần nhất:

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....Fax:

Email (nếu có):.....

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

Họ tên (ghi bằng chữ in hoa):

Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Do:.....Cấp ngày:...../...../.....

Chức vụ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc nơi đăng ký lưu trú):

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do:.....Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh/thành phố..... như sau:

1. Thời gian dự kiến bắt đầu hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:.....

2. Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có):

Điện thoại: Fax: Email:

3. Người liên hệ:..... Điện thoại:

4. Hàng hóa kinh doanh đa cấp tại địa phương:

.....

.....

5. Văn bản, tài liệu kèm theo:

.....

.....

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu M-10A

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

**THÔNG BÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
HỒ SƠ THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....

Do:.....

Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Lần thay đổi gần nhất:

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....Fax:

Email (nếu có):.....

Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có):.....

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

Họ tên (ghi bằng chữ in hoa):

Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Do:.....Cấp ngày:...../...../.....

Chức vụ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc nơi đăng ký lưu trú):

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do:.....Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

Căn cứ Xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp/Xác nhận tiếp nhận thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoạt động bán hàng đa cấp số..... của ngày tháng năm

Thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh/thành phố..... như sau:

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

.....
.....
.....
.....

II. Lý do sửa đổi, bổ sung

.....
.....
.....

III. Văn bản, tài liệu kèm theo

.....
.....
.....

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu M-11

UBND TỈNH....
SỞ CÔNG THƯƠNG...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

XÁC NHẬN TIẾP NHẬN
HỒ SƠ THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP

Kính gửi:

Căn cứ: Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp ngày ... tháng ... năm ... của Công ty.....

Sở Công Thương..... xác nhận Công ty đã thông báo tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp tại tỉnh..... với nội dung như sau:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....

Do:.....

Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Lần thay đổi gần nhất:

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....Fax:

Email (nếu có):.....

Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có):

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

Họ tên (ghi bằng chữ in hoa):

Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Do:.....Cấp ngày:...../...../.....

Chức vụ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc nơi đăng ký lưu trú):

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do:.....Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

4. Hàng hóa kinh doanh đa cấp tại địa phương: Phụ lục kèm theo.

5. Thời gian bắt đầu hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:.....
6. Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có):.....
- Số điện thoại:
- Số fax:
-
- Email:
7. Người liên hệ tại địa phương:..... Điện thoại:.....

Khi có bất kỳ thay đổi nào về một hoặc một số nội dung nêu trên, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo tới Sở Công Thương.....

Đại diện Sở Công Thương
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu M-11A

UBND TỈNH....
SỞ CÔNG THƯƠNG...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

**XÁC NHẬN TIẾP NHẬN THÔNG BÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
HỒ SƠ THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi:

Căn cứ: Thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoạt động bán hàng đa cấp ngày
... tháng ... năm ... của Công ty.....

Sở Công Thương..... xác nhận hồ sơ hoạt động bán hàng đa cấp
tại tỉnh..... của Công ty như sau:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....

Do:.....

Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Lần thay đổi gần nhất:

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....Fax:

Email (nếu có):.....

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

Họ tên (ghi bằng chữ in hoa):.....

Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Do:.....Cấp ngày:...../...../.....

Chức vụ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc nơi đăng ký lưu trú):

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do:.....Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

4. Hàng hóa kinh doanh đa cấp tại địa phương: Phụ lục kèm theo.

5. Thời gian bắt đầu hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:.....

6. Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có):

Số điện thoại:

Số fax:

.....

Email:

7. Người liên hệ tại địa phương:..... Điện thoại:.....

Khi có bất kỳ thay đổi nào về một hoặc một số nội dung nêu trên, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo tới Sở Công Thương.....

Đại diện Sở Công Thương

(Ký tên và đóng dấu)

109. Xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo tổ chức Hội nghị, hội thảo, đào tạo

a. Trình tự thực hiện

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo đến Sở Công Thương nơi doanh nghiệp dự kiến tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo.

- Tiếp nhận hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thông báo; Rà soát, đối chiếu nội dung hồ sơ thông báo bảo đảm sự phù hợp với hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đã được Cục Quản lý cạnh tranh xác nhận.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương:

+ Gửi cho doanh nghiệp văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo theo mẫu M-13;

+ Thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ hoặc chưa phù hợp với hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đã được Cục Quản lý cạnh tranh xác nhận. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo.

Sở Công Thương trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng đa cấp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Qua đường bưu điện

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo theo mẫu M-12;

- Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;

- Nội dung, chương trình, kịch bản, tài liệu của hội nghị, hội thảo, đào tạo, số lượng người tham gia dự kiến;

- Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo;

- Bản sao Chứng chỉ đào tạo viên trong trường hợp đào tạo người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 42/2014/NĐ-CP;

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo;

- Trong trường hợp hội nghị, hội thảo, đào tạo có nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 42/2014/NĐ-CP, doanh nghiệp bổ sung:

+ Danh mục sản phẩm kinh doanh theo phương thức đa cấp của doanh nghiệp được giới thiệu tại hội nghị, hội thảo, đào tạo;

+ Bản sao văn bản xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm tại hội nghị, hội thảo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, gồm một hoặc một số giấy tờ sau: giấy xác nhận đăng ký tổ chức hội thảo, hội nghị giới thiệu thực phẩm đối với sản phẩm thực phẩm; phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ chức hội thảo, sự kiện giới thiệu mỹ phẩm đối với sản phẩm mỹ phẩm.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo.

h. Phí, lệ phí: không có

i. Tên Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu M-12 (Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo).

- Mẫu M-13 (Xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo).

j. Yêu cầu, điều kiện: không có

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

- Thông tư số 24/2014/TT-BCT quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

Mẫu M-12

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

**THÔNG BÁO TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO, ĐÀO TẠO
VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....

Do:.....

Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Lần thay đổi gần nhất:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:

Email (nếu có):

Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có):

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

Họ tên (ghi bằng chữ in hoa):

Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Do:.....Cấp ngày:...../...../.....

Chức vụ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc nơi đăng ký lưu trú):

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo trên địa bàn tỉnh/thành
phố..... với nội dung như sau:**

1. Tên hội nghị, hội thảo, đào tạo:

2. Thời gian:

3. Địa chỉ tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo tại địa phương:

4. Nội dung:

5. Văn bản, tài liệu kèm theo:

.....
.....
.....
6. Người liên hệ:..... Điện thoại:

.....
Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu M-13

UBND TỈNH....
SỞ CÔNG THƯƠNG...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

XÁC NHẬN TIẾP NHẬN HỒ SƠ
THÔNG BÁO TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO,
ĐÀO TẠO CỦA DOANH NGHIỆP BÁN HÀNG ĐA CẤP

Kính gửi:

Căn cứ:
.....
.....

Sở Công Thương..... xác nhận Công ty..... đã đăng ký tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo tại tỉnh..... với nội dung như sau:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....

Do:.....

Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Lần thay đổi gần nhất:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:

Email (nếu có):

Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có):

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

Họ tên (ghi bằng chữ in hoa):.....

Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Do:.....Cấp ngày:...../...../.....

Chức vụ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc nơi đăng ký lưu trú):

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

4. Tên hội nghị, hội thảo, đào tạo:

5. Thời gian tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo:.....

6. Địa chỉ tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo tại địa phương:

.....

.....

7. Nội dung hội nghị, hội thảo, đào tạo:

.....

Đối với các nghĩa vụ khác liên quan đến việc tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, doanh nghiệp thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Đại diện Sở Công Thương

(Ký tên và đóng dấu)

(Đối với các nội dung từ (4) đến (7) ở trên, Sở Công Thương có thể lập Phụ lục kèm theo trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng đa cấp thông báo tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo)

XIV. Lĩnh vực Thương mại quốc tế

110. Cấp phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hà Nội.

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội.

- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Sở Công Thương xem xét và cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hà Nội. Trường hợp không cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.

- Nộp trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 Sở Công Thương Hà Nội).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu MĐ1 của Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

+ Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài, được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam

+ Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện, được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam

+ Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất, được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam

+ Bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện, được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam).

+ Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;

+ Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở mới của Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

g. Lệ phí: 3.000.000đ/Giấy phép

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu MĐ1

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2005.

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về Văn phòng Đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương Quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

- Thông tư 73/1999/TT-BTC ngày 14/9/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu lệ phí cấp Giấy phép đặt Văn phòng Đại diện thường trú của tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Hà Nội.

Mẫu MĐ-1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương
nhân nước ngoài tại Việt Nam

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)
Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)
Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ
quan cấp:
Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)
Số tài khoản: tại Ngân hàng:

Điện thoại: Fax: Email: Website:
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:
Mã số thuế:
Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao
gồm cả chấm dứt hoạt động theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:

Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:
Thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)

Đề nghị cấp (cấp lại)¹¹ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ...¹² như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

-

-

¹ Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

² Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

2

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp .../.../.... Nơi cấp: Nơi
đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt
Nam)¹³:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹¹ Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

¹² Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

¹³ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

111. Điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hà Nội.

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội.
- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.
- Sở Công Thương xem xét và cấp điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hà Nội. Trường hợp không cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Nộp thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.
- Nộp trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 Sở Công Thương Hà Nội).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ gồm:

** Đối với trường hợp thay đổi trường đại diện:*

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu MĐ3 của Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;
- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện
- Giấy tờ chứng minh người đứng đầu Văn phòng đại diện sắp mãn nhiệm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt.
- Bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện, được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) kèm theo bản chính để đối chiếu;
- Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện.

** Đối với trường hợp thay đổi địa chỉ hoặc tên gọi của thương nhân nước ngoài:*

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu MĐ2 của Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;
- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện
- Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài, được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

** Đối với trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài:*

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu

MĐ3 của Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

- Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài, được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam (Trong trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài).

** Đối với trường hợp thay đổi trụ sở văn phòng đại diện:*

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu MĐ3 của Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

- Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở mới của Văn phòng đại diện

- Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở mới của Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật có liên quan

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

g. Lệ phí: 1.500.000đ/Giấy phép

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu MĐ2

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2005.

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về Văn phòng Đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương Quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

- Thông tư 73/1999/TT-BTC ngày 14/9/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu lệ phí cấp Giấy phép đặt Văn phòng Đại diện thường trú của tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Hà Nội.

Mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu MD-3. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của
thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng ... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

.....
Tên thương nhân viết tắt:

.....
Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ
quan cấp:

Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)

Đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp .../.../.....

Thứ tự của Văn phòng đại diện¹⁴

.....
Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Nội dung điều chỉnh:

Lý do điều chỉnh:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹⁴ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

112. Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hà Nội.

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội.

- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Sở Công Thương xem xét và cấp gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hà Nội. Trường hợp không cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Nộp thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.

- Nộp trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 Sở Công Thương Hà Nội).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu MĐ4 của Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

+ Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài, được dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam

+ Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất, được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam.

+ Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

g. Lệ phí: 1.500.000đ/Giấy phép

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu MĐ4

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2005.
- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về Văn phòng Đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương Quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
- Thông tư 73/1999/TT-BTC ngày 14/9/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu lệ phí cấp Giấy phép đặt Văn phòng Đại diện thường trú của tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.
- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Hà Nội.

Mẫu MĐ-4. Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập

Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

.....
Tên thương nhân viết tắt

.....
Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../.....

Thứ tự của Văn phòng đại diện¹⁵:

.....
Mã số thuế:

Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời điểm gia hạn:... người; trong đó:

- Số lao động nước ngoài:... người;

- Số lao động Việt Nam: ... người.

Thời hạn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập:

.....
Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹⁵ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

113. Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hà Nội.

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội.

- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Sở Công Thương xem xét và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hà Nội. Trường hợp không cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Nộp thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.

- Nộp trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 Sở Công Thương Hà Nội).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ gồm:

** Đối với trường hợp cấp lại do chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu MĐ1 của Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi

- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp

- Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở mới của Văn phòng đại diện

- Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở mới của Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật có liên quan.

** Đối với trường hợp cấp lại do Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức:*

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu MĐ2 của Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Lệ phí: 1.500.000đ/Giấy phép

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu MĐ3

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2005.

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về Văn phòng Đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương Quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

- Thông tư 73/1999/TT-BTC ngày 14/9/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu lệ phí cấp Giấy phép đặt Văn phòng Đại diện thường trú của tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Hà Nội.

Mẫu MĐ-1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân
nước ngoài tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)
Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)
Tên thương nhân viết tắt
Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:
Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)
Số tài khoản: tại Ngân hàng:
Điện thoại: Fax: Email: Website:
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:
Mã số thuế:
Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:

Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:
Thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)
Đề nghị cấp (cấp lại)¹⁶ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ...¹⁷ như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

1 Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

2 Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

2

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp .../.../.... Nơi cấp: Nơi
đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam)¹⁸:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu MD-2. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân
nước ngoài tại Việt Nam

¹⁶ Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

¹⁷ Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

¹⁸ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng ... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)
Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)
Tên thương nhân viết tắt
.....
Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ
quan cấp:
Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)
Đề nghị cấp lại¹⁹ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:
Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../...
Thứ tự của Văn phòng đại diện²⁰:
.....
Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)
Mã số thuế:
Lý do cấp lại:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹⁹ Áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.

²⁰ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

114. Thông báo hoạt động sau cấp phép của Văn phòng đại diện không do Sở Công Thương Hà Nội cấp phép.

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nước ngoài gửi hồ sơ thông báo hoạt động sau cấp phép của Văn phòng đại diện thuộc lĩnh vực đặc thù tại Hà Nội.

- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương Hà Nội sẽ xác nhận trực tiếp vào 01 bản thông báo của thương nhân nước ngoài.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Nộp thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.

- Nộp trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 Sở Công Thương Hà Nội).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ gồm:

** Thông báo hoạt động lần đầu sau cấp phép:*

- Thông báo hoạt động theo mẫu BM1 (nộp 02 bản tiếng Việt)

- Bản sao hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở

- Thư bổ nhiệm do đại diện có thẩm quyền của công ty mẹ ký

- Hợp đồng lao động, sơ yếu lý lịch của lao động làm việc tại Văn phòng Đại diện (VPDD).

- Bản sao công chứng Giấy phép thành lập VPDD, chi nhánh do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hộ chiếu, lý lịch cá nhân của người nước ngoài.

** Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện:*

- Thông báo thay đổi trụ sở theo mẫu BM2 (nộp 2 bản tiếng Việt).

- Bản sao hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở.

** Thông báo thay đổi người đứng đầu:*

- Thông báo thay đổi người đứng đầu theo mẫu BM3 (nộp 2 bản tiếng Việt)

- Thư của công ty mẹ do người có thẩm quyền ký thông báo về việc thay đổi người đứng đầu

- Bản sao văn bản chấp thuận của Cơ quan cấp phép cho phép thay đổi người đứng đầu (nếu có)

- Hợp đồng lao động, sơ yếu lý lịch của người đứng đầu mới

- Bản sao các giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thuế của người đứng đầu cũ.

** Thông báo thay đổi nhân sự của VPDD:*

- Thông báo thay đổi nhân sự theo mẫu BM4 (nộp 2 bản tiếng Việt)

- Hợp đồng lao động, sơ yếu lý lịch của nhân viên mới
- Đối với nhân viên thôi việc: Bản sao các giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thuế của nhân viên cũ.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ (riêng Thông báo hoạt động theo mẫu: 02 bản bằng Tiếng Việt).

d. Thời hạn giải quyết: không

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo hoạt động có xác nhận

g. Lệ phí: không

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu kèm theo thủ tục dưới đây

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2005.
- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về Văn phòng Đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Hà Nội.
- Nghị định số 22/2006/NĐ-CP ngày 28/02/2006 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam.
- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
- Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Công thương Hà Nội quản lý Nhà nước đối với Văn phòng Đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực đặc thù.

Mẫu Thông báo hoạt động BM1

TIÊU ĐỀ VĂN PHÒNG (GHI RÕ ĐỊA CHỈ, ĐIỆN THOẠI...)

Hà Nội, ngày.... tháng....năm

GIẤY THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

- Căn cứ vào (ghi theo căn cứ trên Giấy phép).

- Văn phòng Đại diện tại Hà Nội, quốc tịch : ...(tên nước nơi công ty mẹ đăng ký thành lập)....., được thành lập theo Giấy phép số ngày tháng năm do(tên Cơ quan cấp phép) cấp xin thông báo hoạt động như sau:

1- Tên Văn phòng đại diện:

2- Trụ sở văn phòng:

Số nhà:

Đường phố:

Quận:

Thành phố:

Điện thoại:

Fax:

Tên, địa chỉ của người chủ sở hữu nhà cho thuê:

3- Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện:

4- Số tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam:

- Tài khoản tiền Việt:

tại Ngân hàng:

- Tài khoản ngoại tệ:

tại Ngân hàng:

5- Số người làm việc tại Văn phòng đại diện là: trong đó:

- Số người nước ngoài:

(Nêu rõ họ tên, chức vụ, quốc tịch, mức lương)

- Số người Việt Nam:

(Nêu rõ họ tên, số CMND, chức vụ, mức lương)

6- Họ tên người Trưởng Văn phòng đại diện:

- Quốc tịch:

- Mức lương

- Số hộ chiếu:

- Ngày cấp:

- Thường trú :

7. Thời hạn hoạt động:

Sở Công Thương xác nhận

Người đứng đầu Văn phòng

(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu Thông báo hoạt động BM2
TIÊU ĐỀ VĂN PHÒNG (GHI RÕ ĐỊA CHỈ, ĐIỆN THOẠI...)

Hà Nội, ngày.... tháng....năm

GIẤY THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG

(Thay đổi Trụ sở văn phòng)

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Văn phòng Đại diện (*ghi theo tên trên giấy phép*).....tại Hà Nội (quốc tịch :.....) được thành lập theo Giấy phép số ngày tháng năm của ...(tên Cơ quan cấp phép) xin thông báo thay đổi Trụ sở Văn phòng kể từ ngày tháng... năm như sau:

Trụ sở Văn phòng mới:

Số nhà:

Đường, phố:

Quận:

Điện thoại:

Fax:

Sở Công Thương xác nhận

Người đứng đầu Văn phòng
(*ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)

Mẫu Thông báo hoạt động BM3

TIÊU ĐỀ VĂN PHÒNG (GHI RÕ ĐỊA CHỈ, ĐIỆN THOẠI...)

Hà Nội, ngày.... tháng....năm.....

GIẤY THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG

(Thay đổi Trưởng đại diện)

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Văn phòng Đại diện (*ghi theo tên trên giấy phép*): tại Hà nội (quốc tịch:) được thành lập theo giấy phép số ngày tháng năm của ... (tên Cơ quan cấp phép) cấp thông báo thay đổi người đứng đầu của Văn phòng như sau:

Trưởng đại diện mới:

Quốc tịch: Số hộ chiếu:..... Mức lương:

Trưởng đại diện cũ là Ông (bà) kể từ ngày..... thôi làm việc tại văn phòng.

Sở Công Thương xác nhận

Người đứng đầu Văn phòng cũ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu Thông báo hoạt động BM4

TIÊU ĐỀ VĂN PHÒNG (GHI RÕ ĐỊA CHỈ, ĐIỆN THOẠI...)

Hà Nội, ngày.... tháng....năm

GIẤY THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG
(Thay đổi nhân sự)

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Văn phòng Đại diện (ghi theo thông tin trên giấy phép)..... tại Hà nội (quốc tịch :.....) được thành lập theo Giấy phép số ngày tháng năm do (tên Cơ quan cấp phép) cấp xin thông báo thay đổi nhân sự như sau:

1- Họ và tên nhân viên mới (nếu có):

Chức vụ:

Quốc tịch:

Mức lương:

Ngày bắt đầu làm việc:

2- Họ và tên nhân viên thôi làm việc tại Văn phòng (nếu có):

Họ tên:

Quốc tịch:

Chức vụ:

Ngày thôi việc:

Sở Công Thương xác nhận

Người đứng đầu Văn phòng
(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

115. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.

a. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hà Nội.
- Sở Công Thương xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Công Thương thông báo cho Thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.
- Sở Công Thương công bố trên trang thông tin điện tử của Sở về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội, 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Nộp thông qua hệ thống bưu chính, chuyển phát.
- Nộp trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 Sở Công Thương Hà Nội).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ gồm:

c.1. Đối với văn phòng đại diện do Sở Công Thương cấp phép:

** Chấm dứt hoạt động không thuộc trường hợp bị thu hồi giấy phép và hết hạn giấy phép nhưng không được gia hạn:*

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo mẫu TB2 của Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;
- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện
- Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;
- Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động

** Chấm dứt hoạt động trong trường hợp hết hạn giấy phép nhưng không được gia hạn:*

- Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện
- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện
- Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;
- Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động

**** Chấm dứt hoạt động do bị thu hồi giấy phép:***

- Bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép

- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện
- Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;
- Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;

c.2. Đối với văn phòng đại diện không do Sở Công Thương cấp phép:

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo mẫu TB2
- Bản sao công chứng văn bản xác nhận việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của cơ quan cấp giấy phép.
- Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;
- Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.

g. Lệ phí: không

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu TB2

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2005.
- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về Văn phòng Đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 của Bộ Công Thương
- Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 của UBND Thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công thương Hà Nội.
- Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Công thương Hà Nội quản lý Nhà nước đối với Văn phòng Đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực đặc thù.

Mẫu TB. Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN... TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: ... (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh)

Tên Văn phòng đại diện tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số.....Ngày cấp: ... /.../

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập)

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Thời hạn hoạt động: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm

Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện...²¹:

1. Thuế:

2. Bảo hiểm xã hội:

3. Các khoản khác:.....

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):

Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện...tại Việt Nam:

Từ ngày...tháng...năm...

Lý do chấm dứt hoạt động:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

²¹ Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, không phải kê khai nội dung này.

XV - Lĩnh vực An toàn thực phẩm

116. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

a - Trình tự thực hiện

Các cơ sở (doanh nghiệp, tổ chức) sản xuất thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương Hà Nội) đăng ký hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP với sở Công Thương Hà Nội (Số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội)

Các cơ sở sản xuất thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương Hà Nội) nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho sở Công Thương Hà Nội trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

- Tiếp nhận và thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cán bộ thụ lý hồ sơ có trách nhiệm tổ chức thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sở Công Thương phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ; thời gian chờ bổ sung hồ sơ của các cơ sở không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ.

+ Quá 30 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương Hà Nội sẽ tiến hành hủy hồ sơ.

- Thành lập Đoàn thẩm định:

+ Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 15 ngày làm việc, Đoàn thẩm định của Sở Công Thương tiến hành thẩm định thực tế tại cơ sở.

+ Đoàn thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế tại cơ sở do Giám đốc Sở Công Thương Hà Nội ra Quyết định thành lập gồm từ 3 đến 5 thành viên, trong đó phải có ít nhất 2/3 số thành viên là cán bộ làm công tác chuyên môn hoặc quản lý về an toàn thực phẩm (có thể mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia Đoàn thẩm định).

* Người có chuyên môn về ATTP là người được đào tạo và có bằng tốt nghiệp hoặc chứng chỉ chuyên môn về thực phẩm, ATTP, quản lý ATTP do trường Đại học chuyên ngành hoặc các tổ chức chứng nhận được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định cấp.

- Nội dung thẩm định cơ sở:

+ Đối chiếu thông tin và kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở theo quy định.

+ Thẩm định thực tế điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

- Kết quả thẩm định cơ sở:

+ Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định cơ sở sản xuất (theo mẫu) và phù hợp với loại hình đăng ký sản xuất, kinh doanh của cơ sở. Trường hợp “Không đạt” hoặc “chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong biên bản thẩm định.

+ Trường hợp “chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày kể từ ngày thẩm định lần 1. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định được ghi

trong Biên bản thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục (theo mẫu) về thư ký Đoàn thẩm định để tổ chức thẩm định lại trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận báo cáo kết quả khắc phục đồng thời nộp phí thẩm định lần 2 theo quy định. Nếu cơ sở không khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, không nộp Báo cáo khắc phục và phí thẩm định lần 2 hoặc kết quả thẩm định lại vẫn không đạt thì Sở Công Thương Hà Nội không cấp giấy chứng nhận đồng thời thông báo bằng văn bản tới UBND Quận, huyện nơi cơ sở có địa điểm sản xuất, kinh doanh để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp giấy chứng nhận.

Biên bản thẩm định được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 bản và cơ sở giữ 01 bản.

- Cấp giấy chứng nhận:

Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “đạt”, Sở Công Thương Hà Nội cấp giấy chứng nhận cho cơ sở sản xuất (theo mẫu).

Giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

Trường hợp thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong sản xuất

- Cơ sở bị thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP khi:

+ Cơ sở không hoạt động ngành nghề kinh doanh thực phẩm đã đăng ký

+ Có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ sở cũ.

+ Cơ sở bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm

- Hồ sơ thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP gồm:

+ Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP của cơ sở (cơ sở dừng hoạt động hoặc không kinh doanh thực phẩm đã đăng ký tại cơ sở cũ,...)

+ Quyết định giải thể/phá sản/thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Qua đường bưu điện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP gồm:

1. Đơn đề nghị cấp (theo mẫu) Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm;

2. Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản

xuất, kinh doanh thực phẩm;

3. Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ bảo đảm điều kiện ATTP (theo mẫu).

4. Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về ATTP của chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh hoặc danh sách các cán bộ của cơ sở trực tiếp sản xuất, kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;

5. Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh hoặc danh sách các cán bộ của cơ sở trực tiếp sản xuất, kinh doanh do cơ quan y tế cấp quận/huyện trở lên cấp theo quy định;

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

3 - Thời gian giải quyết:

22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

d - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

đ - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

e - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP/văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận/văn bản thu hồi giấy chứng nhận.

f - Phí - Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm

g - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Theo mẫu ban hành kèm theo thủ tục này).

- Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ sản xuất, chế biến thực phẩm (Theo mẫu ban hành kèm theo thủ tục này).

- Báo cáo kết quả khắc phục của cơ sở (Theo mẫu ban hành kèm theo thủ tục này).

- Đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (Theo mẫu ban hành kèm theo thủ tục này).

h - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương Hà Nội bao gồm: Các cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc 4 nhóm ngành: Rượu, bia, nước giải khát; sữa chế biến; dầu thực vật; sản phẩm chế biến bột và tinh bột, bánh, mứt, kẹo và bao bì chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho sản phẩm trên địa bàn Hà Nội theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 58/2014/TT-BCT (Trừ các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật).

Cụ thể:

- Rượu: Dưới 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- Bia: Dưới 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- Nước giải khát: Dưới 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Sữa chế biến: Dưới 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Dầu thực vật: Dưới 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bánh kẹo: Dưới 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bột và tinh bột: Dưới 100 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm trên.

i - Căn cứ pháp lý:

1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH XII ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;
2. Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
3. Thông tư số 58/2014/TT- BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT- BCT ngày 22/12/2014
của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):

Địa chỉ tại (địa chỉ văn phòng):.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp:.....đơn vị cấp:.....

Ngành nghề sản xuất (tên sản phẩm xin cấp GCN):.....

Công suất thiết kế (tấn/năm):.....

Doanh thu dự kiến (triệu đồng/tháng):.....

Số lượng công nhân viên:.....(trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
cho cơ sở (tên cơ sở, địa chỉ) sản xuất (tên sản phẩm xin cấp GCN):
.....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn
trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT- BCT ngày 22/12/2014
của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:.....
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ kho:.....
- Điện thoại:.....Fax.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng sản xuất (tên SP xin cấp GCN):.....
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:.....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:.....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm², trong đó diện tích nhà xưởng sản xuấtm².
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:.....
- Kết cấu nhà xưởng:.....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:.....

- Nguồn điện cung cấp và hệ thống đèn chiếu sáng:.....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:.....
- Hệ thống xử lý môi trường:.....
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm						
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng						
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
7	Thiết bị giám sát						
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay						
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
12	Hệ thống cung cấp khí nén						
13	Hệ thống cung cấp hơi nước						

14	Hệ thống thông gió						
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							
5							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT- BCT ngày 22/12/2014

của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở:
2. Địa chỉ văn phòng:.....
2. Địa chỉ cơ sở sản xuất:
3. Số điện thoại:.....Fax:.....Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan thẩm định tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):

Địa chỉ tại (địa chỉ văn phòng):.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp:.....đơn vị cấp:.....

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số.....ngày cấp.....đơn vị cấp.....

Đề nghị sở Công Thương Hà Nội thu hồi Giấy chứng nhận số.....với lý do (ghi cụ thể trường hợp thu hồi: không hoạt động sản xuất kinh doanh ngành nghề thực phẩm đã đăng ký, chuyển đổi địa điểm sản xuất,...)

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

117. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

a - Trình tự thực hiện

Các cơ sở (doanh nghiệp, tổ chức) sản xuất thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương Hà Nội) đăng ký hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP với sở Công Thương Hà Nội (Số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội)

Các cơ sở sản xuất thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương Hà Nội) nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho sở Công Thương Hà Nội trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

- Tiếp nhận và thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cán bộ thụ lý hồ sơ có trách nhiệm tổ chức thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, sở Công Thương phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ; thời gian chờ bổ sung hồ sơ của các cơ sở không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ.

+ Quá 30 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương Hà Nội sẽ tiến hành hủy hồ sơ.

* Trường hợp cấp lại do mất, hỏng; thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở/người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ qui trình, mặt hàng sản xuất:

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương Hà Nội cấp giấy chứng nhận cho cơ sở sản xuất thực phẩm

Hiệu lực của Giấy chứng nhận cấp lại được tính theo thời hạn của Giấy chứng nhận đã được cấp trước đó.

* Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:

Thủ tục, quy trình cấp lại giấy chứng nhận thực hiện như đối với trường hợp cấp lần đầu.

Hiệu lực của giấy chứng nhận mới: 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

Trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP trong sản xuất

- Cơ sở bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP khi:

+ Cơ sở không hoạt động ngành nghề kinh doanh thực phẩm đã đăng ký

+ Có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ sở cũ.

+ Cơ sở bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm

- Hồ sơ thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP gồm:

+ Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP của cơ sở (cơ sở dừng hoạt động hoặc không kinh doanh thực phẩm đã đăng ký tại cơ sở cũ,...)

+ Quyết định giải thể/phá sản/thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở.

b - Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Qua đường bưu điện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Trường hợp cấp lại do mất/hỏng:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (theo mẫu).

* Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

1. Đơn đề nghị cấp lại (theo mẫu) Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm;

2. Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

3. Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ bảo đảm điều kiện ATTP (theo mẫu).

4. Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về ATTP của chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh hoặc danh sách các cán bộ của cơ sở trực tiếp sản xuất, kinh doanh do Sở Công Thương cấp theo quy định;

5. Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh hoặc danh sách các cán bộ của cơ sở trực tiếp sản xuất, kinh doanh do cơ quan y tế cấp quận/huyện trở lên cấp theo quy định;

* Trường hợp thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở/người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ qui trình, mặt hàng sản xuất.

1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (theo mẫu).

2. Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đã được cấp;

3. Bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi;

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

3 - Thời gian giải quyết:

* Trường hợp cấp lại do mất/hỏng:

10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

22 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* Trường hợp thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở/người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ qui trình, mặt hàng sản xuất.

10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

đ - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

e - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP/văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận/văn bản thu hồi giấy chứng nhận.

f - Phí - Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm

g - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Theo mẫu ban hành kèm theo thủ tục này).

- Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ sản xuất, chế biến thực phẩm (Theo mẫu ban hành kèm theo thủ tục này).

- Báo cáo kết quả khắc phục của cơ sở (Theo mẫu ban hành kèm theo thủ tục này).

- Đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (Theo mẫu ban hành kèm theo thủ tục này).

h - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương Hà Nội bao gồm: Các cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc 4 nhóm ngành: Rượu, bia, nước giải khát; sữa chế biến; dầu thực vật; sản phẩm chế biến bột và tinh bột, bánh, mứt, kẹo và bao bì chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho sản phẩm trên địa bàn Hà Nội theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 58/2014/TT-BCT (Trừ các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật).

Cụ thể:

- Rượu: Dưới 03 triệu lít sản phẩm/năm ;

- Bia: Dưới 50 triệu lít sản phẩm/năm ;

- Nước giải khát: Dưới 20 triệu lít sản phẩm/năm ;

- Sữa chế biến: Dưới 20 triệu lít sản phẩm/năm ;
- Dầu thực vật: Dưới 50 ngàn tấn sản phẩm/năm ;
- Bánh kẹo: Dưới 20 ngàn tấn sản phẩm/năm ;
- Bột và tinh bột: Dưới 100 ngàn tấn sản phẩm/năm ;
- Dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm trên.

i - Căn cứ pháp lý:

1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH XII ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;
2. Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
3. Thông tư số 58/2014/TT- BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT- BCT ngày 22/12/2014
của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):.....
đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
đối với cơ sở (tên cơ sở, địa chỉ) sản xuất (tên sản phẩm xin cấp GCN), cụ thể như
sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số.....ngày cấp.....đơn vị cấp.....

Doanh thu (triệu đồng/tháng):.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại: do cơ sở
thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh/ thay đổi, bổ sung quy trình
sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi giấy chứng nhận hết hiệu lực):
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT- BCT ngày 22/12/2014

của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:.....
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ kho:.....
- Điện thoại:.....Fax.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng sản xuất (tên SP xin cấp GCN):.....
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:.....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:.....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khoẻ định kỳ theo quy định:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm², trong đó diện tích nhà xưởng sản xuấtm².
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:.....
- Kết cấu nhà xưởng:.....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:.....

- Nguồn điện cung cấp và hệ thống đèn chiếu sáng:.....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:.....
- Hệ thống xử lý môi trường:.....
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm						
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng						
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
7	Thiết bị giám sát						
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay						
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
12	Hệ thống cung cấp khí nén						
13	Hệ thống cung cấp hơi nước						

14	Hệ thống thông gió						
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							
5							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT- BCT ngày 22/12/2014
của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở:
2. Địa chỉ văn phòng:.....
2. Địa chỉ cơ sở sản xuất:
3. Số điện thoại:.....Fax:.....Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan thẩm định tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):

Địa chỉ tại (địa chỉ văn phòng):.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp:.....đơn vị cấp:.....

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số.....ngày cấp:.....đơn vị cấp:.....

Đề nghị sở Công Thương Hà Nội thu hồi Giấy chứng nhận số.....với lý do (ghi cụ thể trường hợp thu hồi: không hoạt động sản xuất kinh doanh ngành nghề thực phẩm đã đăng ký, chuyển đổi địa điểm sản xuất,...)

.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

118. Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a - Trình tự thực hiện:

- Tổ chức đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương Hà Nội.

- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Sở Công Thương lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian, địa điểm tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân.

- Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức đạt yêu cầu (đã trả lời đúng trên 80% số câu hỏi ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trong bài kiểm tra kiến thức về ATTP).

b - Cách thức thực hiện:

Gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội Số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo mẫu (theo Mẫu số 01a tại Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT).

b) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

c) Danh sách đề nghị kiểm tra để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01b tại Phụ lục 4 Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT);

d) Bản sao (có đóng dấu xác nhận của tổ chức xin cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm): Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d - Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận, thông báo hồ sơ hợp lệ và thời gian kiểm tra kiến thức: 08 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ);

- Cấp Giấy xác nhận kiến thức ATTP: 03 ngày làm việc (kể từ ngày tổ chức kiểm tra kiến thức đối với những người đã đạt trên 80% số câu trả lời đúng ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trở lên).

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên).

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương Hà Nội.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

- Mẫu 2a và 2b: Áp dụng cho tập thể

- Mẫu 2c: Áp dụng cho cá nhân

h - Phí - Lệ phí: Lệ phí: 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng chẵn)/ 01 người

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu 1a: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

- Mẫu 1b: Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng trên 80% số câu hỏi ở mỗi phần (câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên.

- Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong đó:

• Kiến thức chung về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; các mối nguy an toàn thực phẩm; điều kiện an toàn thực phẩm; phương pháp bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hành tốt an toàn thực phẩm.

• Kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn thực phẩm.

- Quyết định 6409/QĐ- BCT ngày 21/7/2014 của Bộ Công Thương về việc ban hành danh mục tài liệu, bộ câu hỏi kiểm tra kèm theo đáp án trả lời và chỉ định cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra cấp giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

- Quyết định 6410/QĐ- BCT ngày 21/7/2014 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Công Thương.

- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 9/5/2016 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mẫu 01a

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT
ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Bộ Công Thương)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPDD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số....., cấp
ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu.

Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công Thương ban hành.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/cá nhân đề nghị xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

* **Ghi chú:** Gửi kèm theo danh sách đề nghị xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm
(Theo mẫu) đối với tập thể.

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT
ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Bộ Công Thương)*

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ**XÁC NHẬN KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM**

(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của(tên tổ chức).....)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức đề nghị xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

- Mẫu Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)

SỞ CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN
KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số:/20.../XNTH - ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và nội dung, tài liệu kiến thức về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương.

Sở Công thương Hà Nội xác nhận

Các Ông/bà thuộc tổ chức:

Tên tổ chức/ Cá nhân:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện/CMTND số, cấp ngày...../...../..... nơi cấp:

Điện thoại:Fax:.....

(có tên trong danh sách kèm theo Giấy này) có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày..... tháng năm

...Địa danh..., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng cơ quan xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

*** Ghi chú:** Mẫu số 02a và 02b, áp dụng cho các tập thể

DANH SÁCH

ĐƯỢC XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm Số: /20.....
/XNTH - ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày/tháng/ năm cấp CM	Nơi cấp CMTND

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng cơ quan xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

119. Kiểm tra và cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Sở Công Thương lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian, địa điểm tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức.

- Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho cá nhân thuộc tổ chức đạt yêu cầu (đã trả lời đúng trên 80% câu hỏi ở mỗi phần kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trong bài kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm).

b. Cách thức thực hiện:

Gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội Số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01a hoặc 1b tại Phụ lục đính kèm);

b) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

c) Danh sách đề nghị kiểm tra để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01c tại Phụ lục đính kèm);

d) Bản sao (có xác nhận và đóng dấu của tổ chức xin cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm): Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy Chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận, thông báo hồ sơ hợp lệ và thời gian kiểm tra kiến thức: 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ);

- Cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm: 03 ngày làm việc (kể từ ngày tổ chức kiểm tra kiến thức đối với những người đã đạt trên 80% số câu trả lời đúng ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trở lên).

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

- Phụ lục 1: Mẫu 02a và mẫu 02b hoặc văn bản từ chối xác nhận kiến thức.

h. Lệ phí: 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng chẵn)/01 người (theo quy định tại Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013)

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu 01a: Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm. Áp dụng đối với cơ sở kinh doanh sản phẩm của ngành Công Thương.

- Mẫu 01b: Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm. Áp dụng đối với cơ sở vừa sơ chế, chế biến vừa kinh doanh thực phẩm, hoặc cơ sở kinh doanh thực phẩm hỗn hợp (tổng hợp).

- Mẫu 01c: Danh sách đề nghị kiểm tra xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng trên 80% câu hỏi ở mỗi phần (gồm các câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành).

- Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong đó:

- Kiến thức chung về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; các mối nguy an toàn thực phẩm; điều kiện an toàn thực phẩm; phương pháp bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hành tốt an toàn thực phẩm.

- Kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

- Đối với cơ sở vừa sơ chế, chế biến vừa kinh doanh thực phẩm, hoặc cơ sở kinh doanh thực phẩm hỗn hợp cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm sẽ xây dựng bộ câu hỏi kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm trên cơ sở bộ câu hỏi của các Bộ liên quan: Công thương, Y tế, Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Nghị Định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế,

hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn thực phẩm.

- Quy chế số 27/QCPH-YT-NN&PTNT-CT ngày 06/01/2016 về việc phối hợp giữa Sở Y tế, Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Công Thương trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 09/05/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 6409/QĐ-BCT ngày 21/07/2014 của Bộ Công thương về việc ban hành danh mục tài liệu, bộ câu hỏi kiểm tra kèm theo đáp án trả lời và chỉ định cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương

- Quyết định 6410/QĐ-BCT ngày 21/07/2014 của Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công thương.

- Quyết định 216/QĐ-ATTP ngày 23/05/2014 của Cục an toàn thực phẩm Bộ Y tế về việc “Ban hành tài liệu tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, Bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm, kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn có yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế”.

- Quyết định 37/QĐ-ATTP ngày 02/02/2015 của Cục an toàn thực phẩm Bộ Y tế về việc “Ban hành tài liệu tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm; Bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở, người trực tiếp chế biến, kinh doanh dịch vụ ăn uống và đáp án trả lời”.

- Quyết định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/09/2014 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản ban hành tài liệu tập huấn và bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ, GIẤY XÁC NHẬN VÀ DANH SÁCH

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)

Mẫu số 01a - Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm. Áp dụng đối với cơ sở kinh doanh sản phẩm của ngành Công Thương.

Mẫu số 01b - Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm. Áp dụng đối với cơ sở vừa sơ chế, chế biến vừa kinh doanh thực phẩm, hoặc cơ sở kinh doanh thực phẩm hỗn hợp (tổng hợp).

Mẫu số 01c - Danh sách đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

Mẫu số 02a - Mẫu Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

Mẫu số 02b - Danh sách được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên tổ chức/doanh nghiệp.....
Giấy CNĐKDN/VPĐD số....., cấp ngày.....tháng.....năm.....,
nơi cấp.....
Địa chỉ:....., Số điện thoại.....
Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu.

Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công Thương ban hành.

(Danh sách (1) gửi kèm theo).

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện Tổ chức/cá nhân đề nghị xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)(2)

***Ghi chú:**

- (1): Áp dụng cho các tập thể, không áp dụng cho cá nhân.
- (2): Cá nhân chỉ ký và ghi rõ họ, tên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội.

Tên tổ chức/doanh nghiệp.....
Giấy CNĐKDN/VPDD số....., cấp ngày.....tháng.....năm.....,
nơi cấp.....
Địa chỉ:....., Số điện thoại.....
Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu.

Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi theo nội dung của tài liệu của các Bộ liên quan: Công thương, Y tế, Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn ban hành.

(Danh sách (1) gửi kèm theo).

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện Tổ chức/cá nhân đề nghị xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)(2)

***Ghi chú:**

- (1): Áp dụng cho các tập thể, không áp dụng cho cá nhân.
- (2): Cá nhân chỉ ký và ghi rõ họ, tên

Mẫu Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN
KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20... /XNTH - SCT

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và nội dung, tài liệu kiến thức về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương.

Sở Công Thương Hà Nội xác nhận các Ông/bà thuộc tổ chức:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện số, cấp ngày.../.../...nơi cấp:

Điện thoại:Fax:.....

(có tên trong danh sách kèm theo Giấy này) có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày..... tháng năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

(ký tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN XÁC NHẬN**

DANH SÁCH

ĐƯỢC XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm Số: /20..... /XNTH
- SCT)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày/tháng/ năm cấp CM	Nơi cấp CMTND

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng cơ quan xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

120. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương

a - Trình tự thực hiện:

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, đóng gói, kinh doanh sản phẩm: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam (sau đây gọi là cơ sở) đăng ký hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm với Sở Công thương Hà Nội.

- Các cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy nội dung quảng cáo thực phẩm trực tiếp hoặc theo đường bưu điện tới Sở Công Thương Hà Nội.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc Sở Công thương kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Sở Công thương thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc Sở Công thương sẽ tổ chức thẩm định nội dung hồ sơ xin quảng cáo sản phẩm của cơ sở và thông báo kết quả thẩm định bằng văn bản cho cơ sở.

- Cơ sở nhận Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

b - Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm;

(2) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền;

(3) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp của cơ sở sản xuất kinh doanh;

(4) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy (đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật được ban hành và có hiệu lực) hoặc công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng được ban hành và có hiệu lực);

(5) Tài liệu khoa học chứng minh tính chất, công dụng của sản phẩm đúng như nội dung đăng ký quảng cáo;

(6) Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết...);

(7) Giấy ủy quyền quảng cáo hoặc hợp đồng thuê dịch vụ quảng cáo đối với trường hợp đăng ký xác nhận quảng cáo bởi người kinh doanh dịch vụ quảng cáo.

Toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ phải có dấu của cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d - Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ).

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân

- Tổ chức

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương Hà Nội

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy Xác nhận hoặc văn bản từ chối cấp giấy xác nhận.

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định, xét duyệt hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo:

+ Áp phích, tờ rơi, poster: 1.000.000 đồng lần cấp/1 sản phẩm.

+ Truyền hình, phát thanh: 1.200.000 đồng lần cấp/1 sản phẩm.

- Lệ phí cấp mới giấy phép: 150.000đ/1 lần cấp/1 sản phẩm.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lần đầu) (Phụ lục 1 theo Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, đóng gói, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương quản lý: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam.

- Điều kiện để được xác nhận nội dung quảng cáo:

(1) Cơ sở có hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

(2) Sản phẩm thực phẩm không thuộc danh mục những sản phẩm, hàng hóa bị cấm quảng cáo theo quy định của pháp luật hiện hành.

(3) Sản phẩm thực phẩm của cơ sở đáp ứng quy định về điều kiện an toàn thực phẩm hoặc sản phẩm của cơ sở/quốc gia có tên trong danh sách được cơ quan thẩm quyền Việt Nam công nhận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

(4) Nội dung quảng cáo phải chính xác, đúng với chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm như đã công bố và đăng ký.

l. Căn cứ pháp lý:

- Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương về Quy định cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương)

Tên tổ chức/cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số điện thoại:

Số fax:

Hà Nội, ngày tháng năm

Email:

GIẤY ĐỀ NGHỊ

XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM

(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lần đầu)

Số: /20...../

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 40 /2012/TT- BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương và để đáp ứng nhu cầu quảng cáo thực phẩm của ... (tên cơ sở); đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm cụ thể như sau:

1. Thông tin liên quan đến sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo
1					
2					

2. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:

.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

121. Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

a - Trình tự thực hiện:

- Trường hợp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đã được cấp nhưng bị mất, thất lạc hoặc bị hư hỏng, cơ sở phải có văn bản đề nghị cấp lại gửi tới Sở Công Thương để được xem xét cấp lại.

- Trường hợp sản phẩm thực phẩm được quảng cáo với mục đích tiêu thụ tại Việt Nam đã được Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm theo quy định nhưng sau đó sản phẩm này có nhu cầu xuất khẩu thì phải đăng ký xác nhận lại nội dung quảng cáo.

- Thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm căn cứ vào:

(1) Hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Sở Công Thương cấp.

(2) Hiệu lực của văn bản công nhận đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam đối với quốc gia hoặc cơ sở xuất khẩu thực phẩm vào Việt Nam

- Các cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương – 331 Cầu Giấy – Hà Nội.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Công Thương xem xét cấp lại cho cơ sở, trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Cơ sở nhận Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

b - Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ xin cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm đóng thành 01 quyển, gồm:

(1) Giấy đề nghị xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm;

(2) Bản thuyết minh kèm theo các tài liệu sửa đổi, bổ sung liên quan đến nội dung quảng cáo thực phẩm đã thay đổi;

(3) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền;

(4) Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết...);

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d - Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc (Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ).

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức

- Cá nhân

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương Hà Nội

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy Xác nhận hoặc văn bản từ chối cấp giấy xác nhận..

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định, xét duyệt hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo:

+ Áp phích, tờ rơi, poster: 1.000.000 đồng lần cấp/1 sản phẩm.

+ Truyền hình, phát thanh: 1.200.000 đồng lần cấp/1 sản phẩm.

- Lệ phí cấp lại giấy phép: 150.000đ/1 lần cấp/1 sản phẩm.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lại) (Phụ lục 2 theo Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, đóng gói, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương quản lý: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam.

- Điều kiện để được xác nhận nội dung quảng cáo:

(1) Cơ sở có hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

(2) Sản phẩm thực phẩm không thuộc danh mục những sản phẩm, hàng hóa bị cấm quảng cáo theo quy định của pháp luật hiện hành.

(3) Sản phẩm thực phẩm của cơ sở đáp ứng quy định về điều kiện an toàn thực phẩm hoặc sản phẩm của cơ sở/quốc gia có tên trong danh sách được cơ quan thẩm quyền Việt Nam công nhận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

(4) Nội dung quảng cáo phải chính xác, đúng với chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm như đã công bố và đăng ký.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương về Quy định cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm;

MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương)

Tên tổ chức/cá nhân

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số fax:

Email:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM

(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lại)

Số:/20...../

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Ngày tháng năm, (tên cơ sở) đã được Sở Công Thương Hà Nội xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm (số); tuy nhiên, ... (lý do đăng ký lại); đề nghị Sở Công Thương Hà Nội xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm, cụ thể như sau:

1. Thông tin liên quan đến sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo
1					
2					

2. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:

.....
Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

122. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

a. Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương Hà Nội đăng ký hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm với Sở Công Thương Hà Nội (Số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội);

- Các cơ sở kinh doanh thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương Hà Nội) nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Sở Công Thương Hà Nội trực tiếp hoặc theo đường bưu điện theo địa chỉ Sở Công Thương Hà Nội.

- Trình tự cấp Giấy chứng nhận:

+ Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương Hà Nội có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương Hà Nội phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ; thời gian chờ bổ sung hồ sơ của các cơ sở không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương Hà Nội sẽ tiến hành hủy hồ sơ.

+ Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 15 ngày làm việc, đoàn thẩm định của Sở Công Thương tiến hành thẩm định thực tế tại cơ sở.

+ Đoàn thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế tại cơ sở do Giám đốc Sở Công Thương Hà Nội ra Quyết định thành lập gồm từ 3 đến 5 thành viên, trong đó phải có ít nhất 2/3 số thành viên là cán bộ làm công tác chuyên môn hoặc quản lý về an toàn thực phẩm (có thể mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia đoàn thẩm định). Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

* Người có chuyên môn về ATTP là người được đào tạo và có bằng tốt nghiệp hoặc chứng chỉ chuyên môn về thực phẩm, ATTP, quản lý ATTP do trường Đại học chuyên ngành hoặc các tổ chức chứng nhận được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định cấp.

+ Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở

Đối chiếu thông tin và kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi cơ quan có thẩm quyền với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở;

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

+ Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở

Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực

phẩm theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT;

Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp, cơ sở được cấp Giấy chứng nhận khi các điều kiện kinh doanh của ít nhất một nhóm sản phẩm được đánh giá “Đạt”. Các nhóm sản phẩm đạt yêu cầu theo quy định sẽ được ghi vào Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 (sáu mươi) ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 4 quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT về Sở Công Thương Hà Nội để tổ chức thẩm định lại theo quy định. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc tính từ khi Sở Công Thương Hà Nội nhận được báo cáo khắc phục;

Nếu kết quả thẩm định lại vẫn “Không đạt”, Sở Công Thương Hà Nội không cấp Giấy chứng nhận, đồng thời thông báo bằng văn bản tới UBND quận/huyện/thị xã nơi cơ sở có địa điểm kinh doanh thực phẩm để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận;

Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 (một) bản và cơ sở giữ 01 (một) bản.

+ Cấp Giấy chứng nhận

Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở theo Mẫu 5d quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 58/2014/TT-BCT.

b - Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương (số 331 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội).

- Qua đường bưu điện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 1b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 58/2014/TT-BCT;

(2) Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề kinh doanh thực phẩm;

(3) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất theo Mẫu 2b quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

(4) Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm;

(5) Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khoẻ để kinh doanh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh.

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

d - Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP/văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận.

h - Phí - Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở kinh doanh (Mẫu 1b - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương);

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất đối với cơ sở kinh doanh (Mẫu 2b - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương).

- Báo cáo kết quả khắc phục (mẫu 4 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương Hà Nội bao gồm: cơ sở kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm;

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp không bao gồm chợ đầu mối và chợ đầu giá nông sản.

b) Điều kiện riêng

Cơ sở kinh doanh thực phẩm (bao gồm cả kinh doanh thực phẩm tổng hợp) của thương nhân bán buôn hoặc đại lý bán buôn trên địa bàn Hà Nội; cơ sở bán lẻ thực phẩm trên địa bàn Hà Nội

1 - Căn cứ pháp lý:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/QH12/2010 ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm

thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của bộ Y tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.

Mẫu 1b

((Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT- BCT ngày 22/12/2014
của Bộ Công thương))

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Cơ sở kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp):
Địa điểm tại:.....
Điện thoại:.....Fax:.....
Giấy phép kinh doanh số: ngày cấp.....đơn vị cấp.....
Loại hình kinh doanh (bán buôn/bán lẻ):
Phạm vi kinh doanh (trên địa bàn 01 tỉnh/02 tỉnh):.....
Nhóm sản phẩm kinh doanh (theo danh sách đính kèm):
Doanh thu dự kiến:.....
Số lượng công nhân viên:.....(trực tiếp:.....; gián tiếp:.....).

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
cho cơ sở tại địa chỉ:

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn
trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)



DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM
(Kèm theo mẫu đơn đề nghị)

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận
I	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	
9	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
10	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
II	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Ngũ cốc	
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	
13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điều	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	
	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc	

19	phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
III	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	
8	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	

Mẫu 2b

((Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT- BCT ngày 22/12/2014
của Bộ Công thương))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ
KINH DOANH THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:.....
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:.....
- Điện thoại.....Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Phạm vi kinh doanh (01 tỉnh hay 02 tỉnh trở nên):.....
- Tổng số công nhân viên:.....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:.....
- Tổng số công nhân viên đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh:m², trong đó diện tích kho hàng:.....m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:.....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:.....
- Nguồn điện cung cấp:.....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:.....
- Hệ thống thu gom rác thải và xử lý môi trường:.....
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh							
TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang. thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm						
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày						

	sản phẩm						
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm						
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay						
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
6	Trang bị bảo hộ						
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát						
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							
5							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:
2. Địa chỉ Cơ sở:
3. Số điện thoại:.....Fax:.....Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi
được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

42

123. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

a-Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương Hà Nội đăng ký hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm với Sở Công Thương Hà Nội

- Các cơ sở kinh doanh thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương Hà Nội) nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Sở Công Thương Hà Nội trực tiếp hoặc theo đường bưu điện theo địa chỉ Sở Công Thương Hà Nội.

b - Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội

- Qua đường bưu điện

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b) Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

(2) Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề kinh doanh thực phẩm;

(3) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất;

(4) Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm;

(5) Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe để kinh doanh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh.

c) Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình kinh doanh

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

(2) Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp;

(3) Bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi.

42

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

d - Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

b) Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

c) Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và mặt hàng kinh doanh: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP/văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận

h - Phí - Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (theo Mẫu 1c - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương).

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất đối với cơ sở kinh doanh (Mẫu 2b - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương).

- Báo cáo kết quả khắc phục (mẫu 4 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương).

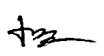
k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương bao gồm: cơ sở kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm;

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp không bao gồm chợ đầu mối và chợ đầu giá nông sản.

b) Điều kiện riêng



Cơ sở kinh doanh thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân bán buôn hoặc đại lý bán buôn trên địa bàn Hà Nội; cơ sở bán lẻ thực phẩm trên địa bàn Hà Nội

I- Căn cứ pháp lý:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/QH12/2010 ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của bộ Y tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.

MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

**ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: *Sở Công Thương Hà Nội*

.....

Tên cơ sở..... đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh (tên sản phẩm), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số..... ngày cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 4 của Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương):

.....Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu

GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ

(ký tên, đóng dấu)

MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

KINH DOANH THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Địa chỉ kho:.....
- Điện thoại.....Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng kinh doanh:
- Phạm vi kinh doanh (01 tỉnh hay 02 tỉnh trở nên):.....
- Tổng số cán bộ, nhân viên, công nhân:
- Tổng số cán bộ, công nhân trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số cán bộ, công nhân đã được tập huấn kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định:
- Tổng số cán bộ, công nhân đã khám sức khoẻ định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

II.1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh:m², Trong đó diện tích kho hàng:.....m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh (kho sản phẩm; khu trưng bày và bán sản phẩm; khu vực bảo quản sản phẩm;....)
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL
- Nguồn điện cung cấp
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân (Khu vực rửa tay; phòng thay đồ, vệ sinh cá nhân,..)
- Hệ thống thu gom rác thải và xử lý môi trường
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang. thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm						
2	Trang thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm						
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm						
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay						
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ (nếu sử dụng)						
6	Trang bị bảo hộ (nếu sử dụng)						
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát						
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa ?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định, Cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên).

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:
2. Địa chỉ Cơ sở:
3. Số điện thoại:.....Fax:.....Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi
được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

124. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp ở trung tâm thương mại, siêu thị có hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến phục vụ kinh doanh thực phẩm tại chỗ

a - Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp (quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương) ở trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn Hà Nội vừa sơ chế, chế biến phục vụ kinh doanh thực phẩm tại chỗ (các loại bánh từ bột, sơ chế, đóng gói thịt gia súc gia cầm, thủy hải sản, rau, củ, quả), vừa kinh doanh thực phẩm tổng hợp, dịch vụ ăn uống tại chỗ nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Sở Công Thương Hà Nội trực tiếp hoặc theo đường bưu điện theo địa chỉ Sở Công Thương Hà Nội.

- Trình tự cấp Giấy chứng nhận:

+ Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương Hà Nội có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương Hà Nội phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương Hà Nội sẽ tiến hành hủy hồ sơ.

+ Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 15 ngày làm việc, đoàn thẩm định của Sở Công Thương tiến hành thẩm định thực tế tại cơ sở.

+ Đoàn thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế tại cơ sở do Sở Công Thương Hà Nội chủ trì (phối hợp với Sở Y tế và Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội) tổ chức thẩm định và cấp Giấy chứng nhận. Đoàn thẩm định do Giám đốc Sở Công Thương Hà Nội ra Quyết định thành lập. Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

* Người có chuyên môn về ATTP là người được đào tạo và có bằng tốt nghiệp hoặc chứng chỉ chuyên môn về thực phẩm, ATTP, quản lý ATTP do trường Đại học chuyên ngành hoặc các tổ chức chứng nhận được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định cấp.

+ Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở

Đối chiếu thông tin và kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi cơ quan có thẩm quyền với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở;

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

+ Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở

Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện”

vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm;

Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 (sáu mươi) ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 3 về Sở Công Thương Hà Nội để tổ chức thẩm định lại theo quy định. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc tính từ khi Sở Công Thương Hà Nội nhận được báo cáo khắc phục;

Nếu kết quả thẩm định lại vẫn “Không đạt”, Sở Công Thương Hà Nội không cấp Giấy chứng nhận, đồng thời thông báo bằng văn bản tới UBND quận/huyện/thị xã nơi cơ sở có địa điểm kinh doanh thực phẩm để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận;

Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 (một) bản và cơ sở giữ 01 (một) bản.

+ Cấp Giấy chứng nhận

Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở theo Mẫu quy định.

b - Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Qua đường bưu điện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo Mẫu 1);

b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Bản sao có xác nhận của cơ sở);

c. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm (theo Mẫu 2);

d. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở, người trực tiếp kinh doanh thực phẩm (Bản sao có xác nhận của cơ sở);

e. Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh do cơ sở y tế cấp quận/huyện và tương đương trở lên cấp (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

d - Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm

g - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

h - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều

kiện ATTP/văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận

i - Phí - Lệ phí:

1. Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

2. Phí thẩm định, kiểm tra thực tế cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm:

Mức phí phụ thuộc vào doanh thu của cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến được quy định:

Doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đồng/lần/cơ sở;

Doanh thu > 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đồng/lần/cơ sở;

3. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm: 150.000 đồng /lần cấp.

j - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở kinh doanh (theo mẫu 1);
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất đối với cơ sở kinh doanh (theo mẫu 2).
- Báo cáo kết quả khắc phục (theo mẫu 3).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ sở kinh doanh ở trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn Hà Nội vừa sơ chế, chế biến phục vụ kinh doanh thực phẩm tại chỗ (các loại bánh từ bột, sơ chế, đóng gói thịt gia súc gia cầm, thủy hải sản, rau, củ, quả), vừa kinh doanh thực phẩm tổng hợp, dịch vụ ăn uống tại chỗ

l - Căn cứ pháp lý:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/QH12/2010 ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị Định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.

- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mẫu 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ⁽¹⁾

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*

Cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến *(tên giao dịch hợp pháp)*:

Địa chỉ tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy phép kinh doanh số.....ngày cấp:.....đơn vị cấp:.....

Ngành nghề sản xuất, sơ chế, chế biến *(tên sản phẩm)*:.....

Công suất thiết kế:.....

Doanh thu dự kiến:.....

Số lượng công nhân viên:.....(trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:.....
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến:
- Địa chỉ kho:.....
- Điện thoại:.....Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng sản xuất, sơ chế, chế biến:.....
- Công suất thiết kế:.....
- Tổng số công nhân viên:.....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất, sơ chế, chế biến:.....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khoẻ định kỳ theo quy định:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuất, sơ chế, chế biến:.....m², trong đó diện tích nhà xưởng sản xuất, sơ chế, chế biến:.....m².
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, sơ chế, chế biến:
- Kết cấu nhà xưởng:.....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:.....
- Nguồn điện cung cấp và hệ thống đèn chiếu sáng:.....

- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:.....
- Hệ thống xử lý môi trường:.....
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến						
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm						
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng						
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
7	Thiết bị giám sát						
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay						
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
12	Hệ thống cung cấp khí nén						
13	Hệ thống cung cấp hơi nước						
14	Hệ thống thông gió						
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung						

1							
2							
3							
4							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:
2. Địa chỉ Cơ sở:
3. Số điện thoại:.....Fax:.....Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị Sở Công Thương Hà Nội kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

43

125. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp ở trung tâm thương mại, siêu thị có hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến phục vụ kinh doanh thực phẩm tại chỗ

a - Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp (quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương) ở trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn Hà Nội vừa sơ chế, chế biến phục vụ kinh doanh thực phẩm tại chỗ (các loại bánh từ bột, sơ chế, đóng gói thịt gia súc gia cầm, thủy hải sản, rau, củ, quả), vừa kinh doanh thực phẩm tổng hợp, dịch vụ ăn uống tại chỗ nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Sở Công Thương Hà Nội trực tiếp hoặc theo đường bưu điện theo địa chỉ Sở Công Thương Hà Nội.

b - Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

- Qua đường bưu điện

- Qua mạng (phần mềm dịch vụ công mức độ 3 Sở Công Thương)

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Đối với trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo Mẫu 1).

*** Đối với trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo Mẫu 1)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm (theo Mẫu 2)

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất, kinh doanh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh (bản sao có xác nhận của cơ sở).

*** Đối với trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu 1);

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao

có xác nhận của cơ sở).

- Văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi (bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d - Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

b) Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, sơ chế, chế biến; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ:

c) Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP/văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận

h - Phí - Lệ phí:

1. Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

2. Phí thẩm định, kiểm tra thực tế cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm:

Mức phí phụ thuộc vào doanh thu của cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến được quy định:

Doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đồng/lần/cơ sở;

Doanh thu > 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đồng/lần/cơ sở;

3. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm: 150.000 đồng /lần cấp.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu 1);

- Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm (theo mẫu 2).

- Báo cáo kết quả khắc phục (theo mẫu 3).

j - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ sở kinh doanh ở trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn Hà Nội vừa sơ chế, chế biến phục vụ kinh doanh thực phẩm tại chỗ (các loại bánh từ bột, sơ chế, đóng gói thịt gia súc gia cầm, thủy hải sản, rau, củ, quả), vừa kinh doanh thực phẩm tổng hợp, dịch vụ ăn uống tại chỗ

k - Căn cứ pháp lý:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/QH12/2010 ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của bộ Y tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.
- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên cơ sở..... đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến (*tên sản phẩm*), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số..... ngày cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (*ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 4 của Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương*):

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ
SẢN XUẤT, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:.....
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến:
- Địa chỉ kho:.....
- Điện thoại:.....Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng sản xuất, sơ chế, chế biến:.....
- Công suất thiết kế:.....
- Tổng số công nhân viên:.....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất, sơ chế, chế biến:.....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuất, sơ chế, chế biến:.....m², trong đó diện tích nhà xưởng sản xuất, sơ chế, chế biến:.....m².
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, sơ chế, chế biến:
- Kết cấu nhà xưởng:.....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:.....
- Nguồn điện cung cấp và hệ thống đèn chiếu sáng:.....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:.....

- Hệ thống xử lý môi trường:.....

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến						
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm						
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng						
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
7	Thiết bị giám sát						
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay						
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
12	Hệ thống cung cấp khí nén						
13	Hệ thống cung cấp hơi nước						
14	Hệ thống thông gió						
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung						
1							

2							
3							
4							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu 3

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:

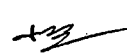
1. Tên Cơ sở:
2. Địa chỉ Cơ sở:
3. Số điện thoại:.....Fax:.....Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)



126 . Thủ tục ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:

Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ của cơ sở.

Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện:

Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ của cơ sở.

- Trong 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Sở Công Thương xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, Lãnh đạo Sở Công Thương ký xác nhận bản cam kết chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm của cơ sở.

+ Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương phải ra văn bản thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ (thông báo phải ghi rõ lý do không hợp lệ và thời gian trong vòng 7 ngày làm việc cơ sở phải hoàn thiện gửi Sở Công Thương giải quyết xem xét ký bản cam kết).

- Hết thời gian yêu cầu, cơ sở không bổ sung theo thông báo, Sở Công Thương ra thông báo từ chối ký xác nhận cam kết và trả hồ sơ cho cơ sở.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ hợp lệ, đại diện lãnh đạo Sở Công Thương ký xác nhận vào bản cam kết và trả kết quả cho cơ sở (01 bản cam kết).

- Hồ sơ và 01 bản cam kết lưu tại Sở Công Thương.

b. Cách thức thực hiện:

- Gửi qua đường bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ xin ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm gồm:

1. Bản cam kết chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm (02 bản – in trên giấy bì màu xanh dương theo mẫu đính kèm);

2. Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (nếu nộp trực tiếp); Bản sao có chứng thực (nếu nộp qua bưu điện) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

3. Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (nếu nộp trực tiếp); Bản sao có chứng thực (nếu nộp qua bưu điện) Giấy xác nhận kiến thức về ATTP của chủ cơ sở, người trực tiếp kinh doanh của cơ sở trực tiếp kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

4. Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (nếu nộp trực tiếp); Bản sao có chứng

thực (nếu nộp qua bưu điện) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh do cơ quan y tế cấp quận/huyện trở lên cấp theo quy định.

d. Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy Chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hà Nội (theo quy định tại Điều 18 của Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm (Phụ lục: Mẫu 1) hoặc văn bản từ chối ký cam kết.

h. Phí - Lệ phí: Không có

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phụ lục 1 (Mẫu 01): Bản cam kết Chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị Định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 09/05/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

**Chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm
trong kinh doanh thực phẩm**

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Tên cơ sở kinh doanh:.....
 Địa chỉ kinh doanh:.....
 Điện thoại:.....Fax:.....
 Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) Số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
 Ngành nghề kinh doanh:.....
 Số lao động tham gia kinh doanh:.....
 Tên chủ cơ sở:.....
 Số CMND/hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
 Địa chỉ thường trú:.....

CAM KẾT

Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm với những nội dung sau:

Cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 44, Điều 45, Điều 46, Mục 8, Chương VI về: điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với khu vực kinh doanh thực phẩm, điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với khu vực kho, điều kiện đối với chủ cơ sở, người trực tiếp kinh doanh thực phẩm.

Cơ sở cam kết đảm bảo và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước người tiêu dùng, trước pháp luật về an toàn thực phẩm. Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau (*cơ quan quản lý giữ 01 bản, cơ sở kinh doanh giữ 01 bản*).

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

- Cơ sở đã đăng ký cam kết chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm.

- Sau 03 năm kể từ ngày ký xác nhận, cơ sở phải thực hiện ký cam kết lại theo quy định.

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN TIẾP NHẬN**

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

XVI - Lĩnh vực Khoa học công nghệ

127. Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

a- Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện việc đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng tại các tổ chức chứng nhận hợp quy được Bộ Công Thương chỉ định.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân tự đánh giá hợp quy thì tổ chức, cá nhân công bố hợp quy phải thực hiện việc thử nghiệm tại phòng thử nghiệm được Bộ Công Thương chỉ định.

b- Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

c- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Khi công bố hợp quy, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Công Thương tại địa phương nơi tổ chức, cá nhân đó đăng ký hoạt động, sản xuất, kinh doanh.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc (kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ)

e- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân sản xuất

f- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo xác nhận công bố hợp quy.

h- Phí - Lệ phí: Không.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu thông báo xác nhận công bố hợp quy quy định tại Phụ lục II Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Thông tư 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Công Thương về việc quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

PHỤ LỤC II

THÔNG BÁO XÁC NHẬN CÔNG BỐ HỢP QUY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011)

"Tên cơ quan chủ quản"
"Tên cơ quan xác nhận công
bố"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO XÁC NHẬN BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, QUÁ TRÌNH, DỊCH VỤ, MÔI TRƯỜNG PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT

..... (Tên cơ quan xác nhận công bố) xác nhận đã nhận Bản công bố hợp quy của:
..... (tên doanh nghiệp)..... địa chỉ doanh
nghiệp cho sản phẩm, hàng hóa,
quá trình, dịch vụ, môi trường (mô tả sản phẩm, hàng hóa)
..... phù hợp quy chuẩn kỹ thuật:
(số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật).....

Bản thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của doanh nghiệp, không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường do mình sản xuất, kinh doanh, vận hành, khai thác.

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp;
- Cơ quan chủ quản (để báo cáo).

Đại diện có thẩm quyền của
Cơ quan xác nhận công bố
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I - Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng

128. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a - Trình tự thực hiện:

+ Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh cho Phòng Kinh tế;

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế xem xét và cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu bổ sung.

b - Cách thức thực hiện:

+ Qua bưu điện

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

+ Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

+ Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép.)

d - Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

h - Phí - Lệ phí:

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động để cấp mới, cấp lại do hết hạn, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.

+ Lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 200.000 đồng/giấy/lần.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ

công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục 10 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014)

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- + Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;
- + Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

+ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

+ Thông tư số 196/2014/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Phụ lục 10

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng UBND Quận (Huyện).... Thành phố Hà Nội

(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(ký tên, đóng dấu)**

Chú thích:

(1): Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

(2): Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

129. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a - Trình tự thực hiện:

+ Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh cho Phòng Kinh tế

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu bổ sung.

b - Cách thức thực hiện:

+ Qua bưu điện

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

+ Đơn đề nghị cấp lại.

+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ Hồ sơ (01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép.

d - Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, hết thời hạn hiệu lực; Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp lại lần thứ...)

h - Phí - Lệ phí:

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động để cấp mới, cấp lại do hết hạn, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.

+ Lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 200.000 đồng/giấy/lần.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh

doanh (theo mẫu tại Phụ lục 12 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- + Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;
- + Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với trường hợp Giấy phép hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

+ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

+ Thông tư số 196/2014/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Phụ lục 12

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014

của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP

SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Thành phố Hà Nội⁽¹⁾ (2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Kinh tế quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Kinh tế).

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

⁽⁵⁾: Lý do phải cấp lại Giấy phép

130. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a - Trình tự thực hiện:

+ Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh cho Phòng Kinh tế

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu bổ sung.

b - Cách thức thực hiện:

+ Qua bưu điện

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung;

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép).

d - Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)

h - Phí - Lệ phí:

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động để cấp mới, cấp lại do hết hạn, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.

+ Lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 200.000 đồng/giấy/lần.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục 11 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

+ Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

I - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

+ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

+ Thông tư số 196/2014/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Phụ lục 11

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**
Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Thành phố Hà Nội⁽¹⁾

(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất

(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.

(2): Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

(5): Lý do phải cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

133. Thủ tục ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm gửi 01 bộ hồ sơ về UBND các quận, huyện, thị xã (sau đây gọi là UBND cấp huyện)

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ của cơ sở.

Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ UBND cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện:

Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ của cơ sở.

- Trong 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, UBND cấp huyện xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, Lãnh đạo UBND cấp huyện ký xác nhận bản cam kết chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm của cơ sở.

+ Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, UBND cấp huyện phải ra văn bản thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ (thông báo phải ghi rõ lý do không hợp lệ và thời gian trong vòng 7 ngày làm việc cơ sở phải hoàn thiện gửi UBND cấp huyện giải quyết xem xét ký bản cam kết).

- Hết thời gian yêu cầu, cơ sở không bổ sung theo thông báo, UBND cấp huyện ra thông báo từ chối ký xác nhận cam kết và trả hồ sơ cho cơ sở.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ hợp lệ, đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện ký xác nhận vào bản cam kết và trả kết quả cho cơ sở (01 bản cam kết).

- Hồ sơ và 01 bản cam kết lưu tại UBND cấp huyện.

b. Cách thức thực hiện: Gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ xin ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm gồm:

1. Bản cam kết chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm (02 bản – in trên giấy bì màu xanh dương theo mẫu đính kèm);

2. Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (nếu nộp trực tiếp); Bản sao có chứng thực (nếu nộp qua bưu điện) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

3. Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (nếu nộp trực tiếp); Bản sao có chứng thực (nếu nộp qua bưu điện) Giấy xác nhận kiến thức về ATTP của chủ cơ sở, người trực tiếp kinh doanh của cơ sở trực tiếp kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

4. Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (nếu nộp trực tiếp); Bản sao có chứng thực (nếu nộp qua bưu điện) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh do cơ quan y tế cấp quận/huyện trở lên cấp theo quy định.

d. Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND các quận, huyện, thị xã trực thuộc Thành phố Hà Nội (theo quy định tại Điều 18 của Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm (Phụ lục: Mẫu 1) hoặc văn bản từ chối ký cam kết

h. Phí - Lệ phí: Không có

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phụ lục 1 (Mẫu 01): Bản cam kết Chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm:

- Cơ sở kinh doanh các loại: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm;

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp là cơ sở kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 (hai) Bộ trở lên (bao gồm cả siêu thị và các cơ sở kinh doanh trong chợ).

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị Định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 09/05/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
Chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm
trong kinh doanh thực phẩm

Kính gửi: ...*(cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận cam kết đảm bảo ATTP)*
Tên cơ sở kinh doanh:.....
Địa chỉ kinh doanh:.....
Điện thoại:.....Fax:.....
Giấy đăng ký kinh doanh số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Ngành nghề kinh doanh:.....
Số lao động tham gia kinh doanh:.....
Tên chủ cơ sở:.....
Số CMND/hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....

CAM KẾT

Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm với những nội dung sau:

Cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 44, Điều 45, Điều 46, Mục 8, Chương VI về: điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với khu vực kinh doanh thực phẩm, điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với khu vực kho, điều kiện đối với chủ cơ sở, người trực tiếp kinh doanh thực phẩm.

Cơ sở cam kết đảm bảo và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước người tiêu dùng, trước pháp luật về an toàn thực phẩm. Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau *(cơ quan quản lý giữ 01 bản, cơ sở kinh doanh giữ 01 bản)*.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

- Cơ sở đã đăng ký cam kết chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm.
- Sau 03 năm kể từ ngày ký xác nhận, cơ sở phải thực hiện ký cam kết lại theo quy định.

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN TIẾP NHẬN

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

134. Kiểm tra và cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp Huyện trên địa bàn Thành phố Hà Nội

a - Trình tự thực hiện:

- Tổ chức/cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (01 bộ hồ sơ) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Ủy ban nhân dân cấp Huyện nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất.

- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp Huyện lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian, địa điểm tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân.

- Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi, Ủy ban nhân dân cấp Huyện cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân đạt yêu cầu (đã trả lời đúng trên 80% số câu hỏi ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trong bài kiểm tra kiến thức về ATTP).

b - Cách thức thực hiện:

Gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01a tại Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT).

b) Bản sao Giấy Chứng minh thư nhân dân.

c) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

d) Danh sách đề nghị kiểm tra để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01b tại Phụ lục 4 Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT).

e) Bản sao (có đóng dấu xác nhận của tổ chức xin cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm): Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

* Ghi chú: Mục d và e áp dụng cho các tập thể, không áp dụng cho cá nhân.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d - Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận, thông báo hồ sơ hợp lệ và thời gian kiểm tra kiến thức: 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ);

- Cấp Giấy xác nhận kiến thức ATTP: 03 ngày làm việc (kể từ ngày tổ chức kiểm tra kiến thức đối với những người đã đạt trên 80% số câu trả lời đúng ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trở lên).

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng thường xuyên dưới 10 lao động), hộ

kinh doanh, cá nhân trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp Huyện.

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

- (Mẫu 02a và 02b) tại Phụ lục 4, Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT. Áp dụng cho tổ chức

- (Mẫu 02c) tại Phụ lục 4, Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT cho cá nhân. Áp dụng cho cá nhân.

h - Phí - Lệ phí:

- Lệ phí: 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng chẵn)/ 01 người (theo quy định tại Thông tư 149/2013/TT-BTC).

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu số 01a tại Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT).

- Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu số 01b tại Phụ lục 4 Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng trên 80% số câu hỏi ở mỗi phần (câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên.

- Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong đó:

• Kiến thức chung về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; các mối nguy an toàn thực phẩm; điều kiện an toàn thực phẩm; phương pháp bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hành tốt an toàn thực phẩm.

• Kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn thực phẩm.

- Quyết định 6409/QĐ- BCT ngày 21/7/2014 của Bộ Công Thương về việc ban hành danh mục tài liệu, bộ câu hỏi kiểm tra kèm theo đáp án trả lời và chỉ định cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra cấp giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

- Quyết định 6410/QĐ- BCT ngày 21/7/2014 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Công Thương.

- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 9/5/2016 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mẫu 01a

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT
ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Bộ Công Thương)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: Phòng.... Ủy ban nhân dân Quận, Huyện, Tỉnh(Thành phố)...

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số....., cấp
ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu.

Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công Thương ban hành.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/cá nhân đề nghị xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

*** Ghi chú:** Gửi kèm theo danh sách đề nghị xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm
(Theo mẫu) đối với tập thể.

Mẫu 01b

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT
ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Bộ Công Thương)*

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ**XÁC NHẬN KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của(tên tổ
chức).....)*

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức đề nghị xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 02a

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)

UBND TỈNH(THÀNH PHỐ).. CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
UBND QUẬN, HUYỆN... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
PHÒNG...

**GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20... /XNTH-ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận

Căn cứ Thông tư liên tịch số và nội dung, tài liệu kiến thức an toàn thực phẩm của (cơ quan theo Điều 13 của Thông tư liên tịch)

...(tên cơ quan xác nhận)... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên tổ chức/ Cá nhân:,

địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện/ CMTND số, cấp ngày nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

(có tên trong danh sách kèm theo Giấy này) có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày..... tháng năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN XÁC NHẬN

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02b

Danh sách được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

(kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm Số: /20... /XNTH-ký
hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày/tháng/ năm cấp CM	Nơi cấp CMTND

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng cơ quan xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 02c

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)

**UBND TỈNH(THÀNH
PHỐ)..**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UBND QUẬN, HUYỆN...
PHÒNG...

**GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20... /XNTH-ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận

Căn cứ Thông tư liên tịch số và nội dung, tài liệu kiến thức an toàn thực phẩm của (cơ quan theo Điều 13 của Thông tư liên tịch)

...(tên cơ quan xác nhận).... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Cá nhân:

địa chỉ:

Giấy CMTND số, cấp ngày nơi cấp:

Điện thoại:Fax:.....

Có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày..... tháng năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN XÁC NHẬN

(ký tên, đóng dấu)

III - Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước

135. Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu gửi 01 bộ hồ sơ về UBND quận, huyện, thị xã (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

- Phòng Kinh tế kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân

- Phòng Kinh tế tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư 60/2014/TT-BCT.

b) Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

c) Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.

d) Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).

đ) Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

e) Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

*** Số lượng hồ sơ:** Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi UBND quận, huyện, thị xã, thương nhân lưu 01 bộ;

d - Thời hạn giải quyết:

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Phòng Kinh tế có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu cho thương nhân theo hướng dẫn của Bộ Công Thương. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.

- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT)..

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

b) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

c) Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

d) Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

đ) Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

e) Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;

g) Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Phụ lục 31

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Phòng⁽¹⁾

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽³⁾

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽³⁾

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:⁽⁴⁾

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Phòng Kinh tế nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

⁽⁴⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

te

136. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu gửi 01 bộ hồ sơ về UBND quận, huyện, thị xã (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).
- Phòng Kinh tế kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân
- Phòng Kinh tế tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Thương nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

Hồ sơ trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu;
- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp (nếu có).
- Thời hạn của giấy phép sẽ giữ nguyên như giấy phép cũ (đối với trường hợp cấp lại do hỏng, mất).

*** Số lượng hồ sơ:** Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu đề nghị lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi UBND quận, huyện, thị xã, thương nhân lưu 01 bộ;

d - Thời hạn giải quyết:

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ

sản phẩm rượu

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.
- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 34 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Là thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 34

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÃN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:.....
do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần
thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày.....
tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu
số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh
⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do⁽³⁾

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị
định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số
60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số
điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai
xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Phòng Kinh tế nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾ Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

137. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu gửi 01 bộ hồ sơ về UBND quận, huyện, thị xã (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

- Phòng Kinh tế kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân

- Phòng Kinh tế tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung;

b) Bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

*** Số lượng hồ sơ:** Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi UBND quận, huyện, thị xã, thương nhân lưu 01 bộ;

d - Thời hạn giải quyết:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp bổ sung, sửa đổi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

h - Phí - Lệ phí: - Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.

- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 33 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Là thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu;

I - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Phụ lục 33

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên thương nhân :

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:.....
do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần
thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày.....
tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu
số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép
kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa
đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾.... của
.....⁽⁴⁾.... sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu tại quận/huyện, thành phố Hà Nội
.....⁽⁶⁾.....

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾.... của
.....⁽⁴⁾.... sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu tại quận/huyện, thành phố Hà Nội
.....⁽⁶⁾.....

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

b) Đề nghị bổ sung:

.....⁽⁷⁾.....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Phòng Kinh tế nơi thương nhân dự kiến xin phép sửa đổi, bổ sung giấy phép.

⁽²⁾ Ghi rõ là bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;

⁽⁴⁾: Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu

⁽⁵⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các Địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

⁽⁶⁾: Ghi rõ tên của quận/huyện.

⁽⁷⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các Địa điểm thương nhân dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

138. Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về UBND quận, huyện, thị xã (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

- Phòng Kinh tế kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân

- Phòng Kinh tế tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

c) Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

d) Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

- Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;

- Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

- Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

*** Số lượng hồ sơ:** Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi UBND quận, huyện, thị xã, thương nhân lưu 01 bộ;

d - Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh tế có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.

- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- b) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;
- c) Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;
- d) Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- đ) Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013
của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Phòng Kinh tế huyện (quận)⁽¹⁾

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị Phòng Kinh tế huyện (quận)⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....⁽²⁾

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....⁽³⁾

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên Phòng Kinh tế huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

139. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về UBND quận, huyện, thị xã (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

- Phòng Kinh tế kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân

- Phòng Kinh tế tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* **Số lượng hồ sơ:** Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ xin đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ gửi UBND quận, huyện, thị xã;

d - Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định Phòng Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

h - Phí - Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.

- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 50 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 50

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013
của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế huyện (quận).....

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)... số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày..... tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

+ Tên:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được Phòng Kinh tế huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....

Đã được Phòng Kinh tế huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có)⁽¹⁾

...(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....⁽²⁾

- Đề tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm⁽³⁾

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:.....⁽³⁾

- Thông tin mới:.....⁽⁴⁾

b) Đề nghị bổ sung:⁽⁴⁾

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung

140. Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a - Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về UBND quận, huyện, thị xã (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

- Phòng Kinh tế kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân

- Phòng Kinh tế tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b - Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Thương nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Hồ sơ trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

a) Văn bản đề nghị cấp lại;

b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

* **Số lượng hồ sơ:** Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ xin đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi UBND quận, huyện, thị xã;

d - Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định Phòng Kinh tế sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

h - Phí - Lệ phí: - Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.

- Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 56 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

I - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 56

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Phòng Kinh tế huyện (quận).....⁽¹⁾

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....
6. Đã được Phòng Kinh tế huyện (quận).....⁽¹⁾..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được Phòng Kinh tế huyện (quận).....⁽¹⁾.....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận).....⁽¹⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do⁽²⁾.....
.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Phòng Kinh tế quận, huyện nơi thương nhân xin cấp phép

⁽²⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

V. Lĩnh vực công nghiệp địa phương

141. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện

a. Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện từ các cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (Mẫu số 01);

- Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn (Mẫu số 02) ;

- 03 ảnh của sản phẩm, kích thước (9x12)cm;

- Các chứng nhận, chứng chỉ khác (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014.

d. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

e. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thực hiện thủ tục hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

f. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở công nghiệp nông thôn.

g. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

h. Phí, Lệ phí: không có

i. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

j. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Quy định tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đáp ứng các quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Thông tư số 26/2014/TT-BCT, cụ thể:

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);
- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;
- Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;
- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;
- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:
 - + Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;
 - + Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;
 - + Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;
 - + Tiêu chí khác.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;
- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;
- Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;
- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....Email:.....

Người đại diện:.....; Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số:Ngày cấp;.....

Ngành nghề kinh doanh (tóm tắt ngành nghề chính có liên quan):

Địa điểm sản xuất:

Vốn đăng ký kinh doanh (nếu có):.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất (đối với doanh nghiệp):.....

Tổng số lao động bình quân/năm:

Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:.....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

Tên sản phẩm tham gia bình chọn:

Mô tả tóm tắt về sản phẩm:

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm nêu trên; sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên sản phẩm:

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn:.....; Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG CHÍNH

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:.....

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Về sản xuất, kinh doanh

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có):.....
- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:.....
- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....
- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm:.....
- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm:.....
- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.
- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn:.....

- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác:.....
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm:.....

1.2. Về thị trường

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....
- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):.....

2. Lao động, bảo vệ môi trường

2.1. Về lao động

- Tổng số lao động đang sử dụng:.....
- Chất lượng lao động đang sử dụng:.....
- Thu nhập bình quân:.....VNĐ/người/tháng

2.2. Về môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm:.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:.....
- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:.....
- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:.....

4. Một số nội dung khác

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:.....
- Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được:.....
- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....
- Tham gia các hoạt động công ích xã hội:.....
- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

III. TỰ NHẬN XÉT

.....

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(ký tên và đóng dấu)

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I - Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng

142. Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại

a - Trình tự thực hiện:

+ Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại cho UBND cấp Xã.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp Xã xem xét và cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, UBND cấp Xã sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung.

b - Cách thức thực hiện:

+ Qua bưu điện

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp xã.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ: Hồ sơ đề nghị đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại gồm:

+ Giấy đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại;

+ Bản sao Hợp đồng mua bán giữa tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký sản xuất rượu thủ công và doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu. .

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi UBND xã, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép.)

d - Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.

h - Phí - Lệ phí: Không

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (theo mẫu tại Phụ lục 16 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014)

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản

xuất, kinh doanh rượu;

+ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

+ Thông tư số 196/2014/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Phụ lục 16

*(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG ĐỂ BÁN CHO
DOANH NGHIỆP CÓ GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU ĐỂ CHẾ BIẾN LẠI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường)....⁽¹⁾

thuộc Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...

.....⁽²⁾

Điện thoại (nếu có):

Địa điểm sản xuất.....

Hợp đồng mua bán với cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại số...
ngày... tháng... năm...

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường)⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép sản xuất
rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP
ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27
tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định
số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ thể sản xuất

(Ký tên)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cơ sở đăng ký sản xuất.

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân đăng ký.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái
cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm).

143. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại

a - Trình tự thực hiện:

+ Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại cho UBND cấp Xã.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp Xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, UBND cấp Xã có văn bản yêu cầu bổ sung.

b - Cách thức thực hiện:

+ Qua bưu điện

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp xã.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ: Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại gồm:

+ Giấy đăng ký sửa đổi, bổ sung;

+ Bản sao Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi UBND xã, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép.)

d - Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại, có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy xác nhận đã được cấp.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)

h - Phí - Lệ phí: Không

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (theo mẫu tại Phụ lục 17 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014).

k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

I - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

+ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

+ Thông tư số 196/2014/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Phụ lục 17

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY XÁC NHẬN SẢN XUẤT RƯỢU
THỦ CÔNG ĐỂ BÁN CHO DOANH NGHIỆP CÓ GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU ĐỂ CHẾ BIẾN LẠI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường)....⁽¹⁾

thuộc Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...

(2)

Điện thoại (nếu có):

Địa điểm sản xuất:.....

Hợp đồng mua bán với cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại số...
ngày... tháng... năm...

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để
bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾
cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp cấp sửa đổi, bổ sung Giấy
xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu, với lý
do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường)⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi bổ sung

Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công các
loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP
ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27
tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định
số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ thể sản xuất

(ký tên)

Chú thích:

(1): Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cơ sở đăng ký sản xuất.

(2): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái
cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm).

(5): Lý do sửa đổi bổ sung.

144. Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại

a - Trình tự thực hiện:

+ Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại cho UBND cấp Xã.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp Xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, UBND cấp Xã có văn bản yêu cầu bổ sung.

b - Cách thức thực hiện:

+ Qua bưu điện

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp xã.

c - Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

+ Trường hợp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy. Hồ sơ đề nghị cấp lại bao gồm:

Giấy đăng ký cấp lại.

Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi UBND xã, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép.)

d - Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại, hết thời hạn hiệu lực; Giấy xác nhận bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

f - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã

g - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (Cấp lại lần thứ...).

h - Phí - Lệ phí: Không

i - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký cấp lại Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (theo mẫu tại Phụ lục 18 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12

năm 2014).

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đối với trường hợp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại, hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy xác nhận 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

l - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

+ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

+ Thông tư số 196/2014/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Phụ lục 18

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG
ĐỂ BÁN CHO DOANH NGHIỆP CÓ GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU
ĐỂ CHẾ BIẾN LẠI**

**Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường)....⁽¹⁾
thuộc Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...**

⁽²⁾

Điện thoại (nếu có):

Địa điểm sản xuất.....

Hợp đồng mua bán với cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại số...
ngày... tháng... năm...

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để
bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu số.....ngày.....
tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy xác nhận sản xuất
rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu, với lý do cụ thể
như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường)⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy xác nhận
sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP
ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27
tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định
số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ thể sản xuất

(Ký tên)

Chú thích:

(1): Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cơ sở đăng ký sản xuất.

(2): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái
cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm).

(5): Lý do sửa đổi bổ sung.

II. Lĩnh vực An toàn thực phẩm

145. Thủ tục ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm gửi 01 bộ hồ sơ về UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã).

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ của cơ sở.

Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ UBND cấp xã hướng dẫn cơ sở hoàn thiện.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện:

Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ của cơ sở.

- Trong 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ UBND cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, lãnh đạo UBND cấp xã ký xác nhận bản cam kết chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm của cơ sở.

+ Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, UBND cấp xã phải ra văn bản thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ (thông báo phải ghi rõ lý do không hợp lệ và thời gian trong vòng 7 ngày làm việc cơ sở phải hoàn thiện gửi UBND cấp xã xem xét ký bản cam kết).

- Hết thời gian yêu cầu, cơ sở không bổ sung theo thông báo, UBND cấp xã ra thông báo từ chối ký xác nhận cam kết và trả hồ sơ cho cơ sở.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ hợp lệ, đại diện lãnh đạo UBND cấp xã ký xác nhận vào bản cam kết và trả kết quả cho cơ sở (01 bản cam kết).

- Hồ sơ và 01 bản cam kết lưu tại UBND cấp xã.

b. Cách thức thực hiện: Gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp xã.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ xin ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm gồm:

1. Bản cam kết chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm (02 bản – in trên giấy bì màu xanh dương theo mẫu đính kèm);

2. Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (nếu nộp trực tiếp); Bản sao có chứng thực (nếu nộp qua bưu điện) Giấy xác nhận kiến thức về ATTP của chủ cơ sở, người trực tiếp kinh doanh của cơ sở trực tiếp kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

3. Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (nếu nộp trực tiếp); Bản sao có chứng

thực (nếu nộp qua bưu điện) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh do cơ quan y tế cấp quận/huyện trở lên cấp theo quy định.

d. Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND các xã, phường, thị trấn

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm (Phụ lục: Mẫu 1) hoặc văn bản từ chối ký cam kết

h. Phí - Lệ phí: Không có

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phụ lục 1 (Mẫu 01): Bản cam kết Chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm:

- Cơ sở kinh doanh các loại: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm;

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp là cơ sở kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 (hai) Bộ trở lên (bao gồm cả siêu thị và các cơ sở kinh doanh trong chợ).

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

- Nghị Định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 09/05/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
Chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm
trong kinh doanh thực phẩm

Kính gửi: ...*(cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận cam kết đảm bảo ATTP)*

Tên cơ sở kinh doanh:.....

Địa chỉ kinh doanh:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Ngành nghề kinh doanh:.....

Số lao động tham gia kinh doanh:.....

Tên chủ cơ sở:.....

Số CMND/hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

CAM KẾT

Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm với những nội dung sau:

Cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 44, Điều 45, Điều 46, Mục 8, Chương VI về: điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với khu vực kinh doanh thực phẩm, điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với khu vực kho, điều kiện đối với chủ cơ sở, người trực tiếp kinh doanh thực phẩm.

Cơ sở cam kết đảm bảo và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước người tiêu dùng, trước pháp luật về an toàn thực phẩm. Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau *(cơ quan quản lý giữ 01 bản, cơ sở kinh doanh giữ 01 bản)*.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

- Cơ sở đã đăng ký cam kết chấp hành các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm.

- Sau 03 năm kể từ ngày ký xác nhận, cơ sở phải thực hiện ký cam kết lại theo quy định.

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN TIẾP NHẬN

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI THỰC HIỆN THEO QUY TRÌNH LIÊN THÔNG

I - Lĩnh vực Dầu khí

146. Thẩm định, phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m³ đến dưới 5.000m³

a. Trình tự thực hiện:

- Sở Công Thương nhận tiếp nhận hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210 m³ đến dưới 5.000m³ vào quy hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho xăng dầu để hoàn chỉnh hồ sơ

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp.

- Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013.

- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình

kho xăng dầu khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu.

- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

- Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho xăng dầu thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương Hà Nội số 331 đường Cầu Giấy – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

c. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210 m³ đến dưới 5.000m³ bao gồm:

- + Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho xăng dầu của tổ chức, cá nhân: theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013;

- + Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu phù hợp với quy hoạch xây dựng hoặc Thỏa thuận về địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu chưa có trong quy hoạch xây dựng của cấp có thẩm quyền;

- + Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh xăng dầu;

- + Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu xăng dầu khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;

- + Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho xăng dầu;

- + Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

+ Phương án thu xếp vốn đầu tư; Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Những doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

+ Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình xăng dầu;

- Số lượng bộ hồ sơ: 09 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đầu tư kho xăng dầu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu của Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh.

h. Phí, Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Được đào tạo về chuyên ngành kinh tế, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý quy hoạch, quản lý kinh doanh xăng dầu.

- Nắm vững các quy trình, quy định về công tác quản lý quy hoạch; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác quy hoạch.

- Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

- Đối với cán bộ thực hiện thủ tục hành chính của Sở Công Thương phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

+ Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành kinh tế hoặc chuyên ngành liên quan đến ngành, lĩnh vực sản phẩm xăng dầu.

+ Có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch hoặc có kinh nghiệm quản lý ngành, lĩnh vực sản phẩm xăng dầu với ít nhất bốn (04) năm kinh nghiệm nếu có bằng đại học; hai (02) năm kinh nghiệm nếu có bằng thạc sỹ; một (01) năm kinh nghiệm nếu có bằng tiến sỹ.

+ Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị

định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 1 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.

Phụ lục I
Mẫu văn bản đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LPG,
kho LNG vào quy hoạch
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT
ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số..... (1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự án đầu
tư kho xăng dầu, kho LPG, kho
LNG vào quy hoạch

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng....năm..... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, *(Tên Chủ đầu tư)* trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa phương nơi đóng trụ sở chính của chủ đầu tư.
- (2) Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân/Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (3) Tên Quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

147. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m³

a. Trình tự thực hiện:

- Sở Công Thương nhận tiếp nhận hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m³ vào quy hoạch đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Thành phố phê duyệt.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho LPG để hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp.

- Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Kỹ thuật an toàn môi trường, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013.

- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG.

- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Thành phố (Quy hoạch do cấp Thành phố lập và

phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương số 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m³ bao gồm:

- Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho LPG của tổ chức, cá nhân: theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG phù hợp với quy hoạch xây dựng hoặc Thỏa thuận về địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho LPG chưa có trong quy hoạch xây dựng của cấp có thẩm quyền;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LPG;

- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LPG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;

- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LPG;

- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Phương án thu xếp vốn đầu tư; Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Những doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình LPG;

- Số lượng bộ hồ sơ: 09 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đầu tư kho LPG đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

g. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

h. Phí, Lệ phí: Không

i. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

j. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Được đào tạo về chuyên ngành kinh tế, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý quy hoạch, quản lý kinh doanh LPG.

Nắm vững các quy trình, quy định về công tác quản lý quy hoạch; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác quy hoạch.

Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

- Đối với cán bộ thực hiện thủ tục hành chính của Sở Công Thương phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành kinh tế hoặc chuyên ngành liên quan đến ngành, lĩnh vực sản phẩm LPG.

Có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch hoặc có kinh nghiệm quản lý ngành, lĩnh vực sản phẩm LPG với ít nhất bốn (03) năm kinh nghiệm nếu có bằng đại học; hai (02) năm kinh nghiệm nếu có bằng thạc sỹ; một (01) năm kinh nghiệm nếu có bằng tiến sỹ.

Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 1 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.

Phụ lục I
Mẫu văn bản đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LPG,
kho LNG vào quy hoạch
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT
ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

V/v đề nghị bổ sung dự án đầu
tư kho xăng dầu, kho LPG, kho
LNG vào quy hoạch

....(1)....., ngày..... tháng năm

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng....năm..... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, *(Tên Chủ đầu tư)* trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG

1. Tên dự án

2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)

3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG

4. Quy mô, dung tích kho

5. Nguồn vốn đầu tư

6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Địa phương nơi đóng trụ sở chính của chủ đầu tư.

(2) Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân/Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(3) Tên Quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

148. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m³

a. Trình tự thực hiện:

- Sở Công Thương nhận tiếp nhận hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án kho LPG, có dung tích kho chứa dưới 5.000 m² vào quy hoạch đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho LNG để hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp.

- Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Kỹ thuật an toàn môi trường, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013.

- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG.

- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (Quy hoạch do cấp Thành phố lập và phê

duyet) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương 331 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội..

c. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m³ bao gồm:

- Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho LNG của tổ chức, cá nhân: theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013;
- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG phù hợp với quy hoạch xây dựng hoặc Thỏa thuận về địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho LNG chưa có trong quy hoạch xây dựng của cấp có thẩm quyền;
- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LNG;
- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LNG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;
- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LNG;
- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;
- Phương án thu xếp vốn đầu tư; Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Những doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;
- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình LNG;
- Số lượng bộ hồ sơ: 09 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đầu tư kho LNG đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

g. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

h. Phí, Lệ phí: Không

i. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Được đào tạo về chuyên ngành kinh tế, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý quy hoạch, quản lý kinh doanh LNG.

- Nắm vững các quy trình, quy định về công tác quản lý quy hoạch; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác quy hoạch.

- Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

Đối với cán bộ thực hiện thủ tục hành chính của Sở Công Thương phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành kinh tế hoặc chuyên ngành liên quan đến ngành, lĩnh vực sản phẩm LNG.

- Có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch hoặc có kinh nghiệm quản lý ngành, lĩnh vực sản phẩm LNG với ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm nếu có bằng đại học; hai (02) năm kinh nghiệm nếu có bằng thạc sỹ; một (01) năm kinh nghiệm nếu có bằng tiến sỹ.

- Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước.

m. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.

Phụ lục I
Mẫu văn bản đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LPG,
kho LNG vào quy hoạch
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT
ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....
V/v đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG vào quy hoạch (1)....., ngày..... tháng năm

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng....năm..... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, *(Tên Chủ đầu tư)* trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu/LPG/LNG vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa phương nơi đóng trụ sở chính của chủ đầu tư.
- (2) Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân/Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (3) Tên Quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

II - Lĩnh vực Điện lực

149. Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV)

a. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư các dự án có nhu cầu bổ sung, điều chỉnh trong Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch và gửi Sở Công Thương thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Trong quá trình thẩm định, Sở Công Thương lấy ý kiến bằng văn bản của Công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan (nếu cần thiết).

- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm hoàn thành thẩm định hồ sơ điều chỉnh Hợp phần quy hoạch trước khi trình Ủy ban nhân dân TP Hà Nội phê duyệt.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương Hà Nội số 331 Cầu Giấy, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội.

c. Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của Chủ đầu tư.

+ Báo cáo điều chỉnh Hợp phần quy hoạch (nội dung của Báo cáo được quy định tại Khoản 2 Điều 22 Thông tư 43/2013/TT-BCT)

- Số lượng bộ hồ sơ: một (01) bộ (riêng Báo cáo điều chỉnh Hợp phần quy hoạch: năm (05) bản).

d. Thời hạn giải quyết: Chín (09) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm hoàn thành thẩm định hồ sơ điều chỉnh Hợp phần quy hoạch trước khi trình Ủy ban nhân dân TP Hà Nội phê duyệt.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư các dự án có nhu cầu bổ sung, điều chỉnh trong Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân TP Hà Nội.

g. Phí, Lệ phí: không có.

h. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt việc bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP Hà Nội.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư 43/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực;

+ Thông tư 33/2014/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng.

III. Lĩnh vực công nghiệp địa phương

150. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh

a. Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp nhận Hồ sơ đề nghị đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh từ Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.

c. Thành phần hồ sơ: Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (Mẫu số 01);
- Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn (Mẫu số 02);
- 03 ảnh của sản phẩm, kích thước (9x12)cm;
- Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện còn giá trị;
- Các chứng nhận, chứng chỉ khác (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014.

d. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

e. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thực hiện thủ tục hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

f. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở công nghiệp nông thôn.

g. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố.

h. Phí, Lệ phí: không có

i. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Thành phố.

j. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Quy định tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đáp ứng các quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Thông tư số 26/2014/TT-BCT, cụ thể:

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

- Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:-

+ Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;

+ Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;

+ Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;

+ Tiêu chí khác.

I. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Fax:..... Email:.....

Người đại diện:.....; Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số: Ngày cấp;.....

Ngành nghề kinh doanh (tóm tắt ngành nghề chính có liên quan):

Địa điểm sản xuất:

Vốn đăng ký kinh doanh (nếu có):.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất (đối với doanh nghiệp):.....

Tổng số lao động bình quân/năm:

Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:.....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

Tên sản phẩm tham gia bình chọn:

Mô tả tóm tắt về sản phẩm:

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm nêu trên; sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ

BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên sản phẩm:

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn:.....; Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG CHÍNH

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:.....

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Về sản xuất, kinh doanh

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có):.....
- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:.....
- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....
- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm:.....
- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm:.....
- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.
- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn:.....
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác:.....
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm:.....

1.2. Về thị trường

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....
- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):.....

2. Lao động, bảo vệ môi trường

2.1. Về lao động

- Tổng số lao động đang sử dụng:.....
- Chất lượng lao động đang sử dụng:.....
- Thu nhập bình quân:.....VNĐ/người/tháng

2.2. Về môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm:.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:.....
- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:.....
- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:.....

4. Một số nội dung khác

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:.....
- Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được:.....
- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....
- Tham gia các hoạt động công ích xã hội:.....
- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

III. TỰ NHẬN XÉT

.....

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(ký tên và đóng dấu)